



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - Số 677 / Kỳ I - 9/2024



CHUYỂN ĐỔI SỐ
ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG
ĐƯA ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI



KỶ NIỆM 79 NĂM NGÀY QUỐC KHÁNH
KINH TẾ VIỆT NAM PHÁT TRIỂN, VỊ THẾ, UY TÍN
TRÊN TRƯỜNG QUỐC TẾ KHÔNG NGỪNG
ĐƯỢC NÂNG CAO



PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG
CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN BIẾN ĐỘNG NĂNG SUẤT
LAO ĐỘNG TỔNG HỢP CHUNG TOÀN NỀN KINH TẾ
VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2023



THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC
THiểu SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH CAO BẰNG

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 9/2024 (677) Ra hàng tháng. Năm thứ 63
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

- Hội thảo nghiên cứu xây dựng chỉ số đổi mới sáng tạo ngành tại Việt Nam
- Hội thảo tập huấn Phân tích tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA) "Tác động của cấu trúc dân số theo thành thị - nông thôn, giới tính và cấu trúc tuổi đến kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020"
- Hội thảo xin ý kiến xây dựng chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê

KINH TẾ - XÃ HỘI

- Chuyển đổi số - Động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới
Tô Lâm
- Kỷ niệm 79 năm ngày Quốc khánh - Kinh tế Việt Nam phát triển, vị thế, uy tín trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao
Trang Nguyễn
- Ngoại giao đưa Việt Nam hội nhập vào dòng chảy chung của thế giới
Bích Ngọc
- Nhiều điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội Tháng Tám và 8 tháng năm 2024
- Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng Tám năm 2024
- Chuyển đổi số tiếp tục chuyển mình mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực
Minh Hà
- Phát triển công nghiệp Halal - Cơ hội lớn từ thị trường Halal toàn cầu
Ngọc Linh
- Hồ tiêu - Cơ hội trở lại nhóm ngành hàng tỷ đô sau nhiều năm vắng bóng
Quang Vinh
- Việt Nam chủ động phòng vệ thương mại - Bảo vệ hàng trong nước
Thu Hường
- Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu
Minh Thu

- Thành phố Hồ Chí Minh có thêm xung lực phát triển mới nhờ cơ chế đặc thù
Kim Hải

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến biến động năng suất lao động tổng hợp chung toàn nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023
ThS. Lê Thị Thu Trang

QUỐC TẾ

- UKVFTA khẳng định sức bật trong quan hệ kinh tế Việt Nam - Vương quốc Anh
Minh Hà
- Kinh tế thế giới trong vòng xoáy xung đột Trung Đông
Trúc Linh

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH CAO BẰNG

- Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Cao Bằng
Bế Văn Hùng
- Huyện Quảng Hòa: Nỗ lực hoàn thành các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội
Minh Hà
- Cao Bằng: Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào lĩnh vực nông nghiệp
Bế Đăng Khoa
- Ngành Y tế tỉnh Cao Bằng: Vì sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân
Nông Tuấn Phong
- Công ty Điện lực Cao Bằng: Hiện đại hoá lưới điện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội địa phương
Trọng Nghĩa

Giá: 27.000 đ



HỘI THẢO NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NGÀNH TẠI VIỆT NAM



Chiều ngày 23/8/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo nghiên cứu xây dựng chỉ số đổi mới sáng tạo ngành tại Việt Nam. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo, có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Đỗ Thị Ngọc; đại diện lãnh đạo và chuyên viên một số đơn vị thuộc TCTK; PGS.TS Phan Thị Thục Anh, trường Đại học VinUni và các thành viên trong đoàn.

Phát biểu tại Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ sự vui mừng với sự hợp tác của trường Đại học VinUni và các thành viên khi chia sẻ những kiến thức mới về đổi mới sáng tạo (ĐMST) cùng TCTK.

Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho rằng, việc hợp tác

trong thu thập dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu xây dựng chỉ số đổi mới sáng tạo ngành của Việt Nam năm 2024 được Đảng, Nhà nước và các nhà quản lý rất quan tâm, đặc biệt khi ĐMST được coi là động lực quan trọng trong phát triển của thế giới cũng như Việt Nam, điều này cũng được nêu rõ trong các chương trình, nghị quyết...

Tại Hội thảo, bà Phan Thị Thục Anh trình bày nghiên cứu xây dựng chỉ số đổi mới sáng tạo ngành Việt Nam năm 2024 với các nội dung: Sơ lược một số hoạt động nghiên cứu về ĐMST của VinUni; Tình hình nghiên cứu và triển khai chỉ số ĐMST ngành trên thế giới và ở Việt Nam; Giới thiệu chỉ số ĐMST ngành Việt Nam năm 2024; Đề xuất, trao đổi. Bài trình bày mang tính nghiên cứu, khái quát và đưa ra bức tranh tổng quan ban đầu

về các công việc để tính toán chỉ số đổi mới sáng tạo...

Cũng tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã cùng nhau chia sẻ thông tin, đưa ra các ý kiến đóng góp và đề xuất về các vấn đề liên quan đến việc xây dựng chỉ số ĐMST.

Kết luận Hội thảo, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao những nội dung trình bày tại hội thảo, đồng thời đề nghị trong những nghiên cứu tiếp theo của VinUni, TCTK sẽ được mời tham gia để nắm bắt các hoạt động liên quan và cùng đồng hành. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cũng mong muốn sau Hội thảo này, TCTK và trường Đại học VinUni tiếp tục có những hợp tác thiết thực, hiệu quả giúp đất nước và cơ quan quản lý nhà nước có những công cụ điều hành tốt, xứng tầm với khu vực và thế giới./

Thu Hoàng

HỘI THẢO TẬP HUẤN PHÂN TÍCH TÀI KHOẢN CHUYỂN NHƯỢNG QUỐC GIA (NTA) “Tác động của cấu trúc dân số theo thành thị – nông thôn, giới tính và cấu trúc tuổi đến kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020”

Trong 2 ngày (26-27/8/2024), tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) tổ chức Hội thảo tập huấn Phân tích tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA) “Tác động của cấu trúc dân số theo thành thị - nông thôn, giới tính và cấu trúc tuổi đến kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 -2020”. Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu chủ trì Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có Phó Tổng cục trưởng Đỗ Thị Ngọc; bà Phạm Thị Lan cán bộ chương trình của UNFPA; Tiến sĩ Bùi Trinh; công chức các vụ liên quan của Cơ quan Tổng cục, thành viên Tổ phân tích dự báo và một số viện nghiên cứu của Trường Đại học Kinh tế quốc gia Hà Nội.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu cho biết, ngày 6/12/2023, với sự hỗ trợ của UNFPA, TCTK đã tổ chức thành công hội thảo công bố Báo cáo NTA Việt Nam và chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về chính sách phát triển. Báo cáo đã đưa ra cơ sở lý luận, các tham luận của số liệu để biên soạn các chỉ tiêu quốc gia, các đặc điểm của nhân khẩu học và đánh giá tác động của biến đổi cơ cấu dân số đến phát triển kinh tế và năng suất lao động của Việt Nam.

Hiện, Việt Nam đang trong giai đoạn dân số vàng. Để tận dụng tốt cơ hội này thì việc nghiên cứu và sử dụng NTA có ý nghĩa quan trọng trong việc lượng hóa các tác động của biến đổi cơ cấu tuổi, dân số đến tăng trưởng kinh tế. Trong giai đoạn tới đưa ra những kiến nghị chính sách có tính



thực tiễn cao đối với tận dụng cơ hội cơ cấu dân số vàng và giải quyết những vấn đề về an sinh xã hội do già hóa dân số.

Để khai thác vai trò quan trọng của NTA cần tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu cả về lý thuyết và kỹ thuật. Do đó, UNFPA tiếp tục hỗ trợ TCTK tổ chức Hội thảo tập huấn Phân tích tài khoản chuyển nhượng quốc gia (NTA) “Tác động của cấu trúc dân số theo thành thị - nông thôn, giới tính và cấu trúc tuổi đến kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020”.

Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu bày tỏ mong muốn sau Hội thảo các đại biểu có thêm hiểu biết cũng như phân tích sâu hơn, bước đầu hoàn thiện được đề cương báo cáo phân tích NTA về nội dung ngành tiếp tục triển khai trong thời gian tới và có nghiên cứu giá trị trong kiến nghị chính sách.

Phát biểu tại Hội thảo, bà Phạm Thị Lan - cán bộ chương trình của UNFPA cho biết, phân tích NTA là thông qua những phân tích

thu nhập, chỉ tiêu cuối cùng của nền kinh tế để thấy được mức dùng và chi tiêu của tất các nhóm dân cư ảnh hưởng tới nền kinh tế như thế nào.

Bà Phạm Thị Lan khẳng định, trong thời gian tới, UNFPA tiếp tục đồng hành và hỗ trợ TCTK về tăng cường hiệu quả phân tích NTA. Các chuyên gia UNFPA đánh giá cao Báo cáo NTA Việt Nam và chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về chính sách phát triển đã được TCTK công bố vào năm 2023. Bà Phạm Thị Lan hy vọng, báo cáo năm nay của TCTK sẽ tiếp tục có những phát hiện sâu sắc và các khuyến nghị chính sách chiến lược.

Tại Hội thảo, các đại biểu được nghe Tiến sĩ Bùi Trinh trình bày về phân tích IO mở rộng đối với mối liên hệ giữa dân số và kinh tế; Chia sẻ kinh nghiệm về NTA do chuyên gia dân số phát triển của UNFPA trình bày. Đồng thời, Hội thảo cũng dành thời gian để các đại biểu thực hành nắm bắt tốt hơn về các nội dung./.

M.T



HỘI THẢO XIN Ý KIẾN XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH THỐNG KÊ



Chiều ngày 26/8/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội thảo xin ý kiến xây dựng Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê. Phó Tổng cục Nguyễn Trung Tiến chủ trì Hội thảo.

Tại Hội thảo, đại diện Cục Thu thập dữ liệu và ứng dụng CNTT Thống kê (Cục TTDL) trình bày Dự thảo Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê. Theo đó, Dự thảo gồm 5 Điều và 6 Phụ lục, với các nội dung chế độ báo cáo thống kê: Mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng, đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, ký hiệu biểu, kỳ báo cáo, thời hạn, phương thức gửi và các biểu mẫu báo cáo thống kê; 64 biểu mẫu báo cáo để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh.

So với Thông tư 01/2019, Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê có một số thay đổi: Bổ sung quy định thu thập thông tin thống kê phục vụ biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP, các chỉ tiêu thống kê phục vụ biên soạn báo cáo KT-XH; Bổ sung quy định về mục đích, phạm vi, đối tượng áp dụng; Sửa đổi, bổ sung nội dung

các biểu mẫu báo cáo; Số lượng biểu: Giảm từ 75 biểu còn 64 biểu.

Với những nội dung trình bày Dự thảo, Cục TTDL xin ý kiến của các đại biểu tham dự Hội thảo về các nội dung: Thông tin biểu mẫu báo cáo thống kê (số lượng biểu mẫu, tên biểu mẫu, thông tin thu thập) đã đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị nghiệp vụ chưa; ngày báo cáo; một số biểu mẫu của Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ và Vụ Thống kê Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản...

Tại Hội thảo, các đại biểu đóng góp ý kiến liên quan đến các nội dung Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.

Kết luận Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đề nghị Cục TTDL khẩn trương tổng hợp tất cả các ý kiến của các đại biểu; rà soát và thống nhất lại với các đơn vị nghiệp vụ về các nội dung trong Dự thảo như: Khái niệm, phạm vi, thời gian, các biểu mẫu... để tiến tới hoàn thành Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê trong thời gian tới./.

T.H

Chuyển đổi số - Động lực quan trọng ĐƯA ĐẤT NƯỚC BƯỚC VÀO KỶ NGUYÊN MỚI

TÔ LÂM

Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhân kỷ niệm 79 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2024), Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Tô Lâm có bài viết: "Chuyển đổi số - Động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới".

1. Ngay sau khi giành được chính quyền, Đảng ta đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc phát triển lực lượng sản xuất và từng bước cải tạo, hoàn thiện quan hệ sản xuất. Quá trình này diễn ra qua nhiều giai đoạn, phản ánh sự vận động và phát triển không ngừng của Cách mạng Việt Nam.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra trang sử mới cho sự phát triển của dân tộc trong điều kiện đất nước vừa giành độc lập đã phải bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ. Xuất phát điểm từ nền nông nghiệp lạc hậu, trải qua hàng nghìn năm phong kiến và hàng trăm năm thực dân đô hộ, Đảng ta đã thực hiện chính sách "người cày có ruộng" nhằm trao ruộng đất về tay nông dân, xóa bỏ chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, hướng tới việc cải tạo quan hệ sản xuất, tạo tiền đề xây dựng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn 1954 - 1975, cách mạng nước ta tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược,



Tổng Bí thư - Chủ tịch nước Tô Lâm. Ảnh: Hoàng Hà

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Ở miền Bắc, lấy xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội làm trọng tâm, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới dựa trên ba trụ cột: chế độ công hữu, quản lý kế hoạch hóa tập trung và phân phối theo lao động [1], đã đưa lực lượng sản xuất phát triển vượt bậc.

Năm 1975, đất nước ta hoàn toàn thống nhất, mở ra chương mới

trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội lần thứ IV của Đảng năm 1976 trên cơ sở đánh giá đặc điểm lớn của đất nước đó là, từ nền kinh tế phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; đã đề ra đường lối: Kiên định chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, quyết tâm tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: Về quan hệ sản xuất, khoa học - kỹ thuật

và tư tưởng văn hóa [2]. Trong đó, cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm.

Đại hội VI của Đảng đã quyết tâm tiến hành đổi mới toàn diện, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển đa dạng các thành phần kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ bao cấp, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Tổng Bí thư - Chủ tịch nước
TÔ LÂM**

Từ năm 1979 đến trước Đại hội VI của Đảng năm 1986, đất nước ta đã trải qua những khủng hoảng nghiêm trọng, một phần nguyên nhân do sự thiếu đồng bộ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất [3]. Từ nhận thức đúng đắn đó, Đại hội VI của Đảng đã quyết tâm tiến hành đổi mới toàn diện, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, phát triển đa dạng các thành phần kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ bao cấp, từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị là bước đột phá về đổi mới quan hệ sản xuất trong nông nghiệp khi chính thức thừa nhận hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ và trao quyền sử dụng đất lâu dài

cho nông dân, phù hợp với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất [4]. Chỉ sau một năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Việt Nam từ một quốc gia thiếu lương thực triển miên đã sản xuất được 21,5 triệu tấn lúa và lần đầu tiên xuất khẩu 1,2 triệu tấn gạo. Việc điều chỉnh quan hệ sản xuất phù hợp đã tạo động lực mới cho lực lượng sản xuất phát triển, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế.

Việc điều chỉnh quan hệ sản xuất phù hợp đã tạo động lực mới cho lực lượng sản xuất phát triển, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng, bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế.

**Tổng Bí thư - Chủ tịch nước
TÔ LÂM**

2. Bước sang thế kỷ 21, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Ước tính tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 5,7-5,9%/năm, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực và thế giới; quy mô nền kinh tế tăng 1,45 lần, ước đạt 500 tỷ USD vào năm 2025. Thu nhập bình quân đầu người tăng mạnh từ 3.400 USD đến khoảng 4.650 USD, đưa Việt Nam vào nhóm nước thu nhập trung bình cao vào năm 2025. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát; các chính sách điều hành linh hoạt, hiệu quả; vị thế, uy tín quốc tế ngày càng nâng cao; tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao, đời sống Nhân dân được cải thiện đáng kể.

Lực lượng lao động ước đạt 53,2 triệu người vào năm 2025, với cơ cấu chuyển dịch tích cực; tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm mạnh, còn 25,8%; chất lượng nguồn nhân lực không ngừng nâng cao với 70% lao động qua đào tạo. Nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong các lĩnh vực then chốt, như công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin được tập trung phát triển, bước đầu hình thành đội ngũ lao động với tư duy số và kỹ năng số ngày càng được nâng cao.

Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn và điện toán đám mây đang dần trở thành những công cụ sản xuất quan trọng trong nhiều ngành, lĩnh vực. Kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng số đang được đầu tư phát triển mạnh mẽ. Mạng lưới viễn thông và internet băng thông rộng phủ sóng rộng khắp cả nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải đối mặt với những thách thức mới. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đặt ra yêu cầu cấp thiết nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, sự phát triển công cụ sản xuất trong nền kinh tế số tạo ra biến đổi sâu sắc của lực lượng sản xuất, dẫn đến những mâu thuẫn mới với quan hệ sản xuất hiện hữu; vừa tạo tiền đề, động lực hình thành phương thức sản xuất mới trong tương lai, vừa đòi hỏi thay đổi căn bản cách thức tổ chức sản xuất và quản lý xã hội. Lực lượng sản xuất mới đang hình thành và phát triển mạnh mẽ; song chất lượng nguồn nhân lực vẫn còn khoảng cách so với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn

mới, trong khi đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực công nghệ cao, vẫn là thách thức lớn. Quan hệ sản xuất còn nhiều bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong đó, cơ chế, chính sách, pháp luật chưa thực sự đồng bộ, còn chống chéo, chưa tạo môi trường thực sự thuận lợi để thu hút nguồn lực của các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như trong Nhân dân; tổ chức thực thi pháp luật, chính sách vẫn là khâu yếu.

Công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian còn bất cập, một bộ phận còn chồng chéo, chống lẩn giữa lập pháp và hành pháp, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý. Một số bộ, ngành còn ôm đồm nhiệm vụ của địa phương, dẫn đến tồn tại cơ chế xin, cho, dễ nảy sinh tiêu cực, tham nhũng. Công tác tinh giản biên chế gắn với vị trí việc làm, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức còn thiếu triệt để.

Công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số còn hạn chế. Vẫn tồn tại những thủ tục hành chính rườm rà, lạc hậu, qua nhiều khâu, nhiều cửa, mất nhiều thời gian, công sức của người dân và doanh nghiệp, dễ nảy sinh tham nhũng vặt, cản trở phát triển. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương và cơ sở dữ liệu quốc gia chưa thông suốt; nhiều dịch vụ công trực tuyến chất lượng thấp, tỷ lệ người sử dụng chưa cao; việc tổ chức vận hành bộ phận “một cửa” các cấp ở nhiều nơi chưa hiệu quả.

Dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, chúng ta nhận thức rõ rằng, trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì lực lượng sản xuất đóng vai trò quyết định sự phát triển của quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất phải không ngừng được điều chỉnh để phù hợp với trình độ ngày càng cao của lực lượng sản xuất. Khi quan hệ sản xuất không theo kịp sự phát triển của lực lượng sản xuất, nó sẽ trở thành lực cản, kìm hãm sự phát triển tiến bộ của toàn bộ phương thức sản xuất, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển chung của đất nước.

3. Chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải có một cuộc cách mạng với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện để điều chỉnh quan hệ sản xuất, tạo động lực mới cho phát triển. Đó là cuộc cách mạng chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tái cấu trúc quan hệ sản xuất phù hợp với sự tiến bộ vượt bậc của lực lượng sản xuất. Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”, trong đó đặc trưng

của lực lượng sản xuất là sự kết hợp hài hòa giữa con người và trí tuệ nhân tạo; dữ liệu trở thành một tài nguyên, trở thành tư liệu sản xuất quan trọng; đồng thời quan hệ sản xuất cũng có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là trong hình thức sở hữu và phân phối tư liệu sản xuất số.

Sự thay đổi trong quan hệ sản xuất sẽ tác động mạnh đến kiến trúc thượng tầng, mở ra phương thức mới trong quản trị xã hội, tạo ra những công cụ mới trong quản lý nhà nước, làm thay đổi căn bản cách thức tương tác giữa nhà nước và công dân, giữa các tầng lớp xã hội. Quá trình chuyển đổi số cần được thực hiện toàn diện, đồng bộ, có tính đến mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, nhằm xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa phát huy sức mạnh của lực lượng sản xuất hiện đại, vừa đảm bảo bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam trong thời đại mới. Muốn vậy, người đứng đầu cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp và người dân phải nhận thức đầy đủ, thống nhất, có trách nhiệm và quyết tâm thực hiện quá trình chuyển đổi số; đồng thời cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm, sau đây:

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp luật, kiên định mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời không ngừng đổi mới để bắt kịp xu thế phát triển của thời đại. Tập trung xây dựng hành lang pháp lý cho nền kinh tế số, tạo nền tảng để Việt Nam nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Có cơ chế, chính sách mạnh mẽ thúc đẩy chuyển đổi số

Chuyển đổi số không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh tế - xã hội, mà còn là quá trình xác lập một phương thức sản xuất mới tiên tiến, hiện đại - “phương thức sản xuất số”.

**Tổng Bí thư - Chủ tịch nước
TÔ LÂM**

trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... đảm bảo khung pháp lý không trở thành rào cản của sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh quốc gia, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

Phát triển kinh tế số tạo động lực mới cho tăng trưởng; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới.

**Tổng Bí thư - Chủ tịch nước
TÔ LÂM**

Thứ hai, khơi thông và phát huy tối đa mọi nguồn lực xã hội, đẩy nhanh hiện đại hóa. Có cơ chế, chính sách phù hợp huy động nguồn lực to lớn trong Nhân dân, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế; nguồn lực từ đất đai, tài sản trong xã hội mà người dân đang tích lũy, biến những tiềm năng này thành động lực, tư liệu sản xuất, để sản xuất ra nhiều của cải vật chất cho xã hội. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch, thu hút mạnh mẽ nguồn vốn trong và ngoài nước cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát huy tối đa nguồn lực con người - nhân tố quyết định của sự nghiệp đổi mới. Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng

yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ ba, cải cách, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết, sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, xác định rõ trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương, giữa người quản lý và người lao động. Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nhà nước và phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức. Mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam sẽ đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số. Trong quá trình cải cách, bám sát nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Việc tinh gọn bộ máy phải nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn là tất yếu khách quan để Việt Nam bứt phá trong kỷ nguyên mới. Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số tạo động lực mới cho tăng trưởng; thúc đẩy ứng dụng công nghệ số

Có cơ chế đột phá thu hút nhân tài trong và ngoài nước; xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng và tư duy đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

**Tổng Bí thư - Chủ tịch nước
TÔ LÂM**

trong mọi ngành, lĩnh vực, tạo ra các mô hình kinh doanh mới. Phát triển công dân số, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

Đất nước ta đang đứng trước vận hội mới, vừa là thời cơ đồng thời cũng là thách thức trên con đường phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị, chúng ta nhất định sẽ thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số, tạo ra bước đột phá trong phát triển lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất, đưa đất nước ta, dân tộc ta vươn mình vượt bậc trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của tiên tiến, văn minh, hiện đại./.

[1] Văn kiện Đảng toàn tập, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, tháng 9/1960.

[2] Văn kiện Đảng toàn tập, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, tháng 12/1976.

[3] Văn kiện Đảng toàn tập, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, tháng 12/1986.

[4] Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 05/4/1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.



Kỷ niệm 79 năm ngày Quốc khánh KINH TẾ VIỆT NAM PHÁT TRIỂN, VỊ THẾ, UY TÍN TRÊN TRƯỜNG QUỐC TẾ KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC NÂNG CAO

Trang Nguyễn

Kinh tế phát triển, chính trị - xã hội ổn định

Dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, hiệu quả của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, các địa phương; sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế Việt Nam phát triển đạt nhiều kết quả quan trọng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam tiếp tục xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô trong nước tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp; cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng nội địa duy trì mức tăng khá. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là trụ đỡ

Với gần 40 năm đổi mới, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đạt nhiều thành tựu quan trọng, khá toàn diện và tạo nhiều dấu ấn nổi bật trong phát triển kinh tế đưa đất nước Việt Nam ngày càng phát triển, hội nhập sâu rộng với các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

vững chắc của nền kinh tế với mức tăng ổn định, khẳng định chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu trong nước và gia tăng xuất khẩu. Đầu tư công được đẩy mạnh về số vốn thực hiện, tốc độ tăng tỷ lệ giải ngân ở mức cao, an sinh xã hội được quan tâm kịp thời, hiệu quả. Việt Nam tiếp tục là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 5,05% so với năm 2022. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Trong cơ cấu nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,96%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,12%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,38%.

Quy mô thị trường trong nước liên tục tăng với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 6.231,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm 2022 (năm 2022 tăng 20%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,1% (năm 2022 tăng 15,8%). 7 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.625,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2023 (cùng kỳ năm 2023 tăng 10,6%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,2% (cùng kỳ năm 2023 tăng 9,8%).

Môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động hơn trong việc tham gia chuỗi

giá trị toàn cầu. Một số sản phẩm của Việt Nam bước đầu khẳng định thương hiệu và có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, cả nước có 159,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.521,3 nghìn tỷ đồng. 7 tháng năm 2024, cả nước có hơn 95,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 854,6 nghìn tỷ đồng.

Lao động có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng. Năm 2023, lao động có việc làm là 51,3 triệu người, tăng 683 nghìn người (tương ứng tăng 1,35%) so với năm 2022. Trong khi đó, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức là 64,9%, giảm 0,9 điểm phần trăm so với năm 2022. Lao động làm công việc tự sản tự tiêu là 3,8 triệu người, giảm 507,6 nghìn người so với năm 2022. Thu nhập bình quân của lao động năm 2023 là 7,1 triệu đồng/tháng, tăng 6,9%, tương ứng tăng 459 nghìn đồng so với năm 2022.

Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

Theo công bố của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), chỉ số GII (Bộ công cụ đánh giá xếp hạng năng lực của các hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia) của Việt Nam năm 2023 xếp hạng thứ 46/132 quốc gia, nền kinh tế trên toàn thế giới, tăng 2 bậc so với năm 2022; trong khu vực ASEAN chỉ số GII

của Việt Nam đứng thứ 4 trong khu vực xếp hạng sau Xin-ga-po (xếp hạng 5), Ma-lai-xi-a (xếp hạng 36) và Thái Lan (xếp hạng 43). Chỉ số nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam xếp hạng 66.

Cùng với phát triển kinh tế, những năm qua, Đảng và Nhà nước ta không ngừng quan tâm, đầu tư mọi nguồn lực cho phát triển văn hóa - xã hội. Đến nay, văn hóa và đời sống của Nhân dân có nhiều chuyển biến ngày càng được cải thiện.

Dân số Việt Nam năm 2023 là 100,3 triệu người. Chất lượng dân số ngày càng được cải thiện. Việt Nam cơ bản duy trì mức sinh thay thế từ năm 2005 trở lại đây. Những thành tựu trong phát triển của y học và công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được cải thiện, tuổi thọ trung bình của dân số Việt Nam năm 2023 là 73,7 tuổi.

Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư năm 2023, tình hình đời sống của hộ dân cư được cải thiện. Công tác an sinh xã hội được các cấp từ Trung ương đến địa phương quan tâm thực hiện kịp thời, thiết thực. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tính đến ngày 19/12/2023, tổng trị giá tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng là hơn 12,3 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, để người dân không bị thiếu đói, tính đến ngày 22/12/2023, Chính phủ cấp xuất tổng số 21,6 nghìn tấn gạo hỗ trợ cho 1,4 triệu nhân khẩu. Trong 7 tháng năm 2024, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ cho người dân hơn 21,3 nghìn tấn gạo, trong đó: Chính phủ hỗ trợ 10,4 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn cho 693,4 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ hơn 5,9 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2024 cho 396,3 nghìn nhân khẩu. Các địa phương cũng xây dựng

kế hoạch, chủ động bố trí ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ gần 5 nghìn tấn gạo cho các hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn.

Năm 2023, các hoạt động văn hóa diễn ra sôi nổi trên khắp cả nước đã tạo được hiệu ứng, lan tỏa, kết nối tình đoàn kết, giữa nhân dân cả nước và truyền bá hình ảnh về những phẩm chất tốt đẹp của hệ giá trị văn hóa, gia đình về con người Việt Nam với bạn bè quốc tế. Thu hút nhiều du khách quốc tế tới thăm quan tìm hiểu văn hóa con người Việt Nam. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách quốc tế của năm 2023. Tính riêng 7 tháng năm 2024, khách quốc tế đến Việt Nam đạt gần 10 triệu lượt người, tăng 51,0% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao

Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu cũng là một thành tựu đáng tự hào của Việt Nam trong những năm qua. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Đến nay, Việt Nam đã ký kết và tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ được trải rộng khắp các châu lục, trong đó có thể kể tới các Hiệp định thương mại như: Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA); Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP)...

Thực hiện các Hiệp định thương mại đã góp phần mở rộng không gian phát triển, đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong các liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên thế giới.

Hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và đa dạng đã tác động tích cực đến phát triển kinh tế của Việt Nam trong thúc đẩy hoạt động xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài, giúp cho nền kinh tế từng bước đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ước đạt 355,5 tỷ USD. Có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 93,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 07 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 66%). Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 96,8 tỷ USD. Tính riêng 7 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 226,98 tỷ USD. Có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 70,8%). Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 66,1 tỷ USD.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn,

mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 36,6 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2022. Trong số 72 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong năm 2023, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 3,77 tỷ USD, chiếm 18,7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc 3,54 tỷ USD, chiếm 17,6%.

Khuôn khổ quan hệ với nhiều đối tác quan trọng đã được nâng lên tầm cao mới, tin cậy chính trị với nhiều nước được củng cố vững chắc, hợp tác ngày càng mở rộng, thực chất và hiệu quả. Vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao. Việt Nam được tin nhiệm bầu vào nhiều vị trí có trọng trách quốc tế quan trọng, nhất là trong ASEAN và Liên Hợp Quốc như Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an, Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khóa 77, thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc nhiệm kỳ 2023-2025, Ủy ban Di sản thế giới, Ủy ban Luật pháp quốc tế.

Những thành tựu đạt được cho thấy một Việt Nam ngày càng phát triển hội nhập tham gia sâu rộng vào thế giới. Những thành quả Việt Nam đạt được là niềm tự hào, là động lực và là nguồn lực quan trọng để đất nước, con người Việt Nam tiếp tục vững tin, vững bước vượt qua mọi khó khăn, thách thức thực hiện tốt con đường đổi mới, phát triển đất nước bền vững trong những năm tiếp theo./.



Ngoại giao đưa Việt Nam HỘI NHẬP VÀO DÒNG CHẢY CHUNG CỦA THẾ GIỚI

Bích Ngọc



Trong chặng đường gần 40 năm đổi mới, công tác đối ngoại, ngoại giao đã đạt được những kết quả, thành tựu quan trọng, góp phần viết nên những trang sử hào hùng của đất nước. Trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, ngoại giao Việt Nam tiếp tục viết tiếp những trang sử vàng của nền ngoại giao cách mạng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khóa: Ngoại giao, động lực, phát triển, hội nhập

Đưa Việt Nam hội nhập vào dòng chảy chung của thế giới

Theo dòng chảy thời gian, ngoại giao đã để lại những dấu ấn quan trọng trong trang sử hào hùng của đất nước. Nhìn lại những buổi đầu lập quốc và trong hai cuộc kháng chiến cứu nước, đối ngoại, ngoại giao đã tạo những mốc son trên chặng đường giành lại độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Sau khi đất nước thống nhất, đối ngoại, ngoại giao là mặt trận tiên phong tạo lối, mở đường, khơi thông quan hệ với nhiều đối tác, mở ra cục diện mới phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước.

Trong chặng đường gần 40 năm đổi mới, kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động

và tích cực hội nhập quốc tế, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, công tác đối ngoại, ngoại giao đã đạt được những kết quả, thành tựu quan trọng, có ý nghĩa lịch sử, góp phần tạo dựng cục diện đối ngoại rộng mở, thành công của đất nước. Đặc biệt, việc nâng tầm, nâng cấp quan hệ với các đối tác chủ chốt, quan trọng cùng các hoạt động đối ngoại cấp cao sôi động trong những năm qua, nhất là từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII đã góp phần tạo nên tầm vóc chiến lược mới, đưa hợp tác đi vào chiều sâu, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài và bền vững của các mối quan hệ.

Quan hệ ngoại giao không ngừng được mở rộng, đi vào chiều sâu. Đến nay, nước ta có quan hệ ngoại giao với 193 quốc gia trên thế giới, trong đó có quan hệ đối tác chiến lược và đối tác toàn diện

với 30 nước; có quan hệ kinh tế với hơn 230 quốc gia, vùng lãnh thổ. Hiện Việt Nam có quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với 7 quốc gia là: Trung Quốc (2008), Liên bang Nga (năm 2012), Ấn Độ (2016), Hàn Quốc (2022), Mỹ (9/2023), Nhật Bản (11/2023) và gần đây nhất là Australia (2024). Trên thực tế, quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước này đã đạt nhiều thành tựu trên tất cả lĩnh vực, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Đáng chú ý là năm 2023, trong chuyến thăm cấp Nhà nước tới Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden, hai bên đã xác lập quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ, đánh dấu lần đầu tiên Việt Nam có quan hệ từ cấp Đối tác chiến lược trở lên với toàn bộ 5 nước Ủy viên thường trực Hội đồng

Bảo an Liên Hợp Quốc (Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ, Anh và Pháp).

Việt Nam cũng là nước duy nhất xác lập và duy trì quan hệ đối tác chiến lược toàn diện cùng lúc với cả ba cường quốc hàng đầu trên thế giới là Trung Quốc, Nga và Hoa Kỳ, qua đó tiếp tục tạo khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với các đối tác quan trọng, góp phần củng cố thể đối ngoại vững chắc cho đất nước.

Bên cạnh đó, với chủ trương đẩy mạnh hợp tác thương mại, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, đến nay Việt Nam đã ký 16 Hiệp định Thương mại Tự do (FTA). Đáng nói là trong đó có nhiều FTA thế hệ mới với những cam kết sâu rộng và toàn diện, có cơ chế thực thi chặt chẽ hơn; và khi có hiệu lực đã tác động rất mạnh tới tốc độ tăng trưởng phát triển kinh tế và thể chế của Việt Nam như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU)-EVFTA...

Trong phục vụ phát triển và hội nhập quốc tế, cùng với việc huy động nguồn lực quan trọng cho phát triển như FDI, ODA, đối ngoại, ngoại giao đã góp phần đưa Việt Nam trở thành mắt xích trong nhiều liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu với việc ký kết, tham gia các thỏa thuận, khuôn khổ kinh tế quan trọng. Đồng thời, ngành ngoại giao đã tích cực phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trong thúc đẩy hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực an ninh-quốc phòng, xã hội, văn hóa, khoa học-công nghệ... đưa Việt Nam hội nhập vào dòng chảy chung của thế giới.

Đối ngoại, ngoại giao đa phương đã có bước trưởng thành mạnh mẽ, khẳng định Việt Nam là một thành viên tích cực, có trách nhiệm

của cộng đồng quốc tế. Điều này thể hiện ở việc nước ta không chỉ tổ chức thành công nhiều sự kiện quốc tế lớn (điển hình là APEC), đóng góp quan trọng trong sự phát triển chung của khu vực ASEAN mà còn hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế tại các cơ chế quốc tế như: Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc, UNESCO,... Đặc biệt đối ngoại, ngoại giao của Việt Nam đã chủ động, tích cực đưa ra nhiều ý tưởng, sáng kiến, tham gia vào giải quyết các vấn đề chung của khu vực và thế giới.

Cùng với quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ngoại giao đã góp phần thực hiện nhiệm vụ "trọng yếu, thường xuyên" là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam đã nỗ lực cùng các nước láng giềng xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Cùng với đó, đấu tranh kiên quyết, kiên trì, kịp thời, hiệu quả đối với hoạt động vi phạm chủ quyền, quyền và lợi ích hợp pháp của chúng ta trên biển; đồng thời chủ động, tích cực thúc đẩy đàm phán, hợp tác giải quyết những vấn đề tồn tại, thực hiện tốt Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), tích cực tham gia xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) thực chất, hiệu quả phù hợp với luật pháp quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982.

Thêm vào đó, ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại đã thực hiện rất tốt nhiệm vụ góp phần đưa "sức mạnh mềm" Việt Nam ra thế giới; giới thiệu với bạn bè quốc tế truyền thống lịch sử, văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc cũng như hình ảnh đất nước, con người, thành tựu đổi mới và bản sắc văn hóa Việt Nam. Qua đó, nâng cao hình ảnh Việt Nam và phục vụ

hiệu quả cho công cuộc xây dựng, phát triển bền vững của đất nước.

Ngoại giao trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam

Trong thời gian tới, tình hình thế giới tiếp tục có nhiều biến chuyển lớn với những cơ hội đan xen cùng thách thức. Trong bối cảnh đó, mục tiêu và nhiệm vụ quan trọng nhất của ngoại giao là sẽ tranh thủ tối đa và tiếp tục củng cố cục diện đối ngoại thuận lợi, đưa đất nước vào dòng chảy của thời đại, tạo đột phá để thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030 và năm 2045 mà Đại hội XIII đã đề ra.

Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn xác định, ngành ngoại giao sẽ không ngừng phấn đấu để vừa phục vụ đắc lực các lợi ích an ninh và phát triển, nâng cao vị thế đất nước, vừa góp phần xây dựng một trật tự quốc tế công bằng, bảo đảm lợi ích chính đáng của các nước, trong đó có Việt Nam.

Đồng thời tiếp tục nâng tầm, nâng cấp và tranh thủ tối đa cơ hội từ các khuôn khổ quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện; phát huy mạnh mẽ vai trò của các phương thức, các kênh đối ngoại như ngoại giao cấp cao, ngoại giao chuyên ngành, đối ngoại địa phương, các kênh học giả và doanh nghiệp...; tham gia chủ động, có trách nhiệm hơn vào việc giải quyết các vấn đề chung của quốc tế và khu vực; thể hiện vai trò nòng cốt, dẫn dắt của đối ngoại đa phương trong những vấn đề, cơ chế quan trọng có tầm chiến lược.

Tin tưởng rằng ngoại giao Việt Nam sẽ tiếp tục viết tiếp những trang sử vàng của nền ngoại giao cách mạng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước./.

NHIỀU ĐIỂM SÁNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tháng Tám và 8 tháng năm 2024

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2024 của Tổng cục Thống kê cho thấy, tình hình khai thác, nuôi trồng thủy sản tăng khá đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; Sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực; Tính đến ngày 31/8/2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tăng 7% so với cùng kỳ năm trước; Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi; Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 19,07 tỷ USD trong 8 tháng năm 2024; Hoạt động vận tải sôi động, duy trì tốc độ tăng tích cực so với cùng kỳ năm trước.

Khai thác, nuôi trồng thủy sản tăng khá

Khai thác, nuôi trồng thủy sản tăng khá đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tháng Tám, sản lượng thủy sản ước đạt 862,3 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá ước đạt 561,0 nghìn tấn, tăng 2,4%; tôm ước đạt 176,3 nghìn tấn, tăng 2,7%; thủy sản khác ước đạt 125,0 nghìn tấn, tăng 2,6%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng Tám ước đạt 522,4 nghìn tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Cá đạt 293,0 nghìn tấn, tăng 4,5%; tôm đạt 165,7 nghìn tấn, tăng 2,8%.

Sản lượng cá tra tháng Tám ước đạt 148,2 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước do giá cá tra nguyên liệu duy trì ổn định ở mức giá cao nên hộ nuôi cá và doanh nghiệp tăng sản lượng nuôi, đáp ứng nhu cầu chế biến và xuất khẩu.

Sản lượng tôm tháng Tám tăng so với cùng kỳ năm trước do hoạt động xuất khẩu tăng và là thời điểm tận thu sản lượng thủy sản trong đó có tôm nước lợ. Sản lượng tôm thẻ chân trắng ước đạt 119,6 nghìn tấn, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng

tôm sú ước đạt 30,0 nghìn tấn, tăng 1,7%.

Sản lượng thủy sản khai thác trong tháng ước đạt 339,9 nghìn tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 268,0 nghìn tấn, tăng 0,1%; tôm đạt 10,6 nghìn tấn, tăng 1,0%; thủy sản khác đạt 61,3 nghìn tấn, tăng 2,5%. Sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 314,6 nghìn tấn, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 8 tháng năm 2024, sản lượng thủy sản ước đạt 6.090,1 nghìn tấn, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm: Cá đạt 4.321,3 nghìn tấn, tăng 2,5%; tôm đạt 877,2 nghìn tấn, tăng 3,9%; thủy sản khác 891,6 nghìn tấn, tăng 2,2%.

Sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, sản xuất công nghiệp tháng Tám tiếp tục xu hướng tăng trưởng tích cực, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2024, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp ước tính tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) 8 tháng năm 2024

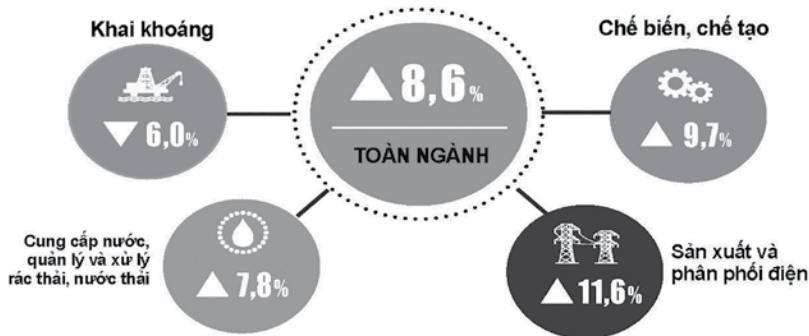
ước tính tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 giảm 0,2%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7% (cùng kỳ năm 2023 giảm 0,4%), đóng góp 8,4 điểm phần trăm trong mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,6%, đóng góp 1,0 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 6,0%, làm giảm 0,9 điểm phần trăm.

Chỉ số sản xuất 8 tháng năm 2024 của một số ngành công nghiệp trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 29,5%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 21,6%; khai thác quặng kim loại tăng 19%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 17,8%; dệt tăng 13,4%; sản xuất kim loại tăng 13,2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 12,6%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 9,8%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 7,3%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong 8 tháng năm 2024 tăng cao so với cùng kỳ năm trước

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 8 THÁNG NĂM 2024

Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước



như: Thép thanh, thép góc tăng 31%; thép cán tăng 17,1%; vải dệt từ sợi tự nhiên tăng 15,6%; đường kính tăng 14,2%; xăng, dầu các loại tăng 12,6%; phân hỗn hợp NPK tăng 12,3%; sữa bột tăng 11,2%; điện sản xuất tăng 10,9%; thủy hải sản chế biến tăng 10,7%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/8/2024 tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và tăng 1,5%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,6% và tăng 1,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,1% và tăng 5,7%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 31/8/2024, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 20,52 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đăng ký cấp mới có 2.247 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt gần 12 tỷ USD, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và tăng 27% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp

chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 8,53 tỷ USD, bất động sản đạt 2,40 tỷ USD, chiếm 20%; các ngành còn lại đạt 1,07 tỷ USD, chiếm 8,9%.

Trong số 66 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 8 tháng năm 2024, Xin-ga-po là nhà đầu tư lớn nhất với 4,66 tỷ USD, chiếm 38,8% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Trung Quốc gần 1,7 tỷ USD, chiếm 14,2%; Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) 1,41 tỷ USD, chiếm 11,7%; Nhật Bản 1,24 tỷ USD, chiếm 10,3%; Thổ Nhĩ Kỳ 731,3 triệu USD, chiếm 6,1%; Đài Loan 660,3 triệu USD, chiếm 5,5%.

Vốn đăng ký điều chỉnh có 926 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 5,71 tỷ USD, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả vốn đăng ký mới và vốn đăng ký điều chỉnh của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 13,61 tỷ USD, chiếm 76,8% tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 2,55 tỷ USD, chiếm 14,4%; các ngành còn lại đạt 1,56 tỷ USD, chiếm 8,8%.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 8 tháng năm 2024 ước đạt 14,15 tỷ USD, tăng 8,0% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 8 tháng trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 11,28 tỷ USD, chiếm 79,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,27 tỷ USD, chiếm 9,0%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 542,3 triệu USD, chiếm 3,8%.

Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi

Nhu cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi. Đặc biệt từ đầu năm đến nay ngành Du lịch tăng trưởng mạnh mẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng của ngành thương mại dịch vụ. 8 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 14,3%; doanh thu du lịch lữ hành tăng 26,2%.

Theo giá hiện hành 8 tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.148,4 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 10,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,3% (cùng kỳ năm 2023 tăng 8,0%).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa 8 tháng năm 2024 ước đạt 3.199,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,1% tổng mức và tăng 7,3% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 4,6%). Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 10,2%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 10,1%; may mặc tăng 8,7%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 4,0%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 9,6%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 8 tháng năm 2024 ước đạt 481,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,6% tổng mức và tăng 14,3% so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương có doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 8 tháng năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước như: Quảng Ninh tăng 29,1%; Đà Nẵng tăng 23,3%; Thanh Hóa tăng 21,5%; Khánh Hòa tăng 19,1%; Hải Phòng tăng 15,1%; Cần Thơ tăng 11,9%; Hà Nội tăng 11,4%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 8,9%; Bình Dương tăng 7,9%.

Doanh thu du lịch lữ hành 8 tháng năm 2024 ước đạt 40,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,0% tổng mức và tăng 26,2% so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương có doanh thu du lịch lữ hành 8 tháng năm 2024 tăng như: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 42,2%; Đà Nẵng tăng 38,6%; Cần Thơ tăng 33,7%; Hà Nội tăng 29,7%; Quảng Ninh tăng 21,0%; Bình Dương tăng 18,5%.

Đặc biệt với chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với những giải thưởng du lịch danh giá được các tổ chức quốc tế trao tặng đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam ngày càng tăng cao. 8 tháng năm 2024, khách quốc tế đến nước ta đạt hơn 11,4 triệu lượt người, tăng 45,8% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1,0% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

8 tháng năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 19,07 tỷ USD

Trong 8 tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 511,11 tỷ USD, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 15,8%; nhập khẩu tăng 17,7%. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 19,07 tỷ USD.

Cụ thể, đối với xuất khẩu hàng hóa, 8 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 265,09 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 73,88 tỷ USD, tăng 21%, chiếm 27,9% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 191,21 tỷ USD, tăng 13,9%, chiếm 72,1%. Trong 8 tháng năm 2024 có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 62,6%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 8 tháng năm 2024, nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản đạt 2,92 tỷ USD, chiếm 1,1%; nhóm hàng công nghiệp chế biến đạt 233,33 tỷ USD, chiếm 88%; nhóm hàng nông sản, lâm sản đạt 22,53 tỷ USD, chiếm 8,5%; nhóm hàng thủy sản đạt 6,31 tỷ USD, chiếm 2,4%.

Đối với nhập khẩu hàng hóa, 8 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 246,02 tỷ USD, tăng 17,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 89,58 tỷ USD, tăng 19,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 156,44 tỷ USD, tăng 16,5%. Trong 8 tháng năm 2024 có 38 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 90,8% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 2 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 40,7%).

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 8 tháng năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất đạt 230,95 tỷ USD, chiếm 93,9%, trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 46,9%; nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 47%. Nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng đạt 15,07 tỷ USD, chiếm 6,1%.

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2024,

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 77,9 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 92,3 tỷ USD.

Hoạt động vận tải sôi động, duy trì tốc độ tăng tích cực so với cùng kỳ năm trước

Hoạt động vận tải tháng Tám sôi động, duy trì tốc độ tăng tích cực so với cùng kỳ năm trước do du lịch phục hồi mạnh mẽ và nhu cầu vận chuyển phục vụ sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa tăng cao, trong đó vận tải hành khách tăng 13,2% về vận chuyển và tăng 16,2% về luân chuyển; vận tải hàng hóa tăng 13,2% về vận chuyển và tăng 10,5% về luân chuyển.

Tính chung 8 tháng năm 2024, vận chuyển hành khách tăng 7,5% và luân chuyển tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hàng hóa tăng 13,0% và luân chuyển tăng 11,8%.

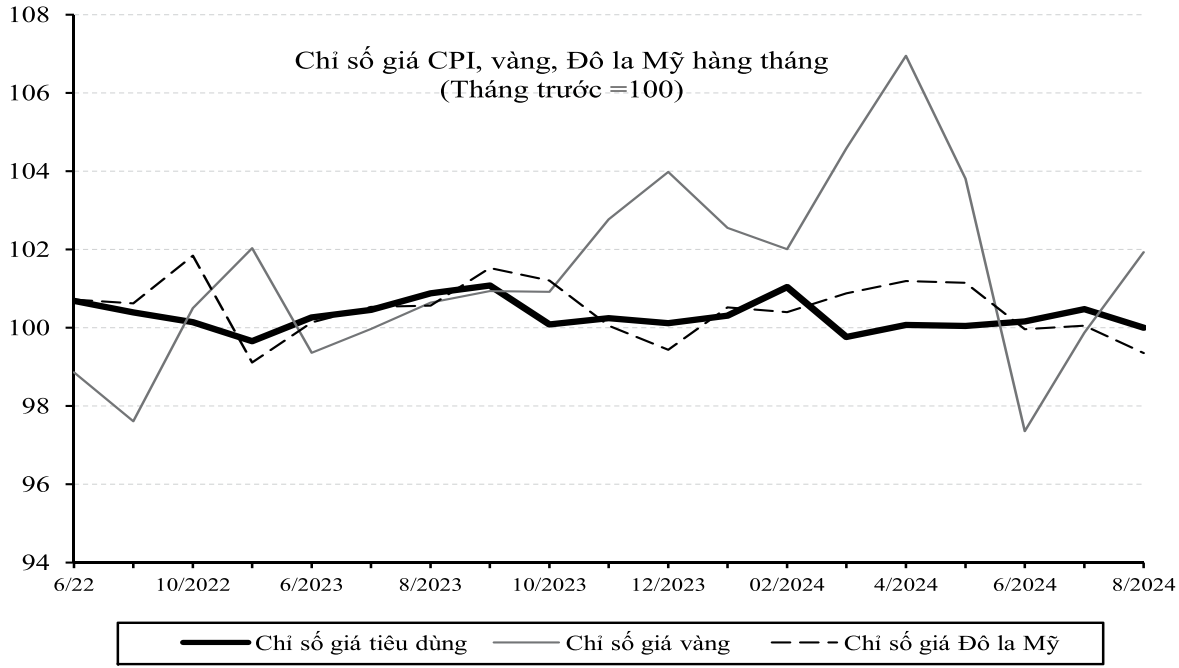
Công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được các cấp, ngành thực hiện kịp thời, hiệu quả

Theo báo cáo từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong 8 tháng năm nay, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã hỗ trợ cho người dân hơn 21,3 nghìn tấn gạo, trong đó: Chính phủ hỗ trợ 10,4 nghìn tấn gạo cứu đói nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn cho 693,4 nghìn nhân khẩu; hỗ trợ hơn 5,9 nghìn tấn gạo cứu đói giáp hạt năm 2024 cho 396,3 nghìn nhân khẩu; các địa phương cũng xây dựng kế hoạch, chủ động bố trí ngân sách địa phương và nguồn xã hội hóa để hỗ trợ gần 5 nghìn tấn gạo cho các hộ nghèo, cận nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn.

P.V

(Nguồn: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2024 của Tổng cục Thống kê)

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG TÁM NĂM 2024



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 8 NĂM 2024 SO VỚI				Bình quân 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 8 năm 2023	Tháng 12 năm 2023	Tháng 7 năm 2024	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	115,94	103,45	101,89	100,00	104,04
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	121,22	103,74	102,71	100,27	104,00
1 - Lương thực	132,39	110,97	102,39	100,19	114,98
2 - Thực phẩm	117,93	102,55	102,79	100,28	102,20
3 - Ăn uống ngoài gia đình	124,97	103,72	102,67	100,26	104,06
II, Đồ uống và thuốc lá	113,27	102,39	101,79	100,15	102,47
III, May mặc, mũ nón, giày dép	107,72	101,20	100,43	100,05	101,52
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	120,71	105,00	103,05	100,29	105,46
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	107,96	101,14	100,89	100,09	101,23
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	112,01	108,30	102,94	100,18	107,35
Trong đó: Dịch vụ y tế	113,49	110,63	103,65	100,21	109,35
VII, Giao thông	109,49	98,54	100,76	98,02	102,80
VIII, Bưu chính, viễn thông	96,10	99,26	99,68	100,15	98,72
IX, Giáo dục	120,03	107,13	96,17	100,14	108,33
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	120,60	107,80	95,59	100,13	108,91
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	107,11	102,32	102,06	100,12	101,87
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	122,09	106,91	105,82	100,20	106,35
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	198,50	131,05	120,40	101,93	125,54
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	108,82	105,86	103,55	99,36	105,85

(*) Nhóm này bao gồm: Tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng

Chuyển đổi số

TIẾP TỤC CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ TRÊN NHIỀU LĨNH VỰC

Minh Hà

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp. Với quyết tâm thực hiện điều đó, những năm qua, công cuộc chuyển đổi số của Việt Nam liên tục gặt hái được những thành tựu ấn tượng và được cộng đồng thế giới ghi nhận.

Từ khóa: Chuyển đổi số, thành tựu, quốc gia, cơ sở, phát triển, hoàn thiện...

Abstract: The National Digital Transformation Program sets the vision for Vietnam to become a digital nation by 2030, stable and prosperous, pioneering in experimenting with new technologies and models; fundamentally innovating comprehensive management operations, government governance, business production activities, people's way of life and work, and developing a safe, humane, and widespread digital environment. With determination to realize this, in recent years, Vietnam's digital transformation efforts have continuously achieved significant milestones, recognized by the global community.

Keywords: Digital transformation, achievements, nation, foundation, development, improvement...

Tiếp tục đạt nhiều thành tựu nổi bật

Kể từ khi Chương trình Chuyển đổi số quốc gia được ban hành năm 2020 đến nay, cả hệ thống chính trị đã vào cuộc, quyết tâm hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số đất nước và đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức

thực hiện được triển khai quyết liệt, đồng bộ với quyết tâm cao từ Trung ương đến cơ sở. Nhận thức và hành động về chuyển đổi số quốc gia tiếp tục chuyển biến tích cực, có sự lan tỏa ở các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là người đứng đầu; có sự hưởng ứng và tham gia nhiệt tình của các tổ chức đoàn thể. Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách

tạo khuôn khổ pháp lý và tạo thuận lợi cho chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 được triển khai tích cực. Các chỉ số phản ánh chuyển đổi số Việt Nam được nhiều tổ chức quốc tế đánh giá cao. Cụ thể:

Giai đoạn 2021-2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành 43 quyết định, 14 chỉ thị, 4 công điện và các bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản hướng dẫn

chuyển đổi số và triển khai Đề án 06; tổ chức 9 phiên họp Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và 40 phiên họp của Đề án 06. Bên cạnh đó, Quốc hội đã ban hành 3 luật liên quan (Luật Viễn thông, Luật Giao dịch điện tử, Luật Căn cước); Chính phủ đã ban hành 19 nghị định; các bộ, ngành đã ban hành theo thẩm quyền 45 thông tư nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách và khung khổ pháp lý, tạo thuận lợi cho chuyển đổi số quốc gia. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp được đẩy mạnh (đã có 16,4 triệu tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; cung cấp 4.543/6.325 thủ tục hành chính, 43/53 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06).

Đáng chú ý, kinh tế số và xã hội số tiếp tục phát triển mạnh mẽ, sản phẩm số của doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển và xuất khẩu đi khắp thế giới. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản phẩm số tăng từ 113,5 tỷ USD năm 2021 lên 117,3 tỷ USD năm 2023; 6 tháng năm 2024 đạt 64,9 tỷ USD, tăng 23%. Doanh thu phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin tăng khá, đạt 13 tỷ USD năm 2023; xuất khẩu đạt 7,5 tỷ USD. Nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới đã đầu tư lớn tại Việt Nam, cam kết đầu tư mới và mở rộng đầu tư, nhất là trong lĩnh vực mới như điện tử, chip bán dẫn, nghiên cứu phát triển, trí tuệ nhân tạo...

Số hóa các ngành kinh tế, công tác chuyển đổi số trong quản lý, đầu tư xây dựng, sản xuất được triển khai mạnh mẽ. Doanh thu thương mại điện tử tăng từ 13,7 tỷ USD năm 2021 lên 20,5 tỷ USD năm 2023. Hàng trăm sản phẩm OCOP đã được bán thông qua các sàn thương mại điện tử trong nước và xuyên biên giới, tạo sinh kế

và thu nhập cao cho người nông dân. Thanh toán không dùng tiền mặt được triển khai rộng khắp trên phạm vi cả nước. Tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản thanh toán đạt 87%, vượt mục tiêu năm 2025 là 80%. Hiện có 9,13 triệu khách hàng sử dụng Mobile Money, trong đó 72% khách hàng tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Hệ thống thuế điện tử được xây dựng đồng bộ từ đăng ký thuế đến khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế điện tử và triển khai Hệ thống hóa đơn điện tử trên toàn quốc (xử lý 8,8 tỷ hóa đơn).

Chuyển đổi số phục vụ người dân, an sinh xã hội có bước phát triển mạnh mẽ, như đăng ký thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông, đăng ký xét tuyển trực tuyến trong giáo dục; liên thông dữ liệu khám sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh, khai tử... Trong bảo hiểm xã hội 63/63 địa phương thực hiện chi trả an sinh xã hội qua tài khoản cho 1,96 triệu người với số tiền trên 8.280 tỷ đồng. Đặc biệt giai đoạn cao điểm của dịch Covid-19, trong 1 tháng, đã chi trả 31.836 tỷ đồng cho trên 13,3 triệu lượt người lao động qua hệ thống điện tử.

Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Các cơ sở dữ liệu mang tính nền tảng như: Dân cư, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, giáo dục và đào tạo... đã đi vào vận hành ổn định, mang lại hiệu quả tích cực. Hạ tầng số, nền tảng số được quan tâm đầu tư và có bước phát triển. 100% xã, phường, thị trấn kết nối Internet cáp quang. Chỉ số Chính phủ điện tử của Việt Nam năm 2022 xếp hạng 86/193; Chỉ số Đổi mới sáng tạo luôn duy trì trong nhóm 50 nước dẫn đầu từ năm 2018 đến nay; năm 2023 xếp hạng 46/132;

Chỉ số Bưu chính năm 2023 đạt cấp độ 6/10, xếp hạng 47/172.

Theo báo cáo của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, 6 tháng đầu năm 2024, Việt Nam tiếp tục đạt được thành tựu chuyển đổi số tại nhiều lĩnh vực như: Có 55/63 địa phương ban hành Kế hoạch đẩy mạnh triển khai Đề án 06 trong năm 2024; đã đơn giản 242 thủ tục hành chính. 63/63 địa phương đã ban hành Nghị quyết miễn giảm phí, lệ phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính. Công nghiệp công nghệ thông tin (ICT) có bước phát triển khá với doanh thu ước đạt trên 1,9 triệu tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ. Sản phẩm số của doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục phát triển và đã xuất khẩu đi khắp thế giới; 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 64,8 tỷ USD, tăng 23%, nhập khẩu đạt 56,1 tỷ USD, tăng 27,2% so với cùng kỳ năm 2023. Giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt tăng 58,2% về số lượng và 36,7% về giá trị. Hơn 1 triệu đối tượng chính sách được nhận trợ cấp an sinh xã hội và 1,8 triệu người nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua tài khoản.

Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn có internet băng thông rộng; 100% cơ quan từ Trung ương đến cấp xã đã được kết nối với mạng số liệu chuyên dùng (trong 6 tháng đầu năm 2024 đã xóa 256 điểm lôm sổng, lôm điện). Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối, chia sẻ, xác thực, làm sạch dữ liệu với 85 bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty Nhà nước. 100% công dân đã được cấp mã số định danh cá nhân; 86,3 triệu công dân đã được cấp thẻ căn cước gắn chip điện tử; hơn 75,7 triệu tài khoản VNeID đã được cấp. 6 tháng đầu năm 2024 đã cấp mới 4,8 triệu tài khoản và 13,9 triệu hồ sơ

được nộp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; triển khai 43/53 dịch vụ công thiết yếu, tăng 5 dịch vụ công so với cuối năm 2023. Riêng 25 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06 hằng năm đã tiết kiệm cho Nhà nước và xã hội 3.500 tỷ đồng/năm. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được đẩy mạnh (cấp bộ là 46,4%, tăng 22,1%; địa phương đạt 58,1%, tăng 14,6%). Từ 1/7/2024, người dân có thể sử dụng duy nhất tài khoản VNID để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Tăng tốc, bứt phá chuyển đổi số với tinh thần “5 đẩy mạnh, 5 bảo đảm, 5 không”

Năm 2024 được coi là năm tăng tốc, bứt phá, hướng tới thực hiện thành công các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nói riêng. Do đó, tại Hội nghị Thường trực Chính phủ về chuyển đổi số với các Bộ trưởng, Trưởng ngành, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vào tháng Bảy vừa qua, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã nhấn mạnh nhiều nội dung quan trọng. Trong đó, Thủ tướng lưu ý một số trọng tâm về chuyển đổi số, gồm: (i) Phát triển nhân lực số, công dân số, kỹ năng số, tài năng số; (ii) Ưu tiên nguồn lực cho chuyển đổi số; (iii) Phát triển hạ tầng số toàn diện nhưng phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả; (iv) Quản lý, điều hành số hóa, thông minh; (v) Khẩn trương hoàn thiện cơ chế, chính sách cho chuyển đổi số theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp gắn với phân bổ nguồn lực phù hợp, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát,

giảm thủ tục phiền hà, sách nhiễu, xóa xin, cho và phòng chống tiêu cực, tham nhũng.

Đáng chú ý, Thủ tướng nhấn mạnh, cần mạnh dạn “tăng tốc”, “bứt phá” trong chuyển đổi số với khí thế tiến công mạnh mẽ, phát huy tinh thần 5 “đẩy mạnh”, 5 “bảo đảm” gắn với 5 “không”. Cụ thể:

“5 đẩy mạnh” gồm: (1) Đẩy mạnh thống nhất nhận thức và hành động của người lãnh đạo trong chuyển đổi số, phát huy tính tiên phong, nêu gương, đi đầu; (2) Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách, thúc đẩy chuyển đổi số, phù hợp với thông lệ quốc tế; thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số; (3) Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng số quốc gia thông suốt, phát triển nền tảng số, dữ liệu số, hệ sinh thái số thuận tiện; (4) Đẩy mạnh an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ chủ quyền không gian mạng quốc gia từ sớm, từ xa; (5) Đẩy mạnh xây dựng văn hóa số, góp phần xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc và hội nhập thế giới.

“5 bảo đảm” gồm: (1) Bảo đảm triển khai chuyển đổi số, Đề án 06 đồng bộ, hiệu quả tại tất cả các bộ, ngành, địa phương, các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường để người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng; (2) Bảo đảm nguồn lực cho chuyển đổi số quốc gia, nhất là đầu tư phát triển hạ tầng số, nền tảng số, đào tạo nhân lực số; (3) Bảo đảm 100% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu cho người dân, tiếp cận dễ dàng, an toàn, tiện lợi, tiết giảm chi phí; (4) Bảo đảm nhân lực cho chuyển đổi số và các ngành kinh tế mới nổi, chú trọng đào tạo kỹ năng số gắn với nhu cầu thị trường; (5) Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và doanh nghiệp,

nhà đầu tư, góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững.

“5 không” gồm: (1) Không nói không, không nói khó, không nói có mà không làm; không bàn lùi, chỉ bàn làm; (2) Không để ai bị bỏ lại phía sau trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia, triển khai Đề án 06; (3) Không tiền mặt, hướng tới mọi giao dịch thông qua phương thức điện tử, phòng chống tham nhũng; (4) Không giấy tờ, hướng tới số hóa toàn diện; (5) Không để người dân, doanh nghiệp mất nhiều thời gian, công sức, chi phí tuân thủ.

Một số nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thời gian tới nhằm thực hiện thành công chuyển đổi số: Tiếp tục thống nhất, nâng cao nhận thức, hành động và tổ chức thực hiện của toàn hệ thống chính trị và Nhân dân trong chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai Nghị quyết của Đảng, xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách trong chuyển đổi số. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan trong phát triển kinh tế số như: Chiến lược Phát triển ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam, Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng, Chiến lược phát triển thương mại điện tử... Triển khai phấn đấu đến hết năm 2024 đạt 80% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 40% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến, 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính; đến năm 2025 đạt 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được gắn định danh cá nhân. Bên cạnh đó, cần chú trọng đầu tư cho phát triển hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, nhân lực số tương xứng với tầm vóc và yêu cầu phát triển; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh, an toàn các hệ thống thông tin mạng./.

Phát triển công nghiệp Halal CƠ HỘI LỚN TỪ THỊ TRƯỜNG HALAL TOÀN CẦU

Ngọc Linh

Trong bối cảnh các thị trường xuất khẩu truyền thống đang gặp không ít khó khăn do lạm phát, suy thoái kinh tế, một trong những giải pháp Việt Nam đã và đang tập trung là huy động các nguồn lực trong nước, quốc tế để khai mở, xây dựng và phát triển ngành Halal bài bản, chuyên nghiệp, toàn diện, nhằm tạo thêm động lực mới cho phát triển kinh tế bền vững của nước ta.

In the context that traditional export markets are facing many difficulties due to inflation and economic recession, one of the solutions that Vietnam has been focusing on is mobilizing domestic and international resources to explore, build and develop the Halal industry methodically, professionally and comprehensively, to create new momentum for our country's sustainable economic development.

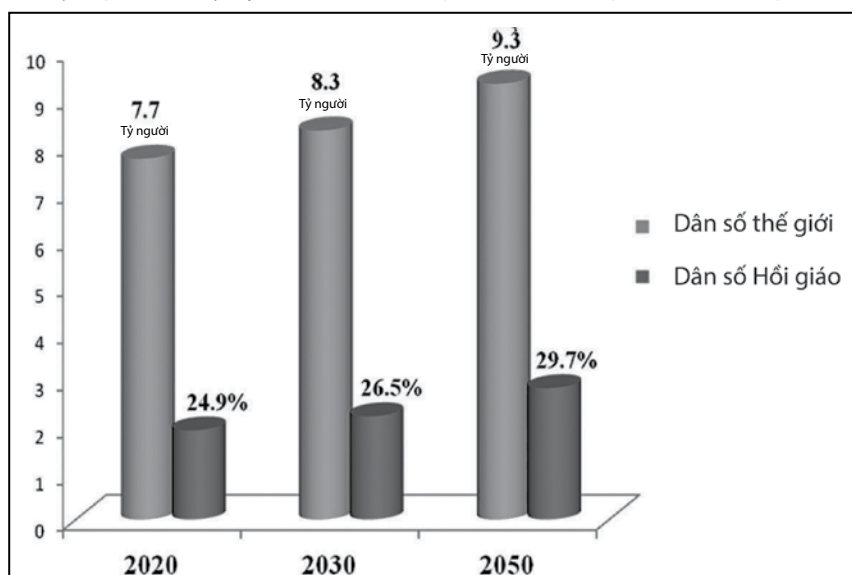
Từ khóa: Hồi giáo, ngành Halal, hợp tác, thị trường

Cơ hội lớn từ thị trường Halal toàn cầu

Các nước Hồi giáo có quy mô dân số khá lớn với khoảng 1,94 tỷ người vào năm 2022, chiếm gần 1/4 dân số thế giới và có quy mô nền kinh tế đạt 7.000 tỷ USD.

Đây là thị trường đầy tiềm năng khi dân số sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức trung bình 1,5%/năm, cao gấp 2 lần so với dân số phi Hồi giáo (0,7%/năm) và dự kiến sẽ đạt khoảng 2,8 tỷ người vào năm 2050, chiếm 30% dân số thế giới. Theo Báo cáo về tương lai dân số Hồi giáo toàn cầu của Pew Research Center thực hiện năm 2022, dự báo đến năm 2050, thế giới sẽ có 51 quốc gia có người Hồi giáo chiếm đa số, tăng 02 nước so với năm 2010.

Tăng trưởng dân số Hồi giáo giai đoạn 2020 - 2050 (tỷ người và tỷ lệ % dân số Hồi giáo trên tổng dân số thế giới)



Nguồn: Theo Báo cáo năm 2022 về tương lai dân số Hồi giáo toàn cầu của Pew Research Center



tạo thuận lợi hơn nữa cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường, trong đó có các sản phẩm nông, thủy sản đạt chuẩn Halal; tiến tới sớm ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác nông nghiệp và thủy sản giữa hai nước. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 43, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng đề nghị In-đô-nê-xi-a tạo thuận lợi cho các sản phẩm Halal có xuất xứ Việt Nam tiếp cận thị trường đất nước vạn đảo này.

Đối với Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE) - một trong những quốc gia hàng đầu thế giới trong ngành công nghiệp Halal, Thủ tướng đề nghị hỗ trợ Việt Nam phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ Halal, đầu tư sản xuất sản phẩm Halal và xây dựng các cơ chế hợp tác về chứng nhận Halal ở Việt Nam, qua đó góp phần nâng cao kim ngạch trao đổi thương mại giữa hai nước.

Việt Nam đồng thời đề xuất Ai Cập hợp tác sản xuất thực phẩm theo tiêu chuẩn Halal theo mô hình song phương hoặc nhiều bên tại Việt Nam hoặc tại Ai Cập; đề nghị Ả-rập Xê-út hỗ trợ phát triển ngành Halal và tiếp cận thị trường hàng hóa và dịch vụ theo tiêu chuẩn Hồi giáo Halal thông qua đầu tư sản xuất, đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện các quy định, khuôn khổ pháp lý về quản lý nhà nước về Halal... để tạo đột phá cho hợp tác thương mại giữa Việt Nam với các đối tác thương mại trong thời gian tới.

Cộng hòa Hồi giáo Iran là một trong những thị trường lớn tại khu vực Trung Đông, đang trở thành điểm đến hấp dẫn cho các doanh nghiệp quốc tế trong lĩnh vực sản phẩm Halal. Với dân số hơn 83 triệu người và gần 99% dân số theo Hồi giáo, thị trường Halal

Quy mô thị trường sản phẩm cho các nước hồi giáo (sản phẩm Halal) là rất lớn. Với sự tăng trưởng quy mô dân số cùng mức chi tiêu tăng lên, nền kinh tế Hồi giáo được đánh giá sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong thời gian tới và quy mô sẽ tăng lên mức khoảng 10.000 tỷ USD trước năm 2028 với tốc độ khoảng 6-8%/năm. Bên cạnh đó, nhiều người không theo đạo Hồi ở những nền kinh tế lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU... cũng đang có xu hướng ngày càng ưa chuộng các sản phẩm Halal, do đáp ứng các tiêu chuẩn cao về vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường. Các chuyên gia còn cho rằng, trong thời gian tới, sản phẩm Halal sẽ mở rộng không chỉ với thực phẩm thuần túy, mà cả dược phẩm, mỹ phẩm, đồ gia dụng, thời trang, du lịch và giải trí...

Hướng đi mới trong hợp tác kinh tế

Để khai mở thị trường Halal giàu tiềm năng và tạo thêm động lực mới cho phát triển kinh tế bền vững của nước ta, nhất là khi các thị trường truyền thống đang gặp không ít khó khăn do lạm phát, suy thoái kinh tế..., ngày 14/02/2023, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030" (Đề án Halal) theo Quyết định

số 10/QĐ-TTg. Các sản phẩm Halal bao gồm hầu hết tất cả sản phẩm thiết yếu của cuộc sống như: Thực phẩm, đồ uống, thực phẩm hữu cơ, dược phẩm, mỹ phẩm,... đến lĩnh vực dịch vụ như: Du lịch, ngân hàng, giáo dục và đào tạo, dịch vụ ăn uống, khách sạn. Đây là Đề án đầu tiên đưa ra các định hướng lớn mang tầm quốc gia về huy động các nguồn lực trong nước, quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam bài bản, chuyên nghiệp, toàn diện, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu, hiệu quả vào các chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm Halal toàn cầu.

Nhằm tạo nền tảng phát triển cho ngành Halal trong nước, hợp tác về Halal luôn là một trong những nội dung quan trọng trong các buổi gặp mặt, làm việc của các Lãnh đạo cấp cao Việt Nam cùng các nước hồi giáo Ả-rập Xê-út, Ma-lai-si-a, In-đô-nê-xi-a, Iran...

Đơn cử là tại cuộc gặp mặt nhân dịp Hội nghị Cấp cao (HNCC) ASEAN 42 diễn ra vào tháng 5/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Quốc vương Bru-nây Hassanal Bolkiah nhất trí mở rộng hợp tác thương mại trong các lĩnh vực tiềm năng với 4 trọng tâm chính, trong đó có sản phẩm Halal. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đề nghị Bru-nây

ở Iran đang ngày càng mở rộng và trở nên hứa hẹn với các nhà kinh doanh và nhà sản xuất.

Khởi động Đề án Halal, tháng 8/2023, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) Việt Nam và Tổ chức Tiêu chuẩn quốc gia Iran (INSO) đã ký bản ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa, đánh giá sự phù hợp và công nhận, đo lường và Halal. Đây là cơ sở quan trọng để hai bên triển khai các hoạt động hợp tác liên quan đến đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm quản lý tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp về Halal, tiến tới ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp về sản phẩm Halal.

Hiện Chính phủ Iran đã áp dụng nhiều chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy nhập khẩu sản phẩm Halal vào nước này. Các chương trình khuyến khích đầu tư, giảm thuế nhập khẩu, cải thiện hạ tầng và thúc đẩy hợp tác kinh tế quốc tế đang tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam trong việc tiếp cận thị trường Iran.

Tiếp đó, tháng 10/2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Du lịch Ả-rập Xê-út đã ký kết “Chương trình hành động trong lĩnh vực du lịch” để thúc đẩy hợp tác du lịch giữa hai nước bằng việc tăng cường trao đổi, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, thống kê về thị trường Halal; nhu cầu du khách, phát triển, đào tạo nhân lực du lịch; tổ chức các sự kiện quảng bá du lịch chung; tìm kiếm cơ hội đầu tư du lịch... Sau ký kết, Việt Nam đã và đang tập trung xây dựng và phát triển chuỗi giá trị du lịch Halal phù hợp với thị hiếu khách du lịch đến từ cộng đồng các nước Hồi giáo, đồng thời đẩy mạnh xúc tiến du lịch

Việt Nam tại các thị trường Halal nói chung và thị trường Ả-rập Xê-út nói riêng.

Trên thế giới, chứng nhận Halal của Malaysia là một trong những chứng nhận được tìm kiếm nhiều nhất bởi đây là chứng nhận được Chính phủ cấp. Khi đạt chuẩn Halal quốc đảo này, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam không chỉ tiến mạnh mẽ vào thị trường Malaysia mà còn có thể đi toàn thế giới.

Cuối năm 2023, Việt Nam và Malaysia đã có bước đột phá trong hợp tác là tăng cường hiểu biết về phương thức đẩy mạnh hợp tác về Halal giữa hai nước. Cả hai quốc gia đã đạt được sự đồng thuận về việc mỗi quốc gia thành lập một cơ quan chuyên trách việc phát triển công nghiệp Halal và có những trao đổi đặc biệt sâu về việc chứng nhận chuẩn Halal. Bên cạnh đó, Tổng công ty Phát triển công nghiệp Halal Malaysia (HDC) đang chuẩn bị Biên bản ghi nhớ hợp tác (MoU) giữa HDC và Việt Nam, trước hết tập trung chủ yếu vào các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm; sau đó mở rộng sang các lĩnh vực khác như chăm sóc sức khỏe, mỹ phẩm... Đây là bước đi đầu tiên để Việt Nam có được tấm thẻ thông hành Halal của Malaysia, đưa hàng hóa

trong nước thâm nhập vào thị trường thế giới rộng lớn.

Các thực phẩm, sản phẩm đạt chất lượng an toàn và được chứng nhận Halal là niềm tin cho người tiêu dùng Hồi giáo. Do đó, bên cạnh thúc đẩy hợp tác Halal với các quốc gia, Việt Nam từng bước xây dựng các tiêu chuẩn để hàng hóa Việt tham gia thị trường Halal toàn cầu. Trong năm 2023, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng và công bố 4 tiêu chuẩn quốc gia mới trong lĩnh vực Halal gồm: (1) TCVN 13708:2023 Thực hành nông nghiệp tốt đối với cơ sở sản xuất Halal, quy định về thực hành nông nghiệp tốt đối với cơ sở sản xuất Halal, bao gồm các lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi, nhằm cung cấp nguồn thực phẩm Halal. (2) TCVN 13709:2023 Thức ăn chăn nuôi Halal, quy định các yêu cầu đối với việc sơ chế, chế biến, vận chuyển, bảo quản thức ăn chăn nuôi Halal sử dụng cho vật nuôi dùng làm thực phẩm; (3) TCVN 13710:2023 Thực phẩm Halal - Yêu cầu đối với giết mổ động vật, quy định các yêu cầu đối với quá trình giết mổ động vật dùng làm nguyên liệu chế biến thực phẩm Halal; (4) TCVN 13888:2023 Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ Halal,



Nước yến sào Khánh Hoà Sanest đạt tiêu chuẩn Halal

quy định yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ Halal.

Trước đó, năm 2020, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã ban hành TCVN 12944:2020 Thực phẩm Halal - Yêu cầu chung, quy định các yêu cầu chung đối với việc chuẩn bị, chế biến, vận chuyển, bảo quản thực phẩm Halal. Như vậy, đến nay Việt Nam đã ban hành tổng cộng 5 tiêu chuẩn quốc gia trong lĩnh vực Halal. Hiện, Bộ Khoa học và Công nghệ đang nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập Trung tâm chứng nhận Halal quốc gia và đang tích cực làm việc với các tổ chức chứng nhận Halal của các nước để thúc đẩy ký kết và triển khai các thỏa thuận, bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực Halal.

Trong thời gian qua, nhiều tỉnh, thành phố cũng đã chủ động tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Halal. Điển hình như TP. Hồ Chí Minh tích cực thúc đẩy hợp tác quốc tế với Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a để tiếp cận thị trường Halal thông qua việc trao đổi, tìm hiểu cơ hội, thúc đẩy hợp tác giao thương; chia sẻ quy trình và tiêu chuẩn chứng nhận Halal; hỗ trợ đào tạo chuyên gia về thị trường Halal, giúp các doanh nghiệp Việt Nam tìm hiểu và gia nhập thị trường Halal... Hay như tỉnh An Giang, để đón đầu xu hướng phát triển ngành Halal, đa số các doanh nghiệp xuất khẩu đã có chứng chỉ Halal để xuất khẩu. Cụ thể, hiện Tỉnh có tới 10/19 doanh nghiệp xuất khẩu gạo có chứng nhận Halal, 23/45 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản có chứng nhận Halal.

Mặc dù có nhiều cơ hội để phát triển, nhưng thị trường Halal Việt Nam mới đang trong bước đầu khai phá và đang thiếu một hệ sinh thái Halal đầy đủ (gồm hệ sinh thái sản xuất, dịch vụ, hạ tầng cơ sở và hỗ trợ của Nhà nước) để phát triển bền vững. Mỗi năm, nước ta có khoảng 50 công ty được cấp chứng nhận Halal với các sản phẩm chủ yếu là hải sản, đồ uống, thực phẩm đóng hộp, bánh kẹo, đồ ăn chay và dược phẩm, song chỉ xuất khẩu khoảng 20 sản phẩm Halal, chủ yếu là nông, thủy sản nhưng ở dạng thô, sơ chế và chiếm tỉ trọng nhỏ trong tổng cơ cấu

các mặt hàng xuất khẩu. 41% địa phương Việt Nam chưa có sản phẩm xuất khẩu có chứng nhận Halal... Điều này khiến Việt Nam nằm ngoài danh sách 20-30 nước cung cấp thực phẩm Halal tiêu biểu của toàn cầu dù có năng lực xuất khẩu và thương hiệu thực phẩm ở top 20 thế giới. Một trong những hạn chế của Việt Nam trong việc thâm nhập thị trường Halal là tỷ lệ người theo đạo Hồi thấp và ít người trong số đó được đào tạo về quy trình chứng nhận Halal.

Dự kiến tiêu thụ thực phẩm Halal tại Đông Nam Á năm 2024



Để ngành công nghiệp Halal phát triển bền vững, đóng góp lớn vào nền kinh tế quốc gia, Việt Nam đang tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, xây dựng chính sách triển khai hiệu quả Đề án quốc gia "Tăng cường hợp tác quốc tế để xây dựng và phát triển ngành Halal Việt Nam đến năm 2030". Đồng thời, đẩy mạnh ngoại giao kinh tế với các nước Hồi giáo, nghiên cứu ký kết FTA giữa Việt Nam và các thị trường Halal tiềm năng, tận dụng lợi thế từ các hiệp định khu vực; thiết lập chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị và hệ sinh thái Halal... Các doanh nghiệp cũng đã và đang có chiến lược điều chỉnh, thay đổi và tăng cường đầu tư các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Halal. Hy vọng rằng, Việt Nam sẽ nắm bắt tốt cơ hội, khai thác hiệu quả thị trường Halal thế giới tỷ đô, tạo thêm động lực mới cho phát triển kinh tế bền vững của nước ta./

Tài liệu tham khảo:

Đặc san Halal, số 1/2023, Bộ Ngoại giao;

Báo cáo năm 2022 về tương lai dân số Hồi giáo toàn cầu, Pew Research Center.

Hồ tiêu

CƠ HỘI TRỞ LẠI NHÓM HÀNG HÀNG TỶ ĐÔ SAU NHIỀU NĂM VẮNG BÓNG

Quang Vinh

Tính đến hết tháng 8/2024, Việt Nam xuất khẩu 183 tấn hồ tiêu các loại, tuy giảm 2,7% về lượng so cùng kỳ năm 2023 nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu lại tăng đến 42,6%, đạt 877 triệu USD. Theo VPSPA, nguyên nhân khiến kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tăng cao là do giá hồ tiêu tăng phi mã trong những tháng qua, mà nguyên nhân sâu xa là nguồn cung hồ tiêu toàn cầu đang ngày càng khan hiếm. Ở khía cạnh khác, đà tăng giá hồ tiêu trong bối cảnh tăng giá chung của hàng nông sản là tín hiệu tốt để xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam năm nay trở lại nhóm hàng tỷ đô sau nhiều năm vắng bóng.

Từ khóa: Hồ tiêu, xuất khẩu, kim ngạch, tăng giá, phát triển bền vững

Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng ấn tượng

Năm 2023, do kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát duy trì ở mức cao, căng thẳng địa chính trị kéo dài, thị trường tài chính toàn cầu có sự biến động mạnh, nên xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam chỉ đem về 912 triệu USD, giảm 6% về giá trị so năm 2022 dù đạt 267 nghìn tấn, tăng 16,6% về khối lượng.

Bước sang năm 2024, giá tiêu xuất khẩu đã ở mức cao hơn nhiều so với năm 2023. Nhờ đó, xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam năm 2024

thuận lợi hơn và đạt tăng trưởng rất ấn tượng về kim ngạch.

Theo thống kê của Hiệp hội Hồ tiêu và Cây gia vị Việt Nam (VPSPA), tính đến hết tháng 6/2024, Việt Nam đã xuất khẩu gần 142,6 nghìn tấn hồ tiêu các loại, giảm 6,8% về lượng nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 634,2 triệu USD, tăng 30,5%. Trong đó, lượng tiêu đen xuất khẩu đạt 126 nghìn tấn, xấp xỉ 540 triệu USD; tiêu trắng đạt 16,6 nghìn tấn, giá trị là 94,3 triệu USD.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu

hồ tiêu lớn nhất của Việt Nam với khối lượng đạt 37,4 nghìn 35 tấn, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 26,3% thị phần. Tiếp theo, thị trường Đức đạt 9,5 nghìn tấn, tăng 106,7%; UAE đạt 8,4 nghìn tấn, tăng 15,2%; Ấn Độ đạt 8,2 nghìn tấn, tăng 45,7%.

Số liệu mới công bố của Tổng cục Thống kê cho thấy, tính đến hết tháng 8/2024, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu tiếp tục chinh phục đỉnh mới. Tuy Việt Nam chỉ xuất khẩu 183 tấn hồ tiêu các loại, giảm 2,7% về lượng so cùng kỳ

năm 2023 nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu lại tăng đến 42,6%, đạt 877 triệu USD.

Nguồn cung toàn cầu khan hiếm

Theo VPSA, nguyên nhân khiến kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam tăng cao là do nguồn cung hồ tiêu trên thị trường thế giới đang ngày càng khan hiếm. Giá hồ tiêu tăng phi mã trong những tháng qua. Trong 7 tháng đầu năm nay, giá xuất khẩu bình quân tiêu đen đạt 4.568 USD/tấn, tiêu trắng đạt 6.195 USD/tấn, tăng lần lượt 32,7% và 25% USD so với cùng kỳ năm ngoái.

Hiện nguồn cung hồ tiêu tiếp tục bị hạn chế trên toàn cầu do ảnh hưởng của El Nino và diện tích trồng suy giảm ở nhiều quốc gia.

Mặc dù là nước xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất thế giới nhưng nguồn cung mặt hàng này ở Việt Nam đã cạn, lượng hàng tồn kho từ năm ngoái chuyển sang năm nay hầu như không đáng kể, do sản lượng vụ 2023 - 2024 giảm khá nhiều so với niên vụ trước. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là việc canh tác sản xuất và duy trì vườn tiêu của người nông dân đầu năm nay đã bị tác động liên tục bởi những ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu El Nino, khiến năng suất tiêu giảm mạnh.

Bên cạnh đó, tại các vùng trọng điểm trồng tiêu của Việt Nam (3 tỉnh Tây Nguyên gồm Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và 3 tỉnh Đông Nam Bộ là Bình Phước, Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu) đang có xu hướng thu hẹp diện tích trồng do vấp phải cạnh tranh với sầu riêng, cà phê và một số loại cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, diện tích hồ tiêu cả nước năm 2023 đạt 115.000ha, giảm 4,2% so với năm 2022 và giảm 24,3% so với năm có diện tích cao nhất là năm 2017 khoảng 151.900 ha.

Con số thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk cho thấy, hiện toàn tỉnh chỉ còn 28,6 nghìn ha hồ tiêu, giảm 2,5 nghìn ha so với năm 2022. Trong khi đó, diện tích hồ tiêu trên địa bàn tỉnh Bình Phước hiện còn hơn 12,9 nghìn ha, giảm hơn 4,2 nghìn ha so năm 2019.

Theo nhận định của VPSA, sản lượng tiêu của Việt Nam trong năm 2024 ước tính giảm 10% so với năm 2023, chỉ còn khoảng 170.000 tấn. Đây là mức thấp nhất 5 năm trở lại đây.

Brazil hiện đang là quốc gia sản xuất và xuất khẩu tiêu đen lớn thứ hai thế giới sau Việt Nam, chiếm 17 - 18% tổng nguồn cung toàn cầu.

Tình hình canh tác và sản xuất hồ tiêu tại quốc gia này cũng đang phải đối mặt với tình trạng biến đổi khí hậu (La Nina), hạn hán kéo dài dẫn đến mất mùa liên tục. Sản lượng hồ tiêu của Brazil dự kiến thấp nhất trong nhiều năm, giảm 20-40% so với năm trước.

Nguồn cung hồ tiêu không chỉ giảm ở hai quốc gia trên mà sản lượng hồ tiêu của Ấn Độ cả năm 2024 cũng ước tính giảm 20%, Indonesia giảm 20 - 30%...

Theo VSPA, năm 2024 nhu cầu tiêu thụ hồ tiêu toàn cầu dự kiến đạt tới 529.000 tấn, vượt 64.000 tấn so với sản xuất. Nguồn cung hồ tiêu toàn cầu sụt giảm trong khi nhu cầu sử dụng hồ tiêu tăng mạnh sẽ khiến giá hồ tiêu cũng sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao trong thời gian tới, đặc biệt là những tháng cuối năm 2024.

Các chuyên gia nhận định, giá hồ tiêu sẽ còn tiếp tục ở mức cao trong nhiều năm tới, bởi mỗi chu kỳ tăng giá thường kéo dài trong khoảng 10 năm do về dài hạn trong 3 - 5 năm tới, lượng tiêu sản xuất ra chưa thể đáp ứng được cho nhu cầu tiêu dùng của thế giới, nguồn cung vẫn thiếu hụt so với nhu cầu. Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển hàng hóa tăng nhanh và tắc nghẽn cảng ở châu Á cũng đang tác động đến giá cả ở các thị trường nhập khẩu và có thể gây ra sự chậm trễ vận chuyển, khiến giá tăng trong trung và dài hạn.

Ở khía cạnh khác, đà tăng giá hồ tiêu trong bối cảnh tăng giá chung của các mặt hàng nông sản là tín hiệu tốt để xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam năm nay đạt trên 1 tỷ USD sau nhiều năm vắng bóng.

Đồng thời, nông dân sẽ có điều kiện chăm sóc vườn tiêu tốt hơn theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và gia tăng giá trị sản phẩm. Điều này sẽ góp phần



nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế từ việc trồng hồ tiêu.

Cần đảm bảo phát triển bền vững

Bên cạnh thách thức về việc thu hẹp diện tích trước sự cạnh tranh với một số cây trồng khác, VPSA cho rằng, ngành hồ tiêu đang phải đối mặt với hàng loạt quy định mới ngày càng nghiêm ngặt của các nước nhập khẩu. Đơn cử như EU đưa ra các quy định về chống phá rừng, không gây nguy hại tới rừng, trước mắt áp dụng cho 6 ngành hàng cà phê, đậu nành, gỗ, gia súc, ca cao, cao su, sắp tới có thể sẽ áp dụng cho hồ tiêu. Hơn nữa, về vấn đề giảm phát thải, Việt Nam cam kết cắt giảm 30% trong năm 2030 và về Net Zero vào năm 2050.

Do đó, để các sản phẩm hồ tiêu khẳng định vị thế trên thị trường thế giới bền vững, ngành hồ tiêu cần có sự chuẩn bị trước cho quy định này, tăng khả năng hợp chuẩn theo các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là về các khía cạnh như dư lượng hóa chất, các tiêu chí sản xuất bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường, để vừa bảo đảm việc tuân thủ và đáp ứng các yêu cầu, quy định đồng thời đem lại thêm thu nhập cho người dân.

Bên cạnh đó, để bảo đảm giá trị ngành hàng hồ tiêu, luôn cần sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà xuất khẩu, nhà chế biến với người sản xuất. Trong đó, người nông dân phải được đặt ở vị trí trung tâm và cần được nâng cao kiến thức canh tác./.

Nhìn lại hành trình xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam: Năm 2018, ngành hồ tiêu tuột mốc 1 tỷ USD, khi rơi từ mức kỷ lục 1,43 tỷ USD của năm 2016 và con số 1,12 tỷ USD của năm 2017 xuống còn 759,0 triệu USD. Hai năm tiếp theo 2019, 2020 kim ngạch xuất khẩu tiêu của Việt Nam tiếp tục đà rơi, xuống lần lượt 714,4 triệu USD và 660,6 triệu USD, thấp hơn cả giá trị xuất khẩu năm 2010, trong khi khối lượng xuất khẩu tăng gấp hơn 2 lần. Tuy kim ngạch xuất khẩu tiêu đã tăng trở lại từ năm 2021 đến nay, nhưng do giá xuống thấp khiến mục tiêu xuất khẩu tỷ USD của ngành hồ tiêu liên tục lỡ hẹn. Với kết quả chặng đường của năm 2024 đã đi qua, chắc chắn xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam “sáng cửa” đạt được mục tiêu đặt ra, tạo đà cho tăng trưởng xuất khẩu ở những năm tiếp theo.

Hàng hóa xuất khẩu đối diện với điều tra phòng vệ thương mại ngày càng tăng

Việt Nam hiện đã có quan hệ thương mại tự do với 60 đối tác thương mại thông qua việc ký kết 16 FTA, trong đó có các FTA thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA). Đối với hàng hóa nội địa, mức cắt giảm thuế quan hầu hết về 0% đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có độ mở cửa cao nhất trên thế giới. Tuy nhiên, dù quá trình mở cửa với các đối tác thương mại lớn là theo lộ trình, song có thể làm cho một số ngành sản xuất trong nước không thích ứng kịp với diễn biến cạnh tranh phức tạp, thậm chí không lành mạnh như bán phá giá, nhận trợ cấp của hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài.

Cùng với sự tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu, trong thời gian qua, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ngày càng phải đối mặt nhiều hơn với các vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của nước ngoài. Đồng thời, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam cũng bị các nước áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại với tần suất cao. Theo số liệu của Bộ Công Thương, trong 3 năm gần đây, số lượng điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam đang tăng nhanh. Tính đến hết tháng 12/2021, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của 209 vụ việc điều tra liên quan đến phòng vệ thương mại. Trong đó, có 08 vụ việc mới do nước ngoài khởi xướng, bên cạnh nhiều vụ việc cũ đang tiếp tục được điều tra, rà soát hàng năm và rà soát cuối kỳ.

Các vụ việc điều tra liên quan đến phòng vệ thương mại ngày càng có xu hướng tăng qua các năm: Năm 2022 là 226 vụ việc điều tra và 17 vụ việc mới; năm 2023 là 242 vụ và 15 vụ việc mới. Đến tháng 6/2024, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với 252 vụ việc điều tra phòng vệ từ 24 thị trường và vùng lãnh thổ, với 138 vụ điều tra chống bán phá giá, 50 vụ tự vệ, 27 vụ việc chống trợ cấp và 37 vụ chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam trong những năm gần đây đang ngày càng diễn biến phức tạp. Nếu trước đây hàng hóa bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại là những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn, thì nay những mặt hàng có kim ngạch nhỏ cũng phải đối mặt với các vụ kiện.



VIỆT NAM CHỦ ĐỘNG PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Bảo vệ hàng trong nước

Thu Hường

Việc gia nhập sâu vào sân chơi thương mại toàn cầu đang mở ra nhiều cơ hội thị trường cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, song cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là trong bối cảnh nhiều nền kinh tế đang gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước.

Từ khóa: Phòng vệ thương mại, hàng hóa xuất khẩu, vụ việc điều tra

Loại hàng hóa bị khởi kiện cũng đa dạng hơn từ hàng nông, thủy sản, cho đến sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo. Các vụ khởi kiện điều tra có thể bắt đầu với bị đơn là một hoặc một vài doanh nghiệp, nhưng nguy cơ thiệt hại cho cả ngành hàng rất lớn. Đặc biệt, việc tham gia vào các chuỗi cung ứng khu vực khiến Việt Nam trở thành quốc gia thường xuyên bị kiện chung với một số nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ (là các quốc gia có kim ngạch xuất khẩu lớn, thường xuyên bị điều tra phòng vệ thương mại) hoặc bị nghi ngờ chuyển tải bất hợp pháp nhằm lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với các nước này.

Các thị trường thường xuyên điều tra phòng vệ thương mại

với Việt Nam bao gồm: Mỹ, Ấn Độ, Australia... Trong đó, thép, nhôm, sợi, gỗ là những mặt hàng thường xuyên bị điều tra theo xu hướng chung trên thế giới. Thời gian gần đây, các vụ việc điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại với Việt Nam có xu hướng gia tăng, đặc biệt là thị trường Hoa Kỳ. Đây là một trong những quốc gia thường xuyên sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại và là quốc gia điều tra phòng vệ thương mại nhiều nhất đối với Việt Nam. Xếp sau Hoa Kỳ là Liên minh châu Âu (EU) và Ấn Độ.

Thời gian qua, các vụ kiện chống bán phá giá cá tra, cá basa, tôm, chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với thép cuộn,

thép chống ăn mòn do Mỹ khởi kiện, chống trợ cấp dây đồng, ống thép không gỉ do Ấn Độ khởi kiện, biện pháp tự vệ với thép nhập khẩu vào EU... khiến Việt Nam gặp khó khăn trên thị trường quốc tế.

Chủ động bảo vệ hàng trong nước

Trước các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, công tác phòng vệ thương mại đã được đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, toàn diện trên tất cả các khía cạnh như: Hoàn thiện cơ sở pháp lý về phòng vệ thương mại, triển khai các chương trình, đề án lớn nhằm nâng cao năng lực về phòng vệ thương mại; Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh



biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ; Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm; đẩy mạnh công tác thực thi, sử dụng và ứng phó với các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ lợi ích chính đáng của các ngành sản xuất, xuất khẩu...

Để hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động hơn trong việc xử lý, ứng phó với các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại của nước ngoài, năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 824/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ”; Nghị quyết số 119/NQ-CP về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp. Tiếp đó, năm 2020, tiếp tục ban hành Quyết định số 316/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại. Mục tiêu của Đề án nhằm cảnh báo trước những mặt hàng xuất khẩu có nguy cơ bị nước ngoài điều tra phòng vệ thương mại, nhằm giúp các doanh nghiệp có sự chuẩn bị trước, giúp các cơ quan chức năng thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp có trọng tâm, trọng điểm.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp xử lý hiệu quả, đem lại những kết quả tích cực ban đầu. Năm 2021, Việt Nam đã ghi nhận nhiều thành công trong việc chứng minh doanh nghiệp không bán phá giá hay Chính phủ không trợ cấp, không can thiệp vào thị trường để tạo lợi thế bất bình đẳng cho doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường như: Hoa Kỳ, Canada, Australia, Ấn Độ,

Malaysia, Indonesia... Cụ thể, trong một số vụ việc Hoa Kỳ điều tra chống bán phá giá đối với các doanh nghiệp Việt Nam, hầu hết các doanh nghiệp có tỉ trọng xuất khẩu lớn đều không bị áp thuế chống bán phá giá (như cá tra, cá basa, tôm, lốp xe). Trong hầu hết các vụ việc Canada điều tra chống trợ cấp đối với doanh nghiệp Việt Nam, cơ quan điều tra của Canada đều có kết luận chung là doanh nghiệp của Việt Nam không nhận trợ cấp hoặc nhận được trợ cấp với mức độ không đáng kể. Australia cũng đã chấm dứt nhiều vụ việc như vụ việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp ống thép chính xác, chống bán phá giá dây đai thép phủ màu, ống đồng... Các nước Ấn Độ, Malaysia, Indonesia cũng lần lượt chấm dứt các vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với ván gỗ MDF, nhựa PET, tôn lạnh... của Việt Nam. Nhờ đó, các doanh nghiệp xuất khẩu không bị áp thuế phòng vệ thương mại hoặc bị áp thuế ở mức thấp, góp phần giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Úc, Canada...

Trên cơ sở tiến hành điều tra một cách khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với cam kết quốc tế, Bộ Công Thương đã ra quyết định áp dụng hàng chục biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng nhập khẩu. Hàng hóa là đối tượng áp dụng thuộc các nhóm hàng sắt, thép, phân bón, chất dẻo, hàng dệt, thực phẩm. Đây hầu hết là những mặt hàng có vai trò quan trọng, là xương sống trong nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Với việc tăng thuế nhập khẩu, các biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng đã góp phần tăng nguồn thu ngân sách

nhà nước với mức thuế thu được lên tới hàng nghìn tỉ đồng. Thực tế cho thấy, nhiều doanh nghiệp sản xuất trong nước đã tăng cường xuất khẩu sau khi biện pháp phòng vệ thương mại được áp dụng như: Thép Hòa Phát, tôn Đông Á, DAP Hải Phòng, thép Posco SS Vina... Điều này chứng tỏ năng lực cạnh tranh quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam đang ngày càng được nâng cao.

Có thể nói, các biện pháp phòng vệ thương mại kịp thời của Việt Nam đã và đang đem lại những kết quả tích cực, góp phần ngăn chặn những tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu ồ ạt, cạnh tranh không lành mạnh với hàng hóa trong nước và đảm bảo giữ vững sản xuất trong nước cũng như năng lực cạnh tranh; đồng thời, giúp Việt Nam xử lý thành công nhiều vụ việc điều tra phòng vệ thương mại nước ngoài thông qua việc chứng minh doanh nghiệp không bán phá giá, chính phủ không trợ cấp cho doanh nghiệp, chính phủ không can thiệp vào thị trường để tạo lợi thế bất bình đẳng cho doanh nghiệp xuất khẩu, chứng minh doanh nghiệp xuất khẩu không có các hành vi lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đang áp dụng với nước thứ ba. Nhờ đó, các doanh nghiệp xuất khẩu không bị áp thuế phòng vệ thương mại, được dỡ bỏ lệnh áp thuế hoặc bị áp thuế ở mức thấp, góp phần giữ vững và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Bộ Công Thương cho biết, sau 5 năm áp dụng biện pháp chống bán phá giá, ngành sản xuất trong nước đã giảm thiệt hại đáng kể và trước mắt hàng hóa nhập khẩu từ Hàn Quốc và Trung Quốc sẽ không có khả năng tái diễn thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

Các chuyên gia cho rằng, thời gian tới, Việt Nam cần chủ động, hài hòa hơn trong đối phó với các biện pháp phòng vệ thương mại quốc tế và sử dụng hợp lý, hiệu quả các công cụ phòng vệ thương mại hợp pháp trong khuôn khổ WTO, các FTA để vừa gia tăng xuất khẩu, vừa bảo vệ các ngành sản xuất, việc làm trong nước, đồng thời giảm mức độ phụ thuộc vào hàng hóa nhập khẩu.

Việc sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại cần phải đáp ứng một số điều kiện được quy định trong các hiệp định liên quan. Vì vậy, mặc dù đối tượng điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại là một nhóm doanh nghiệp cụ thể, Bộ Công Thương vẫn cần theo dõi sát sao để hỗ trợ các doanh nghiệp trong quá trình xử lý vụ việc, đảm bảo quá trình điều tra phù hợp với các cam kết quốc tế và hạn chế ở mức thấp nhất ảnh hưởng của biện pháp phòng vệ thương mại đến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp.

Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với công cụ phòng vệ thương mại; công khai

thông tin, hỗ trợ tìm kiếm, tập hợp số liệu chính thức thuộc kiểm soát của cơ quan Nhà nước; đồng thời, có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp bảo vệ lợi ích chính đáng của các ngành sản xuất trong nước thông qua việc điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trên nguyên tắc công khai, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam... Đặc biệt, cần tăng cường ngăn chặn hiện tượng Việt Nam bị lợi dụng làm điểm trung chuyển để xuất khẩu hàng hóa sang nước thứ ba, bảo vệ uy tín hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, hướng tới xuất khẩu bền vững; tránh việc các doanh nghiệp đầu tư không thực chất, chỉ thực hiện các giai đoạn gia công đơn giản, không mang lại giá trị gia tăng đáng kể vào Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế...

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng, các cơ quan chức năng cũng cần chú ý bồi dưỡng, cập nhật thông tin, kiến thức, tăng cường nhận thức, ý thức và năng lực cho cộng đồng doanh nghiệp

Việt Nam trong việc nâng cao sức đề kháng, chủ động đối phó và sử dụng công cụ phòng vệ thương mại trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp.

Các vụ việc kiện phòng vệ thương mại không chỉ là “cuộc chơi” của mỗi doanh nghiệp riêng lẻ, mà là “cuộc chơi tập thể”, thậm chí là chiến lược hay hành động của cả một ngành sản xuất nội địa. Để sử dụng hiệu quả công cụ này, các doanh nghiệp phải tập hợp thành một lực lượng đủ sức đại diện cho một ngành sản xuất nội địa và tham gia vào sân chơi chung của thế giới với những điều khoản rõ ràng, càng lúc càng ngặt nghèo hơn. Do vậy, các doanh nghiệp, hiệp hội đại diện cho doanh nghiệp và cơ quan quản lý cần hỗ trợ lẫn nhau, dựa trên yếu tố nền tảng chính là việc tạo dựng doanh nghiệp mạnh, nhằm kiến tạo lợi thế quốc gia và bảo vệ hiệu quả lợi ích cộng đồng, cũng như đảm bảo lợi ích sát sườn của doanh nghiệp./.

Tài liệu tham khảo:

1. <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/25250-thuc-thi-hiep-dinh-evfta-chu-dong-giam-thieu-tac-dong-tu-phong-ve-thuong-mai>
2. Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại”
3. Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 04/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ”.
4. Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp.



Phát triển hạ tầng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu

Theo Cục Quản lý Đề điều và Phòng, chống thiên tai, năm 2023, Việt Nam đã xảy ra 1.145 trận thiên tai, đặc biệt là mưa lớn gây sạt lở đất, lũ quét, lũ, ngập lụt trên diện rộng và là năm bất thường khi số lượng bão, áp thấp nhiệt đới ít hơn rất nhiều so với trung bình nhiều năm và không có cơn bão nào đổ bộ vào đất liền. Các loại hình thiên tai đã gây thiệt hại lớn về người, tài sản, cơ sở hạ tầng, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của Nhân dân. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, thiên tai làm 158 người chết và mất tích; 130 người bị thương; 108,1 nghìn ha lúa và 43,4 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 98,3 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; 30,4 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong năm 2023 ước tính gần 5.101,5 tỷ đồng, giảm 64,3% so với năm trước. Bảy tháng năm 2024, thiên tai làm 91 người chết và mất tích, 67 người bị thương; 28,9 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; 28,4 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết; 25,7 nghìn ha hoa màu và 64,3 nghìn ha lúa bị ngập, hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 2.122,9 tỷ đồng, gấp hơn 2,3 lần cùng kỳ năm 2023.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương lãnh đạo và tập trung chỉ đạo nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt phòng ngừa, ứng phó; khắc phục hậu quả thiên tai và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống cơ sở hạ tầng và công trình phòng chống thiên tai ngày càng tốt hơn. Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai dần được nâng cao.

Tại các khu vực ven biển, ngoài các giải pháp truyền thống



Phát triển hạ tầng THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI

Là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước tác động của biến đổi khí hậu. Việc phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu là một trong những giải pháp hiệu quả giúp Việt Nam nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Hạ tầng, biến đổi khí hậu, thiên tai.

trong bảo vệ đất liền khỏi tác động của lũ, lụt và nước biển dâng bằng hệ thống các đê biển, đê chắn sóng, đập, thì trong những năm gần Việt Nam cũng đã bắt đầu quan tâm đến phát triển hạ tầng xanh trở thành một trong những giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Hạ tầng xanh ven biển được xây dựng thông qua các hình thức tái tạo môi trường ven biển như trồng rừng ngập mặn để thích ứng với những tác động của nước biển dâng. Thông qua hạ tầng xanh ven biển còn giúp hỗ trợ cải thiện sức khỏe và phúc lợi của cộng đồng, cung cấp thực phẩm, điều chỉnh nhiệt độ môi trường, giảm thiểu lũ lụt, lưu trữ nước, giảm thiểu xói mòn và giúp thu hồi,



KHÍ HẬU

Minh Thư

lưu trữ carbon, giảm thiểu phát thải carbon vào khí quyển, hỗ trợ giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Trong nông nghiệp, quy hoạch và quản lý đô thị ven biển, xây dựng hạ tầng xanh trở thành vành đai xanh thích ứng với các hiện tượng thời tiết cực đoan giúp bảo vệ trước những tác động của nước biển dâng.

Tại các địa phương, đầu tư phát triển hạ tầng được xác định là một trong những giải pháp để ứng phó hiệu quả với các tác động của biến đổi khí hậu. Trong đó, tỉnh Vĩnh Long đã triển khai các dự án phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu hướng tới tăng trưởng xanh như: Dự án “Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án

TP. Vĩnh Long” và Dự án “Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long”. Các dự án này đều hướng tới mục tiêu tăng cường quản lý đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu và hướng tới phát triển đô thị xanh, bền vững. Tại Nam Định với dự án Nâng cấp hệ thống thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần cải thiện sinh kế nông thôn tỉnh Nam Định, đồng thời cải thiện hiệu quả hệ thống thủy lợi của Tỉnh, giảm tính dễ bị tổn thương của cộng đồng nông thôn trước biến đổi khí hậu...

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các đề án phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2020 và giai đoạn 2021-2030. Theo đó, tại khu vực ngập sâu và ngập sâu trung bình sẽ hạn chế phát triển đô thị quy mô lớn và hạn chế san lấp mặt bằng quy mô diện tích lớn; phát triển đô thị theo tuyến song song với hướng thoát lũ nhằm giảm tác động của lũ đến đô thị.

Tại khu vực ngập, phát triển đô thị quy mô diện tích lớn; tập trung theo hình thái đô thị nén; dành quỹ đất cần thiết để đào hồ, kết nối kênh, rạch bảo đảm tiêu thoát nước, xây dựng mới, cải tạo và vận hành tốt các tuyến đê ngăn triều ở các cửa sông nhằm hạn chế tác động ngập lụt và xâm nhập mặn đến đô thị.

Để phát triển hạ tầng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, công tác dự báo chính xác diễn tiến sự biến đổi, đưa ra các giải pháp thích ứng kịp thời đóng vai trò rất quan trọng. Đến nay, cơ sở hạ tầng cho công tác dự báo, cảnh báo sớm thiên tai đã và đang được đầu tư bằng các trang thiết bị hiện đại, nâng cao độ chính xác trong công tác dự báo. Việt Nam

cũng đã có Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, mục tiêu tổng quát là xây dựng hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia hợp lý, thống nhất, đồng bộ, hiện đại, đạt trình độ hàng đầu khu vực Đông Nam Á và trình độ tiên tiến của khu vực Châu Á; đáp ứng nhu cầu thông tin điều tra cơ bản phục vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước, tài nguyên đất, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn, bảo vệ môi trường và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ dự báo, cảnh báo, phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hệ thống giao thông vận tải đã được đầu tư đồng bộ, hiện đại, tăng tính kết nối, hỗ trợ đắc lực cho công tác phòng chống thiên tai.

Có thể thấy, biến đổi khí hậu là nguy cơ hiện hữu đối với mục tiêu phát triển bền vững. Nhận thức rõ tính nghiêm trọng của biến đổi khí hậu, Việt Nam đã phê duyệt Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu tại Hội nghị lần thứ 21 các Bên tham gia Công ước khí hậu (COP 21) tại Paris năm 2015.

Để giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, ngày 26/7/2022, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 896/QĐ-TTg về “Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050”, đưa ra mục tiêu cụ thể đến năm 2030 các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình

trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở các đô thị lớn.

Đến năm 2050, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được phát triển đồng bộ, hiện đại thích ứng hiệu quả với nước biển dâng và tác động của biến đổi khí hậu. Khả năng chống chịu của các công trình phòng chống thiên tai được nâng cao, đảm bảo an toàn trước thiên tai theo thiết kế có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

Những nhiệm vụ và giải pháp phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu

Để chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và hiện thực hóa các mục tiêu, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp trong phát triển hạ tầng phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu trong thời gian tới như: Thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành. Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Từ nay đến năm 2030, ưu tiên xây dựng các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị lớn, đô thị ven biển; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng. Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt ở các đô thị lớn. Xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chú trọng phát triển các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, chú trọng các công trình đa mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, công trình liên vùng; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của các ngành.

Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Bên cạnh đó, từ nay đến năm 2030, ưu tiên xây dựng

các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị lớn, đô thị ven biển. Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng.

Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt ở các đô thị lớn. Xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội./

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 896/QĐ-TTg, ngày 26/7/2022 về "Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050" - Thủ tướng Chính phủ.
2. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 về Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo - Thủ tướng Chính phủ.
3. Đề án phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2020 và giai đoạn 2021-2030 - Thủ tướng Chính phủ
4. Triển khai các dự án góp phần tăng trưởng xanh - <https://baovinhlong.com.vn/>
5. Ký kết biên bản ghi nhớ Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng với biến đổi khí hậu - <https://baonamdinh.vn/>

Thành phố Hồ Chí Minh

CÓ THÊM XUNG LỰC PHÁT TRIỂN MỚI NHỜ CƠ CHẾ ĐẶC THÙ

Kim Hải

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hóa, khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng và cả nước nói chung.

Ngày 24/6/2023, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực từ ngày 01/8/2023. Nghị quyết 98 đã trao cho TP. Hồ Chí Minh 44 cơ chế, chính sách thuộc các lĩnh vực như: Đầu tư; tài chính, ngân sách Nhà nước; thu hút nhà đầu tư chiến lược; xây dựng - quy hoạch và đầu tư; tổ chức bộ máy... Đây được coi là những chính sách mới mang tính đột phá mạnh mẽ, tạo cơ sở pháp lý, động lực để TP. Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững, đồng thời được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều lợi ích cho người dân và doanh nghiệp địa phương.

Kết quả tích cực sau 1 năm triển khai Nghị quyết 98

Sau một năm triển khai Nghị quyết 98, Thành phố Hồ Chí Minh đã cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù bằng 30 nghị quyết của HĐND Thành phố, làm tiền đề và có sức lan tỏa để giải quyết các điểm nghẽn, nút thắt cổ hữu, trong đó có vấn đề thể chế và hạ tầng đô thị.

Cụ thể, trong lĩnh vực quản lý đầu tư, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành một số quy định về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược; quy định

quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao, văn hóa; ban hành Danh mục dự án áp dụng loại hợp đồng BOT.

Đối với lĩnh vực tài chính - ngân sách Nhà nước, Thành phố đã ban hành một số quy định về hoạt động của Công ty Đầu tư tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC); Quy chế thu và sử dụng tiền duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng của Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố; Cơ chế chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức

với mức không vượt quá 0,8 lần tổng quỹ lương cơ bản, có mở rộng một số đối tượng thụ hưởng so với trước đây.

Về lĩnh vực quản lý đô thị, tài nguyên môi trường, Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phí, lệ phí chưa được quy định; Quy định trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; Tiêu chí, tiêu chuẩn, lộ trình chuyển đổi đối với công nghệ liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt; Tiêu chí, trình tự, thủ tục thực hiện chính sách kiểm soát khí thải phương tiện giao thông.



Bên cạnh đó, TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức bộ máy của chính quyền Thành phố và TP. Thủ Đức; thành lập 3 trung tâm đơn vị sự nghiệp công của TP. Thủ Đức gồm: Trung tâm An sinh; Trung tâm Xúc tiến thương mại-đầu tư; Trung tâm Quản lý khai thác hạ tầng; áp dụng cơ chế đặc thù để thành lập Sở An toàn thực phẩm; ban hành Tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức đối với số lượng cán bộ, công chức tại xã, phường, thị trấn.

Trong quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, Thành phố đã ban hành một số quy định về các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2024 - 2028; nghiên cứu xây dựng cơ chế thúc đẩy để hình thành và phát triển trung tâm nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.

Theo đánh giá của Thành phố, một số chính sách đặc thù được ban hành trong một năm qua bước đầu đã đi vào cuộc sống và đạt được những kết quả tích cực, tiếp sức để Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, giữ vững và phát huy vai trò là đầu tàu kinh tế và là động lực tăng trưởng của cả nước.

Theo số liệu của Cục Thống kê TP. Hồ Chí Minh, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của thành phố năm 2023 ước đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, tăng 5,81% so năm 2022, cao hơn mức tăng chung 5,05% cả nước và chiếm khoảng 15,68% GDP của cả nước. Vượt qua những khó khăn, thách thức, 6 tháng đầu năm 2024, tổng sản phẩm trên địa bàn ước tăng 6,46% so với cùng kỳ năm 2023, tiếp tục cao hơn mức tăng chung của cả nước (6,42%) và là mức tăng cao nhất trong 3 năm trở lại đây.

Bên cạnh đó, theo số liệu Bộ Tài chính, tính đến hết ngày 30/6/2024,

thu NSNN của riêng thành phố Hồ Chí Minh đạt hơn 267.000 tỷ đồng, đóng góp gần 26% vào tổng thu NSNN chung của cả nước. Đây là những tiền đề vững chắc và xung lực bứt phá quan trọng để Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển thành phố nhanh, mạnh, bền vững.

Thông qua các chính sách về lĩnh vực quản lý đầu tư, TP. Hồ Chí Minh đã bố trí vốn đầu tư công 3.794 tỷ đồng hỗ trợ giảm nghèo và giải quyết việc làm. Đây là chính sách tác động lớn về mặt kinh tế - xã hội, thể hiện tính nhân văn cao.

Cùng với đó, TP. Hồ Chí Minh đã thông qua danh mục 7 vị trí phát triển mô hình phát triển đô thị lấy giao thông công cộng làm trung tâm (TOD) dọc các tuyến Metro và ban hành danh mục 41 dự án đầu tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa theo phương thức đối tác công tư; đã thông qua 5 dự án BOT nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa đường bộ hiện hữu.

Thành phố cũng đã bố trí vốn đầu tư công 1.500 tỷ đồng hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư được Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước TP. HCM (HFIC) cho vay thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội; đã đưa vào cân đối từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố để chi thu nhập tăng thêm gần 11,3 nghìn tỷ đồng. Thành phố đã chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa cho 1 dự án với diện tích là 0,04ha; đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 1 dự án cung cấp cho thị trường khoảng 2.000 căn hộ nhà ở xã hội; đã có 5 đơn vị đăng ký thực hiện chuyển đổi công nghệ đốt rác phát điện cho 5 nhà máy; 2 dự án được bổ sung mục tiêu đốt rác phát điện.

Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh Phan Văn Mai khẳng định, sau một năm có cơ chế đặc thù, Thành phố đã triển khai một số nội dung,

cơ chế, chính sách quan trọng và đạt được nhiều kết quả cơ bản, đáng mừng. Thuận lợi lớn nhất của TP. Hồ Chí Minh trong triển khai Nghị quyết 98 là nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ rất rõ ràng của Trung ương trong giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

Quyết tâm tận dụng những cơ hội tốt từ cơ chế đặc thù vượt trội

Dù đã đạt được những kết quả trên song trong triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù của TP. Hồ Chí Minh cũng còn những mặt tồn tại.

Cụ thể, việc triển khai các chính sách đặc thù còn ở giai đoạn chuẩn bị đề án, dự án kêu gọi đầu tư nên chưa huy động được nguồn lực cụ thể đi vào cuộc sống. Việc vận dụng Nghị quyết 98 để tháo gỡ những vướng mắc đối với các dự án, công trình tồn tại nhiều năm còn nhiều hạn chế, cần có giải pháp đột phá mạnh mẽ hơn nữa và cần sự hỗ trợ của các Bộ, ngành có liên quan.

Bên cạnh đó, việc huy động nguồn lực chưa tạo đột phá cho bức tranh kinh tế-xã hội, cũng như chưa tạo sức bật cho Thành phố, mà phải kỳ vọng vào giai đoạn tới, khi các chính sách và giải pháp đi vào cuộc sống.

Hơn nữa, tuy Nghị quyết 98 được triển khai mạnh mẽ và đồng bộ ở các cấp, các ngành, nhưng chưa khơi dậy được truyền thống năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm để Thành phố phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 31 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển TP. Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong bộ máy hành chính vẫn còn sự trì trệ, nhất là thủ tục tháo gỡ những điểm nghẽn trong hấp thụ vốn cả đầu tư công lẫn đầu tư tư nhân.

(Xem tiếp trang 52)

PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN BIẾN ĐỘNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG TỔNG HỢP CHUNG TOÀN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2023

ThS. Lê Thị Thu Trang

Trường Đại học Lao động - Xã hội

Đặt vấn đề

Năng suất lao động (NSLĐ) là chỉ tiêu hiệu quả sử dụng lao động sống, được xác định bằng cách so sánh giữa kết quả sản xuất (tính bằng tổng sản phẩm trong nước - GDP đối với cả nước hay tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP đối với các tỉnh, thành phố, hoặc tính bằng giá trị tăng thêm đối với các ngành, các doanh nghiệp) và số lượng hoặc thời gian lao động tạo ra kết quả sản xuất đó.

Thông thường khi nghiên cứu quan hệ của NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế (viết gọn là NSLĐ tổng hợp chung) với NSLĐ của các khu vực kinh tế (KV KT): KV Nông, Lâm nghiệp, Thủy sản - NL,TS; KV Công nghiệp, Xây dựng - CNXD và KV Dịch vụ - DV thì NSLĐ tổng hợp chung như là NSLĐ bình quân của các khu vực và biến động của NSLĐ tổng hợp chung chịu tác động của hai nhân tố: Tăng giảm NSLĐ nội bộ các khu vực (biến động của tiêu thức bình quân hóa) và thay đổi cơ cấu lao động (LĐ) giữa các khu vực (thay đổi kết cấu tổng thể). Song trong điều kiện số liệu hiện nay, NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế được tính theo GDP hoặc GRDP có cả thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (từ đây gọi là thuế sản phẩm), còn NSLĐ của các KV KT lại tính theo GDP hoặc GRDP không có thuế sản phẩm, do đó biến động của NSLĐ tổng hợp chung còn chịu tác động thêm của cả thay đổi tỷ trọng thuế so với GDP hoặc GRDP.

Dưới đây sẽ tiến hành tính toán và phân tích biến động NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023, chỉ rõ mức độ tác động của 3 nhân tố: Thay đổi tỷ trọng thuế, tăng giảm NSLĐ nội bộ các KV và thay đổi cơ cấu LĐ giữa các KV đến biến động NSLĐ tổng hợp chung.

Lựa chọn công thức phục vụ cho yêu cầu phân tích biến động NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế

Trong bài báo "Thiết lập hệ thống chỉ số phân tích biến động NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế" (đăng ở Tạp chí Con số và Sự kiện Kỳ II - 4/2019), có công thức tính toán tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung và tỷ lệ tăng lên của NSLĐ tổng hợp chung do ảnh hưởng của các nhân tố nêu trên và biểu hiện cụ thể như sau:

- Tỷ lệ tăng chung hay tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung (I_w):

$$I_w = I_w - 1; \quad (1)$$

- Tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung do thay đổi tỷ trọng thuế [$I_w(k)$]:

$$I_w(k) = I_w - I_{\bar{x}}; \quad (1a)$$

- Tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung do tăng giảm NSLĐ nội bộ các KV [$I_w(x)$]:

$$I_w(x) = I_{\bar{x}} - I_{k/c}; \quad (1b)$$

- Tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung do thay đổi cơ cấu LĐ giữa các KV [$I_w(k/c)$]:

$$I_w(k/c) = I_{k/c} - 1; \quad (1c)$$

Trong đó:

$I_w = w_1$: w_0 là Chỉ số NSLĐ tổng hợp chung (có thuế SP);

$I_{\bar{x}} = \bar{x}_1$: $\bar{x}_0$ là Chỉ số NSLĐ bình quân giữa các KV (không có thuế SP);

$I_{k/c} = \bar{x}_{01}$: x_0 là Chỉ số ảnh hưởng thay đổi kết cấu LĐ giữa các KV;

Với: w_0 và w_1 là NSLĐ tổng hợp chung (có thuế SP) kỳ gốc và kỳ báo cáo;

$\bar{x}_0$ và $\bar{x}_1$ là NSLĐ bình quân giữa các KV (không có thuế SP) kỳ gốc và kỳ báo cáo;

$\bar{x}_{01}$: Là NSLĐ bình quân giữa các KV (không có thuế SP) kỳ gốc tính theo lao động (L) kỳ báo cáo ($\bar{x}_{01} = \sum x_0 L_1 : \sum L_1$).

Lấy tỷ lệ tăng lên của NSLĐ tổng hợp chung do ảnh hưởng của từng nhân tố chia cho tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung rồi nhân với 100 sẽ được tỷ trọng (di) đóng góp tương ứng của từng nhân tố (di tính bằng %) vào tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung.

Tính toán các chỉ tiêu NSLĐ và chỉ số phát triển NSLĐ tương ứng qua các năm giai đoạn 2021 - 2023

Từ số liệu về GDP toàn nền kinh tế (có thuế sản phẩm) và của riêng các khu vực NL,TS, CN-XD và DV (không có thuế sản phẩm) theo giá so sánh 2010 cũng như lao động làm việc bình quân năm ở phạm vi tương ứng (có trong Niên giám Thống kê năm 2022



và Báo cáo ước tính Tình hình Kinh tế - xã hội năm 2023 của Tổng cục Thống kê), lập bảng tính toán NSLĐ tổng hợp chung (w) và NSLĐ của từng khu vực (xi) từ năm 2020 đến 2023 như sau:

Bảng 01. Tính toán NSLĐ tổng hợp chung và NSLĐ các KVKT qua các năm

Năm	GDP chung có thuế (tỷ đồng)	GDP của các KVKT không có thuế (tỷ đồng)			Tổng chung lao động	Lao động NLNTS	Chia theo KV (L-1000 người)		NSLĐ chung có thuế (w-triệu đồng/người)	NSLĐ của các KVKT (triệu đồng/người)		
		NL,TS	CN-XD	DV			CN-XD	DV		NLTS	CN-XD	DV
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9=1:5	10=2:6	11=3:7	12=4:8
2020	5005756	565987	1824415	2146151	57609,0	17724,6	16508,1	19376,3	93,38	31,93	110,53	110,76
2021	5133589	586989	1882921	2183688	49072,0	14262,3	16249,8	18559,9	104,61	41,16	115,87	117,66
2022	5550617	607391	2031034	2404506	50604,7	13937,6	16926,9	19740,2	109,69	43,58	119,99	121,81
2023	5830725	630675	2107018	2568458	51287,7	13818,7	17175,1	20293,9	113,69	45,64	122,68	126,56

Ghi chú: Khi nghiên cứu biến động theo thời gian thì NSLĐ được tính theo giá so sánh để loại trừ ảnh hưởng của biến động giá cả

Tiếp tục từ số liệu về GDP, NSLĐ và số lao động của các khu vực kinh tế ở Bảng 01, ta tính toán NSLĐ bình quân giữa các KV KT:

a. Tính NSLĐ bình quân thực tế giữa các KV ($\bar{x}$)

- Năm 2020:

$$\bar{x} = \frac{565987+1824415+2146151}{53609,0} = \frac{4536553}{53609,0} = 84,62 \text{ (triệu đ./ng)}$$

- Bằng cách tương tự ta tính được NSLĐ bình quân thực tế giữa các KV của các năm tiếp theo: $\bar{x}(2021) = 94,83$ (triệu đ./ng.); $\bar{x}(2022) = 99,65$ (triệu đ./ng.) và $\bar{x}(2023) = 103,46$ (triệu đ./ng.);

b. Tính NSLĐ bình quân giữa các KV kỳ gốc theo LĐ kỳ báo cáo:

- Năm 2021:

$$\begin{aligned} \bar{x}_{01} &= \frac{(31,93 \cdot 14262,3) + (110,52 \cdot 16249,8) + (110,76 \cdot 18559,9)}{14262,3 + 16249,8 + 18559,9} \\ &= \frac{455395+1795028+2055695}{49072,0} = \frac{4307068}{49072,0} = 88,77 \text{ (triệu đ./ng)} \end{aligned}$$

- Bằng cách tương tự ta tính được NSLĐ bình quân giữa các KV kỳ gốc theo LĐ kỳ báo cáo của các năm tiếp theo: $\bar{x}_{01}(2022) = 95,99$ (triệu đ./ng.); $\bar{x}_{01}(2023) = 100,12$ (triệu đ./ng.).

Khi có được NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế và NSLĐ bình quân giữa các KV theo yêu cầu nghiên cứu (tính được ở trên), lập bảng tính các chỉ số phát triển NSLĐ qua các năm như sau:

Bảng 02. Tính các chỉ số phát triển NSLĐ qua các năm

Năm	NSLĐ chung (Triệu đ./ng)		NSLĐ BQ KV (Triệu đ./ng)		NSLĐ BQ kỳ gốc theo LĐ kỳ B/C ($\bar{x}_{01}$)	Chỉ số phát triển (lần)		
	K.gốc (w_0)	K. B/C (w_1)	K.gốc ($\bar{x}_1$)	K. B/C ($\bar{x}_0$)		NSLĐ chung (I_w)	NSLĐ BQ KV	Ảnh hưởng kết cấu
A	1	2	3	4	5	6 = 2:1	7 = 4:3	8 = 5:3
2021	93,38	104,61	84,62	94,83	87,77	1,1203	1,1207	1,0372
2022	104,61	109,69	94,83	99,65	95,99	1,0486	1,0508	1,0122
2023	109,69	113,69	99,65	103,46	100,12	1,0365	1,0382	1,0047
21-23	x	x	x	x	x	1,0678	1,0693	1,0179

Ghi chú: Chỉ số bình quân năm giai đoạn 2021 - 2023 (ở cột 6, 7 và 8) là số bình quân tích của các chỉ số phát triển qua các năm.

Tính toán và phân tích mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung

Từ số liệu về các chỉ số phát triển NSLĐ có ở cột 6, 7 và 8 Bảng 02, áp dụng các công thức 1, 1a, 1b và 1c ở mục 2, tiến hành tính toán tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung cũng như tỷ lệ tăng lên của NSLĐ tổng hợp chung và tỷ trọng đóng góp tương ứng do ảnh hưởng của các nhân tố như sau:

*Năm 2021:

- Tăng NSLĐ tổng hợp chung:

$$\dot{I}_w = 1,1203 - 1,0000 = 0,1203 \text{ hoặc } 12,03\%$$

- Tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung do thay đổi tỷ trọng thuế sản phẩm:

$$\dot{I}_w(k) = 1,1203 - 1,1207 = -0,0004 \text{ hoặc } -0,04\%, \text{ tương ứng với tỷ phần đóng góp: } d_x = -0,04 : 12,03 \times 100 = -0,33\%$$

- Tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung do tăng NSLĐ nội bộ các KV:

$$\dot{I}_w(x) = 1,1207 - 1,0372 = 0,0835 \text{ hoặc } 8,35\%, \text{ tương ứng với tỷ phần đóng góp: } d_x = 8,35 : 12,03 \times 100 = 69,41\%$$

- Tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung do thay đổi cơ cấu lao động:

$$\dot{I}_w(k/c) = 1,0372 - 1,0000 = 0,0372 \text{ hoặc } 3,72\%, \text{ tương ứng với tỷ phần đóng góp: } d_{k/c} = 3,72 : 12,03 \times 100 = 30,92\%.$$

* Bằng cách tương tự, ta tính được tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung và tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung do tác động của các nhân tố cũng như tỷ trọng đóng góp tương ứng ở các năm còn lại và bình quân năm giai đoạn 2021 - 2023. Kết quả tính toán được hệ thống ở Bảng 03.

Bảng 03. Tỷ lệ tăng lên và tỷ trọng đóng góp của các nhân tố vào tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung qua các năm

Đơn vị tính: %

Năm	Tốc độ tăng NSLĐ chung	Tăng NSLĐ chung do			Tỷ trọng đóng góp do		
		Thay đổi tỷ trọng thuế	Tăng NSLĐ nội bộ KV	Thay đổi cơ cấu lao động	Thay đổi tỷ trọng thuế	Tăng NSLĐ nội bộ KV	Thay đổi cơ cấu lao động
A	1	2	3	4	5	6	7
2021	12,03	-0,04	8,35	3,72	-0,33	69,41	30,92
2022	4,86	-0,22	3,86	1,22	-4,52	79,42	25,10
2023	3,65	-0,17	3,35	0,47	-4,66	91,78	12,88
21-23	6,78	-0,15	5,14	1,79	-2,21	75,81	26,40

Ghi chú: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 và Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 = 100.

Tình hình thực tế và số liệu bảng 03 chỉ ra rằng, ở nước ta năm 2020 bắt đầu bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nên GDP của cả nước chỉ tăng 2,87% (năm 2019 tăng 7,26%) và năm 2021 tiếp tục bị ảnh hưởng và ở mức nặng hơn, tốc độ tăng GDP còn là 2,55% và đặc biệt số lượng lao động làm việc giảm mạnh (giảm tới - 8,46%), theo đó NSLĐ vẫn tăng và tăng khá (tăng 12,03%). Năm 2022, GDP tăng 8,12% và lao động tăng trở lại (tăng 3,12%) nên NSLĐ còn tăng 4,86%. Đến năm 2023, GDP tăng 5,05% và lao động tiếp tục tăng 1,35% nên NSLĐ còn tăng 3,63%. Bình quân 3 năm (2021-2023), NSLĐ tổng hợp chung của Việt Nam tăng 6,78%.

Phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế các năm 2021, 2022 và 2023 cho thấy:

- Tỷ trọng thuế sản phẩm so với GDP của 3 năm liên tiếp giảm đi và đã làm giảm tốc độ tăng NSLĐ tổng hợp chung từ - 0,04% đến - 0,22%, và tỷ trọng đóng góp làm giảm từ - 0,33% đến - 4,66%. Bình quân năm giai đoạn 2021 - 2023 thay đổi tỷ trọng thuế làm giảm NSLĐ tổng hợp chung là - 0,15%, tương ứng với tỷ trọng đóng góp làm giảm là - 2,21%.

- NSLĐ nội bộ các khu vực kinh tế ở cả 3 năm đều liên tục tăng lên và đóng góp làm tăng NSLĐ tổng hợp chung ở mức khá và luôn ở vị trí thứ nhất so với hai nhân tố còn lại. Nếu xét riêng các năm thì năm 2021 tăng NSLĐ nội bộ các KV làm tăng NSLĐ tổng hợp chung 8,35%, tương ứng với tỷ phần đóng góp làm tăng là 69,41%; năm 2022 tăng NSLĐ nội bộ các khu vực làm tăng 3,86%, tương ứng với tỷ phần đóng góp làm tăng là 79,42% và năm 2023 tăng NSLĐ nội bộ các khu vực làm tăng 3,35%, tương ứng với tỷ phần đóng góp làm tăng là 91,78%. Bình quân năm giai đoạn 2021 - 2023, tăng NSLĐ nội bộ các khu vực làm tăng NSLĐ tổng hợp chung 5,14%, tương ứng với tỷ phần đóng góp làm tăng là 75,81%.

- Thay đổi hay còn gọi là chuyển dịch cơ cấu LĐ giữa các KV KT trong cả ba năm đều chung một xu hướng là chuyển dần lao động từ KV NLTS có NSLĐ thấp đến làm việc ở các KV CNXD và KV DV có NSLĐ cao hơn và đều làm tăng NSLĐ tổng hợp chung. Tuy nhiên mức làm tăng này có xu thế giảm dần, cụ thể: Năm 2021 chuyển dịch cơ cấu LĐ đã làm tăng NSLĐ tổng hợp chung 3,72%, tương ứng với tỷ phần đóng góp

làm tăng là 30,92%; năm 2022 chuyển dịch cơ cấu LĐ đã làm tăng 1,22%, tương ứng với tỷ phần đóng góp làm tăng là 25,10% và năm 2023 chuyển dịch cơ cấu LĐ đã làm tăng 0,47%, tương ứng với tỷ phần đóng góp làm tăng là 12,88%. Bình quân 3 năm 2021 - 2023, chuyển dịch cơ cấu LĐ giữa ba KV KT đã làm tăng NSLĐ tổng hợp chung là 1,79%, tương ứng với tỷ phần đóng góp làm tăng là 26,40%.

Tóm lại: Xét ảnh hưởng của ba nhân tố đến tăng NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2023, thì hai nhân tố tăng NSLĐ nội bộ các KV và thay đổi cơ cấu LĐ giữa các KV đều tác động làm tăng NSLĐ tổng hợp chung, trong đó tăng NSLĐ nội bộ các KV làm tăng nhiều hơn và đó là xu thế rất tốt, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển bền vững của đất nước. Riêng nhân tố tỷ trọng thuế sản phẩm so với GDP có xu thế giảm đi và liên tục làm giảm tỷ lệ tăng NSLĐ tổng hợp chung, nhưng ở mức không lớn và yếu tố này một phần phụ thuộc vào chính sách thu thuế của nhà nước.

Để không ngừng nâng cao NSLĐ tổng hợp chung toàn nền kinh tế cần phải tiếp tục đổi mới sản xuất, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, cải tiến quản lý, đẩy mạnh công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... nhằm hướng đến việc tăng thêm về số lượng và đặc biệt là nâng cao chất lượng sản phẩm, hướng đến đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến chế tạo với phương châm đảm nhận được ngày càng nhiều công đoạn sản xuất có tỷ lệ giá trị tăng thêm cao (nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao tỷ lệ giá trị tăng thêm trong sản phẩm là cơ sở vững chắc để nâng cao NSLĐ) để nâng cao NSLĐ nội bộ các KV. Mặt khác, tiếp tục đẩy mạnh thay đổi cơ cấu kinh tế, bằng cách tiếp tục chuyển bớt LĐ từ những ngành, những KV có NSLĐ thấp sang làm việc ở những ngành, những KV có NSLĐ cao để có NSLĐ tổng hợp chung cao hơn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Niên giám Thống kê năm 2022 của TCTK, NXB Thống kê năm 2023.
2. Báo cáo Tình hình Kinh tế - Xã hội quý IV và năm 2023 của TCTK (sơ bộ)
3. Lý thuyết Thống kê do PGS, TS Trần Thị Kim Thu chủ biên, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, năm 2012;
4. Phân tích thống kê - Lý thuyết và ứng dụng do PGS, TS. Tăng Văn Khiên làm chủ biên, NXB Thống kê, Hà Nội năm 2015;
5. Bài báo "Thiết lập hệ thống chỉ số phân tích biến động năng suất lao động chung toàn nền kinh tế" đăng trên Tạp chí Con số và Kiến kỷ II - 4/2019

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Vương Quốc Anh đạt nhiều thành tựu đáng kể

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) được kỳ vọng là chiếc cầu nối vững chắc, giúp duy trì và phát triển quan hệ thương mại hai nước kể từ sau khi Anh rời Liên minh châu Âu. Hiệp định UKVFTA được đàm phán dựa trên nguyên tắc kế thừa các cam kết đã có trong EVFTA, với những điều chỉnh cần thiết để đảm bảo phù hợp với khuôn khổ thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh, đồng thời đảm bảo cân bằng lợi ích của cả đôi bên.

Sau gần 4 năm có hiệu lực, UKVFTA đã chứng minh hiệu quả, đặc biệt là sức hút trong quan hệ ngoại thương giữa Việt Nam và Vương quốc Anh, thúc đẩy kim ngạch thương mại hai nước lên tầm cao mới, đồng thời đem lại kỳ vọng hợp tác kinh tế, nhất là tăng trưởng thương mại mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.

Hiệp định UKVFTA được đàm phán, ký kết, có hiệu lực và thực thi trong bối cảnh kinh tế và thương mại thế giới có nhiều khó khăn với những diễn biến khó lường do tác động của đại dịch Covid-19, xung đột chính trị, xu hướng bảo hộ gia tăng... Tuy nhiên, kể từ sau khi có hiệu lực và được thực thi, kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Anh không ngừng gia tăng. Theo đó, kim ngạch thương mại giữa 2 nước đã tăng 26,4%; từ 5,64 tỷ USD năm 2020 lên 7,14 tỷ USD năm 2023.

Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang Anh đã tăng lên đáng kể, từ 4,94 tỷ USD năm 2020 lên 5,76 tỷ USD năm 2021 và đạt trên 6,34 tỷ USD năm 2023, bất chấp những khó khăn do tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19. Theo Hiệp định UKVFTA, 94% trong tổng số 547 dòng thuế rau quả và các chế phẩm từ rau quả được xóa bỏ ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực. Điều này tạo lợi thế cạnh tranh cho nhiều nông sản, hàng hóa của Việt Nam so với sản phẩm cùng loại có xuất xứ từ những nước chưa có Hiệp định thương mại tự do với Anh. Chính vì vậy, năm 2023 cũng được coi là năm thành công của hoạt động xuất khẩu nông sản Việt Nam sang Anh khi nhiều trái cây đặc sản trong nước đã được xuất khẩu sang Anh theo con đường chính ngạch, như: Cam, bưởi, quýt, sầu riêng, vải... và nhận được phản hồi tích cực từ thị trường Anh. Một số nông sản thực phẩm và trái cây tươi đã có mặt tại các chuỗi siêu thị cao cấp và trung lưu của Anh như Whole Food, Marks & Spencer (M&S), Waitrose...

Nửa đầu năm 2024, tổng kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Anh đạt hơn 3,9 tỷ USD, tăng 21,7% so cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Việt Nam xuất siêu sang Anh với thặng dư thương mại hơn 3,2 tỷ USD,

UKVFTA khẳng định sức bật TRONG QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - VƯƠNG QUỐC ANH

Minh Hà

Với hơn 50 năm quan hệ ngoại giao và 14 năm quan hệ Đối tác chiến lược, các lĩnh vực hợp tác kinh tế - thương mại - đầu tư giữa Việt Nam và Anh đã xây dựng được nền móng vững chắc và phát triển nhanh chóng. Đặc biệt, trong suốt gần 4 năm kể từ khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA) có hiệu lực vào ngày 31/12/2020 giờ GMT (6h sáng ngày 01/01/2021 theo giờ Việt Nam), quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Vương quốc Anh đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, chứng minh sức bật to lớn của một Hiệp định thương mại trong thời kỳ hội nhập quốc tế với xu hướng hợp tác cùng phát triển.

Từ khóa: UKVFTA, kinh tế, thương mại, xuất khẩu, nhập khẩu, cơ hội...

With over 50 years of diplomatic relations and 14 years of strategic partnership, the fields of economic, trade, and investment cooperation between Vietnam and the UK have built a solid foundation and developed rapidly. Notably, in nearly four years since the Vietnam-United Kingdom and Northern Ireland Free Trade Agreement (UKVFTA) came into effect on December 31, 2020, GMT (6 AM on January 1, 2021, Vietnam time), the economic relationship between Vietnam and the UK has achieved significant milestones, demonstrating the tremendous potential of a trade agreement in the era of international integration with a trend of cooperative development.

Keywords: UKVFTA, economy, trade, export, import, opportunities...

tăng 28,5% so cùng kỳ 2023... Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường đều tăng khá, dẫn đầu là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (tăng 142,7%); cao su (tăng 110%); điện dây cáp điện (tăng 68%); máy móc thiết bị dụng cụ (tăng 44,8%), rau quả (tăng 55,5%); nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (tăng 30,7%); giày dép các loại (tăng 27,8%)... Những mặt hàng xuất khẩu có tỷ trọng kim ngạch lớn nhất lần lượt là: Điện thoại các loại và linh kiện 17,9%; Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác 17%; Giày dép các loại 13,4%; Hàng dệt, may 9,8%; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 9,6%; Hàng thủy sản 4%; Gỗ và sản phẩm gỗ 3%, sắt thép các loại 3,5%, cà phê 1,8%.

Ở chiều ngược lại, nhờ nguồn cung lớn của nhiều loại hàng hóa,

nguyên vật liệu chất lượng cao, nhiều doanh nghiệp Việt Nam tận dụng ưu đãi của Hiệp định UKVFTA để gia tăng nhập khẩu nguồn nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng phục vụ sản xuất.

Bên cạnh tăng trưởng thương mại, Việt Nam cũng nhận được đầu tư mạnh mẽ từ Anh trong những năm gần đây. Anh hiện đứng trong danh sách 20 quốc gia hàng đầu có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Việt Nam. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Anh vào Việt Nam đã tăng từ 3,84 tỷ USD năm 2020 lên 4,25 tỷ USD năm 2023; số dự án tăng từ 411 dự án lên 554 dự án. Tính đến 31/12/2023, Việt Nam cũng triển khai 14 dự án đầu tư tại Anh với tổng số vốn đăng ký đạt 17,29 triệu USD.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, các doanh nghiệp của Anh đã đầu tư 569 dự án với tổng số vốn 4,37 tỷ USD, đứng thứ 15/140 trong số các nước và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam. Trong nửa đầu năm 2024, các doanh nghiệp đầu tư của Anh rót vốn mạnh vào các dự án tại Việt Nam, nhờ đó, riêng 2 quý đầu năm 2024 đã có 48 dự án được cấp mới, điều chỉnh, mua cổ phần với tổng mức đầu tư đạt 137,18 triệu USD, tăng đến 401,8% so với cùng kỳ năm 2023. Các nhà đầu tư Anh tham gia nhiều nhất trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo; tiếp theo là lĩnh vực kinh doanh bất động sản, khai khoáng. Các dự án còn lại thuộc các lĩnh vực bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy; dịch vụ lưu trú và ăn uống; cấp nước và xử lý chất thải;

hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ; giáo dục đào tạo.

Đẩy mạnh giải pháp tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, gia tăng thị phần và kim ngạch thương mại

Năm 2023 được nhận định là một năm tương đối khó khăn đối với chuỗi cung ứng toàn cầu nói chung và thương mại Việt Nam nói riêng. Tuy nhiên, thương mại vẫn nổi lên như điểm sáng trong bức tranh tăng trưởng kinh tế Việt Nam, trong đó có đóng góp từ sự tăng trưởng thương mại giữa Việt Nam và Vương quốc Anh. UKVFTA vẫn còn nhiều lợi thế mà doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam chưa tận dụng hết và doanh nghiệp nhập khẩu cũng đang tìm cách khai thác những ưu đãi này.

Năm 2024, xuất khẩu hàng hóa nói chung và nông sản nói riêng từ Việt Nam sang Anh phải đối mặt với không ít thách thức trong bối cảnh xung đột gây ách tắc cảng biển quốc tế, cước vận tải tăng, thiếu container rỗng... Thêm vào đó, nhu cầu thị trường Anh suy giảm do kinh tế suy thoái, lạm phát cao và người dân thắt chặt chi tiêu khiến Chỉ số niềm tin tiêu dùng (CCI) tại nước này liên tục ở mức âm trong những tháng gần đây. Thị trường Anh cũng là một trong những thị trường khó tính, với những tiêu chuẩn cực kỳ khắt khe; yêu cầu về chứng chỉ xanh, thương mại công bằng ngày càng được ưa chuộng khiến các doanh nghiệp phải đầu tư nhiều chi phí hơn để đáp ứng yêu cầu về chất lượng và xuất xứ. Chính vì vậy, việc tăng cường tìm hiểu, khai thác và tận dụng những ưu đãi từ UKVFTA chính là cơ hội để Việt Nam ổn định và gia tăng thị phần cũng như kim ngạch thương mại với quốc gia có nhu cầu đa dạng từ gần 70 triệu người tiêu dùng này.

Để có thể tận dụng hiệu quả hơn nữa những cơ hội do UKVFTA mang lại, một số giải pháp cần được đẩy mạnh triển khai như: Doanh nghiệp Việt Nam cần đảm bảo sản phẩm và quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn Anh; kịp thời nắm bắt các điều kiện tiêu chuẩn, quy định mới của thị trường xuất khẩu và xu thế tiêu dùng để cải tiến công nghệ, chất lượng mẫu mã sản phẩm phù hợp. Bên cạnh đó, doanh nghiệp Việt Nam cần đẩy mạnh tận dụng các công nghệ kỹ thuật số và các nền tảng thương mại điện tử để mở rộng phạm vi tìm kiếm, tiếp cận thị trường, kết nối với người tiêu dùng một cách hiệu quả. Chủ động tham gia vào các hội chợ thương mại, sự kiện ngành để tìm kiếm và kết nối với các doanh nghiệp Anh mong muốn có hoạt động đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.

Ngoài ra, Thương vụ Việt Nam tại Anh luôn quan tâm xây dựng, thiết lập tổ chức lại mối quan hệ mới tốt đẹp với các cơ quan Chính phủ Anh nhằm tiếp cận và cập nhật các chính sách kinh tế thương mại của địa bàn. Qua đó, doanh nghiệp cần đẩy mạnh kết nối thông tin với các cơ quan, Thương vụ Việt Nam tại Anh nhằm tăng cường liên kết mạng lưới cộng đồng doanh nghiệp

Anh và doanh nghiệp Việt Nam tại Anh để giao lưu, tìm kiếm cơ hội hợp tác.

Liên quan đến việc thực thi Chương trình Thương mại và Phát triển bền vững trong UKVFTA, Vương quốc Anh dự kiến sẽ áp dụng Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) kể từ ngày 01/01/2027 đối với việc nhập khẩu một số mặt hàng nhất định có hàm lượng phát thải các-bon lớn trong các lĩnh vực: Nhôm, xi măng, gốm sứ, phân bón, thủy tinh, hydrogen, sắt và thép. Cơ chế này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm này sang Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của mình, doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu Việt cần quan tâm, đề xuất trong quá trình Anh tham vấn doanh nghiệp để lấy ý kiến về tài liệu này./.

Tài liệu tham khảo:

1. Số liệu xuất, nhập khẩu các năm 2020, 2021, 2022, 2023, Tổng cục Thống kê;
2. Số liệu đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư trực tiếp ra nước ngoài năm 2020, 2023, 6 tháng đầu năm 2024, Tổng cục Thống kê;
3. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len, Vụ Chính sách Thương mại đa biên, Bộ Công thương

Hiệp định UKVFTA gồm 9 điều khoản; 01 Phụ lục sửa đổi một số điều về lời văn EVFTA; 01 Nghị định thư và 01 thư song phương trao đổi giữa Việt Nam và Anh. Về cơ bản, các nội dung thuộc diện điều chỉnh của Hiệp định UKVFTA cũng tương tự như Hiệp định EVFTA, gồm: Thương mại hàng hóa (các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực và pháp lý - thể chế.



Kinh tế thế giới

TRONG VÒNG XOÁY XUNG ĐỘT TRUNG ĐÔNG

Trúc Linh

Vòng xoáy xung đột Trung Đông đang ngày càng tăng nhiệt do căng thẳng leo thang giữa Israel, Iran và Liban và có nguy cơ thổi bùng một cuộc chiến diện rộng. Giới chuyên gia đánh giá, nếu các nỗ lực ngoại giao thất bại, triển vọng kinh tế của các nước trong khu vực sẽ bị tổn hại nghiêm trọng, gây thêm rủi ro cho đà phục hồi còn mong manh của kinh tế thế giới.

Kinh tế khu vực tổn thất nghiêm trọng

Căng thẳng tại Trung Đông không ngừng tăng nhiệt đã kéo theo những tổn thất nghiêm trọng đối với kinh tế hầu hết quốc gia trong khu vực. Mặc dù có nền tảng vững chắc, song nền kinh tế Israel đã bị lung lay trước làn sóng xung đột. Cơ quan Thống kê Israel vừa công bố số liệu cho thấy, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nước này trong quý II/2024 chỉ tăng 1,2%, thấp hơn nhiều so mức dự báo 4,4% được đưa ra trước đó.

Tăng trưởng kinh tế của Israel đã chậm lại kể từ khi nước này phát động cuộc tấn công vào dải Gaza, sau cuộc tập kích bất ngờ

hôm 7/10/2023 của lực lượng Hamas vào miền Nam Israel. Cuộc chiến ở dải Gaza làm nản lòng giới đầu tư, đồng thời khiến nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Israel giảm mạnh.

Bên cạnh đó, một cuộc xung đột đa mặt trận sẽ càng gây thêm căng thẳng cho ngân sách nước này. Các khoản chi tiêu quân sự, sơ tán người dân và bồi thường cho doanh nghiệp bị thiệt hại khiến thâm hụt ngân sách quốc gia tăng cao kỷ lục.

Ngân hàng Trung ương Israel nhận định, tác động trực tiếp của xung đột đối với nền kinh tế nước này sẽ tiếp diễn cho đến đầu năm 2025. Theo ước tính trước đó

của Ngân hàng này, chi phí của cuộc xung đột trong giai đoạn 2023-2025 là khoảng 255 tỷ Shekel (66,54 tỷ USD), tương đương 13% GDP năm 2024, với chi tiêu quốc phòng và dân sự tăng cao, trong khi nguồn thu từ thuế sụt giảm.

Nhà kinh tế học Elliot Garside tại hãng tư vấn và phân tích kinh tế Oxford Economics cho biết, các khoản vay trong nước để tài trợ cho thâm hụt ngân sách đã gia tăng, do đó bất kỳ sự leo thang nào cũng sẽ khiến Israel phải phát hành thêm nợ. Hậu quả là xếp hạng tín nhiệm của Israel sẽ lại bị hạ khiến việc tài trợ cho các khoản thâm hụt trong tương lai sẽ trở nên khó khăn và tốn kém hơn. Mới đây, hãng Fitch Ratings đã hạ xếp hạng tín dụng của Israel từ A+ xuống A, với triển vọng tiêu cực.

Xung đột cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế Palestine. Liên Hợp Quốc ước tính kinh tế Palestine đã giảm 29% kể từ khi xung đột Israel-Hamas bùng phát hồi đầu tháng 10/2023. Tỷ lệ

nghèo đói ở Gaza hiện lên tới hơn 60% và còn tiếp tục tăng; cơ sở hạ tầng bị tàn phá nặng nề và khó có thể khôi phục trong một sớm một chiều, chi phí tái thiết sau xung đột có thể lên tới 30-40 tỷ USD.

Trong khi đó, chiến sự gia tăng cũng là đòn giáng mạnh lên kinh tế Liban, vốn suy yếu sau nhiều năm bất ổn. Giới chuyên gia nhận định, nền kinh tế Liban đang đứng trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn do xung đột. Tình trạng “quay lưng” của du khách quốc tế khiến ngành du lịch, vốn được coi là xương sống của nền kinh tế, rơi vào tình cảnh lao đao, kéo theo những hệ lụy khôn lường. Tăng trưởng kinh tế sẽ giảm từ 10-15% trong năm nay, doanh thu của ngành du lịch giảm hơn 50%.

Bộ trưởng Kinh tế và Thương mại Amin Salam nhận định, nền kinh tế Liban đối mặt tình thế hết sức nguy hiểm, nhất là khi chính phủ đang chuẩn bị cho kịch bản chiến sự, với tổn thất có thể lên tới hàng tỷ USD.

Ngân hàng Thế giới đánh giá, Liban đang phải vật lộn với một trong những cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tồi tệ nhất kể từ giữa thế kỷ 19. Ngành ngân hàng Liban đang phải đối mặt với khoản lỗ hơn 70 tỷ USD và đồng nội tệ mất hơn 90% giá trị so với đồng USD kể từ năm 2019, thời điểm quốc gia Trung Đông này rơi vào cảnh vỡ nợ lần đầu tiên trong lịch sử.

Xung đột cũng sẽ kéo lùi đà tăng trưởng của nền kinh tế Iran vốn đang chịu sức ép lớn từ các lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây. Ông Gary Dugan, Giám đốc điều hành của The Global CIO Office có trụ sở tại UAE cho biết, Iran lo ngại rằng hành động trả đũa Israel có thể khiến triển vọng nói lỏng một số biện pháp trừng phạt trở nên mong manh hơn. Theo dự báo

của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế của Iran dự kiến sẽ chậm lại ở mức 3,3% trong năm nay và 3,1% vào năm 2025.

Theo giới chuyên gia, xung đột một khi lan sang Liban và Iran sẽ ảnh hưởng đến niềm tin của nhà đầu tư vào khu vực và sẽ tác động đến các lĩnh vực từ du lịch, hàng không, vận chuyển đến bán lẻ và bất động sản...

Hiệu ứng đang ngày càng lan rộng

Giới phân tích cho rằng, xung đột tại Trung Đông không chỉ tác động sâu sắc đối với khu vực, mà còn có thể gây hiệu ứng trên diện rộng, làm chao đảo nền kinh tế thế giới, vốn chỉ mới chớm phục hồi sau đại dịch Covid-19. Mỗi đe dọa kinh tế lớn nhất có thể xuất hiện từ sự tham gia trực tiếp của Iran vào cuộc xung đột. Hậu quả sẽ là sự gia tăng đột biến của giá dầu, khiến thị trường biến động mạnh và tác động đến sự ổn định kinh tế toàn cầu.

Hiện nay, Trung Đông vẫn là trung tâm sản xuất dầu mỏ của thế giới và những bất ổn do xung đột có thể dẫn tới hiệu ứng lan rộng ảnh hưởng đến giá năng lượng, vốn dễ biến động do căng thẳng địa chính trị đang diễn ra. Vì vậy, chiến sự tại Trung Đông gia tăng cũng kéo theo nguy cơ dòng chảy năng lượng bị gián đoạn, khiến sản xuất bị trì hoãn và lạm phát tăng cao, tác động tiêu cực đến nhiều nền kinh tế, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Giá năng lượng leo thang cũng có thể gây cú sốc lạm phát mới cho nền kinh tế toàn cầu, giáng một đòn mạnh vào nỗ lực ghìm cương lạm phát của các ngân hàng Trung ương trong thời gian qua.

Ngoài ra, những biện pháp trả đũa có thể dẫn đến các lệnh trừng phạt kinh tế của nhiều nước

đối với Israel. Các lệnh trừng phạt có thể leo thang thành các cuộc đối đầu thương mại rộng lớn hơn, gây ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác ngoài năng lượng. Theo nhà kinh tế Maya Senussi thuộc công ty tư vấn Oxford Economics, các ngành vận tải và bán lẻ sẽ chịu ảnh hưởng nặng nề nếu toàn bộ khu vực Trung Đông rơi vào miệng hố chiến tranh.

Hiện nay, các tuyến vận tải hàng hải quốc tế đang chật vật chống đỡ trước những cuộc tấn công của lực lượng Houthi ở Biển Đỏ và dự báo sẽ có thể phải đối mặt nhiều mối đe dọa hơn. Lực lượng Houthi đã liên tiếp tấn công vào các tàu thương mại ở Biển Đỏ, tuyến vận tải huyết mạch nối châu Á với châu Âu, để trả đũa Israel và tuyên bố sẽ tiếp tục hành động.

Chuyên gia Kennedy của S&P nhận định, các cuộc tấn công của Houthi nhằm vào các tàu thương mại ở Biển Đỏ có thể sẽ gia tăng khi lực lượng này sử dụng thường xuyên hơn các phương tiện không người lái, trên biển hoặc chạy ngầm dưới biển, để tấn công tàu trên Biển Đỏ và Vịnh Aden. Các cuộc tấn công này sẽ mở rộng ra Biển Arab, Ấn Độ Dương và Địa Trung Hải, gây thêm nhiều thiệt hại và làm gián đoạn hoạt động vận chuyển thương mại.

Một số tổ chức tài chính hàng đầu cảnh báo, đà phục hồi của kinh tế thế giới có thể chuyển biến theo chiều hướng xấu trong bối cảnh các nỗ lực hòa giải của cộng đồng quốc tế để hạ nhiệt “điểm nóng” Trung Đông có nguy cơ tan vỡ và các con đường đi đến đàm phán dường như đang bế tắc. Nếu các bên không kiểm chế dẫn đến một cuộc chiến tranh toàn diện, nền kinh tế của các quốc gia trong khu vực và thế giới sẽ phải gánh chịu những tổn thất nặng nề./



THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI TỈNH CAO BẰNG

Bế Văn Hùng

Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Cao Bằng

Cao Bằng là tỉnh miền núi phía Đông Bắc Việt Nam, có khoảng 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, chủ yếu là dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao... Toàn Tỉnh hiện có 1.462 thôn, bản của 161 xã thuộc 10 huyện, thành phố đang thụ hưởng chính sách dành cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN). So với mặt bằng chung, vùng đồng bào DTTS&MN xuất phát điểm kinh tế còn thấp; cơ sở hạ tầng thiếu và yếu, chưa đồng bộ, giao thông đi lại khó khăn; tỷ lệ hộ nghèo cao, đời sống của đại bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số vẫn còn thiếu thốn; trình độ dân trí của một số vùng trên địa bàn khá thấp, chênh lệch mức thu nhập giữa các dân tộc trong vùng còn lớn... Nhằm từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm đầu tư nhiều Chương trình, dự án cho vùng đồng bào DTTS&MN. Đặc biệt là 3 Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

Được thụ hưởng các chính sách từ Chương trình MTQG, Cao Bằng đã tích cực, nỗ lực triển khai thực hiện chương trình tại địa bàn và đạt được kết quả rất đáng khích lệ. Hoàn thành 12/17 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023: Tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn ước tăng 2,24%; GRDP bình quân đầu người đạt 41,5 triệu đồng; Giá trị sản phẩm trồng trọt,



Các đại biểu tham quan các gian hàng trưng bày sản phẩm tại phiên chợ giới thiệu, quảng bá sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Cao Bằng năm 2024

nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt 46 triệu đồng; Giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt 4,23%, vượt 0,23 điểm phần trăm so với kế hoạch; Tăng thêm 05 xã điểm đạt từ 17-18 tiêu chí nông thôn mới... Góp phần quan trọng giúp đồng bào vượt qua khó khăn, từng bước cải thiện đời sống để thoát khỏi đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Năm 2023, thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn I (2021-2025), Tỉnh tiếp tục thực hiện 10 dự án, 13 tiểu dự án và 15 nội dung, giải ngân được 1.237.363 triệu đồng/1.950.689 triệu đồng, bằng 63,4% kế hoạch (vốn đầu tư là 1.073.003 triệu đồng và vốn sự nghiệp là 877.686 triệu đồng). Đáng chú ý, đã thực hiện giải ngân cho dự án Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt là 99.605 triệu đồng; Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết 39.671 triệu đồng;

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị 267.375 triệu đồng; Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc 598.981 triệu đồng; Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực 133.825 triệu đồng...

Trong năm 2023, đã hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 1.661/6.269 hộ và đầu tư 45/86 công trình nước sinh hoạt tập trung; Thực hiện 11 dự án bố trí lại dân cư cho các đối tượng di dân vùng thiên tai và vùng biên giới; Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ là 62.538,41 ha; hỗ trợ bảo vệ rừng đối với quy hoạch là rừng phòng hộ và rừng sản xuất là 250.131,14 ha; trợ cấp gạo cho hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ rừng



là 11.618,6 tấn; đã thẩm định được 30 dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (04 dự án cấp tỉnh và 26 dự án cấp huyện); 34 công trình nước sinh hoạt; 543 công trình đường giao thông; 80 công trình mương thủy lợi; 10 công trình chợ xã; 10 công trình trạm y tế xã; 3 công trình trường học; 33 nhà văn hóa xóm, sân thể thao; 9 công trình điện sinh hoạt và 18 công trình giao thông kết nối...

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cũng đạt được kết quả rất khả quan: 17 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được duy trì, có 08 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 46 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 64 xã đạt từ 5-9 tiêu chí và có 04 xã dưới 05 tiêu chí. Bình quân tiêu chí toàn Tỉnh 10,9 tiêu chí/xã. Chương trình mỗi xã một sản phẩm được phát huy và nhân rộng trên địa bàn giúp gia tăng giá trị, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Tính đến 31/8/2023, toàn Tỉnh có 97 sản phẩm OCOP (9 sản phẩm đạt OCOP 4 sao và 88 sản phẩm đạt OCOP 3 sao) thuộc 5 nhóm sản phẩm, gồm: 77 sản phẩm thuộc nhóm thực phẩm, 10 sản phẩm thuộc nhóm đồ uống, 3 sản phẩm thuộc nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, 4 sản phẩm thuộc nhóm thủ công mỹ nghệ, 3 sản phẩm thuộc nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch; có 67 chủ thể, gồm: 22 hợp tác xã, 1 tổ hợp tác, 14 doanh nghiệp, 30 hộ sản xuất kinh doanh. Năm 2023, Cao Bằng cũng ghi dấu ấn bằng việc tổ chức thành công Hội chợ xúc tiến thương mại sản phẩm OCOP tỉnh Cao Bằng thu hút các tỉnh khác tham dự với 140 gian hàng OCOP.

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững được triển khai tích cực. Tỉnh đã tổ chức nhiều hội nghị tập huấn nâng cao năng lực thực hiện, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, có mức sống trung bình; các hội nghị truyền thông giảm nghèo và học tập kinh nghiệm

tại các tỉnh Lào Cai, Tuyên Quang, Nghệ An, Hà Tĩnh;... Nhờ đó, các huyện, thành phố thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 đảm bảo đúng kế hoạch, chất lượng. Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 183 công trình, duy tu bảo dưỡng 64 công trình; xây dựng kế hoạch triển khai 129 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; Số hộ có điện lưới Quốc gia là 122.620/130.135 hộ, đạt 93,95%; trong đó, số hộ nông thôn có điện lưới Quốc gia 87.089/94.944 hộ, đạt 91,73%. Hoàn thành và đưa vào sử dụng Dự án xây dựng mới 720 hệ thống pin mặt trời, cấp điện cho 720 hộ thuộc 12 xã của 04 huyện Hà Quảng, Bảo Lạc, Bảo Lâm và Hạ Lang, với tổng mức đầu tư 58.824 triệu đồng...

Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề giải quyết việc làm được chú trọng, tính đến hết tháng 10/2023, đã tuyển mới đào tạo nghề trình độ trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên được 6.000 người; tư vấn chính sách lao động, việc làm cho 7.888 lao động. Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 216 lao động; số lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm 4.510 người; số lao động được giới thiệu, cung ứng qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh 428 lao động; số người tham gia BHXH 51.066 người, bằng 73,5% kế hoạch; số người tham gia BHTN 26.891 người, bằng 92,04% kế hoạch. Ngoài ra, thông qua việc tổ chức các hội nghị tuyên truyền phổ biến chính sách việc làm, thông tin thị trường lao động, chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại các huyện: Nguyên Bình, Hà Quảng, Quảng Hòa, Trùng Khánh, Bảo Lạc, Bảo Lâm, đã tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1760 lao động; tổ chức 2 ngày hội việc làm cho 500 học sinh khối 11 và 12 trường Trung học Phổ thông huyện Nguyên Bình, Trùng Khánh.

Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với đồng bào cũng luôn là vấn đề được Tỉnh quan tâm hàng đầu. Năm 2023, Tỉnh đã thực hiện trợ cấp xã hội thường xuyên cho 29.857 đối tượng tại cộng đồng; hỗ trợ mai táng phí cho 376 đối tượng; trợ cấp đột xuất cho 19 trường hợp; thực hiện cấp phát 1.575,81 tấn gạo cứu đói Tết Nguyên đán và cứu đói giáp hạt cho 25.713 hộ, với 105.054 khẩu. Tổ chức khám sàng lọc cho các đối tượng khuyết tật có nhu cầu khám và phẫu thuật phục hồi chức năng tại 03 cụm huyện Quảng Hòa, Bảo Lâm, thành phố Cao Bằng. Giải quyết cho 7.384 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh, sinh viên vay vốn ưu đãi; cấp trên 338.000 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất bảo hiểm xã hội; hỗ trợ tiền điện cho trên 49.730 lượt hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ làm nhà cho 2.891 hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Để Chương trình MTQG ngày càng phát huy hiệu quả, tỉnh Cao Bằng đang tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các địa phương triển khai các Dự án, tiểu Dự án của các Chương trình MTQG đúng theo tinh thần đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình mang tính đột phá của địa phương, nhằm giải quyết cơ bản những khó khăn tại các huyện nghèo; tập trung thực hiện tốt chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; nghiên cứu xây dựng các dự án đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả; thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, dự án của chương trình./.



HUYỆN QUẢNG HÒA: NỖ LỰC HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI



Nghề rèn mang lại thu nhập cao cho người dân xóm Pác Rằng, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa

Những năm qua, với tinh thần chủ động, quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, huyện Quảng Hòa (Cao Bằng) đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương xây dựng các đề án, chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa các Nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đạt được những kết quả quan trọng.

Chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội

Về phát triển kinh tế: Trong giai đoạn 2021-2023, cơ cấu kinh tế huyện Quảng Hòa có sự chuyển biến tích cực, sản xuất nông nghiệp từng bước phát triển theo hướng nông nghiệp hàng hóa gắn với sản phẩm đặc hữu của địa phương. Đến nay, toàn Huyện có 11 sản phẩm OCOP đạt 3 sao cấp Tỉnh, 4 sản phẩm đạt chứng nhận Vietgap. Trong đó, nổi bật Huyện đã thu hút được 01 Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao của Tập đoàn TH trên địa bàn thị trấn Hòa Thuận với diện tích 66 ha, quy mô trang trại 10 nghìn con bò sữa và Nhà máy chế biến sữa công nghệ cao với tổng mức đầu tư trên 2.500 tỷ đồng. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên một ha diện tích tăng lên 58,5 triệu đồng/ha năm 2023.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển khá, đến năm 2023, tổng giá trị sản xuất công nghiệp đạt 557,761 tỷ đồng. Các sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển, đến nay trên địa bàn Huyện có 6 làng nghề được công nhận làng nghề cấp tỉnh với các sản phẩm đặc trưng như: Rèn đúc,

hương thắp, giấy bản, vải dệt, chế biến thực phẩm...

Về cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông được huyện Quảng Hòa quan tâm đầu tư, đến nay, 100% các xã trên địa bàn Huyện đã có đường giao thông được bê tông hóa đến trung tâm xã; nhiều dự án giao thông đã và đang được đầu tư trên địa bàn Huyện như: Dự án đường Tỉnh 205, dự án đường tránh thị trấn Quảng Uyên, đặc biệt, tuyến đường cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) đi qua địa bàn Huyện là dự án trọng điểm của tỉnh Cao Bằng trong giai đoạn 2021-2025 hiện đang được triển khai đầu tư xây dựng. Các dự án hoàn thành đi vào hoạt động sẽ thúc đẩy mạnh mẽ kết nối giao thương hàng hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Về lĩnh vực văn hóa - xã hội, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được Huyện duy trì thực hiện tốt; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" phát triển sâu rộng. Công tác giáo dục đào tạo được chú trọng, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn Huyện. Đến năm 2023, toàn Huyện có 67 cơ sở giáo dục, trong đó có 27 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 40,3%), duy trì phổ cập giáo dục

mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3,8%/năm trong giai đoạn 2021-2023, giảm còn 13,6% năm 2023; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2023 đạt 37,5%. Chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách được tích cực triển khai, tính đến năm 2023, toàn Huyện thực hiện hỗ trợ được 810 nhà, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Xây dựng nông thôn mới gắn với bản sắc, nâng cao giá trị

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Tỉnh, Huyện đã tích cực chỉ đạo, ban hành các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định và các văn bản để triển khai thực hiện Chương trình MTQG. Huyện đã tổ chức triển khai lồng ghép chính sách, tích hợp nguồn lực giữa các Chương trình MTQG đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung hỗ trợ trên cùng địa bàn. Cơ cấu đầu tư được ưu tiên cho mục tiêu xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các khu vực đặc biệt khó khăn của Huyện. Qua đó, đã nâng cao



hiệu quả sử dụng vốn của các Chương trình MTQG, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát huy thế mạnh của địa phương, huyện Quảng Hòa đã tích cực triển khai các chương trình, đề án phát triển nông, lâm nghiệp hàng hóa, nông nghiệp sạch, an toàn gắn với xây dựng chuỗi giá trị. Theo đó, Huyện tập trung tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân thay đổi dần tập quán canh tác truyền thống sang hình thức sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, liên kết sản xuất theo chuỗi để từng bước phát triển nền sản xuất hàng hóa tập trung. Cùng với đó là đẩy mạnh thực hiện các mô hình, dự án phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản và chăn nuôi đại gia súc; khuyến khích phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm.

Qua triển khai thực hiện các Chương trình MTQG, đến nay, cơ sở hạ tầng nông thôn huyện Quảng Hòa tiếp tục được đầu tư, cải tạo nâng cấp, kinh tế nông thôn có bước phát triển tích cực, góp phần nâng cao giá trị gia tăng, góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân nông thôn. Lĩnh vực y tế, giáo dục được đầu tư xây dựng, đời sống văn hóa ở nông thôn, vệ sinh môi trường khu vực nông thôn được cải thiện, an sinh xã hội được đảm bảo, hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.



Huyện Quảng Hòa thay đổi diện mạo nhờ xây dựng nông thôn mới

Thời gian tới, Huyện Quảng Hòa tiếp tục tập trung các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bố trí nguồn vốn có trọng tâm, trọng điểm; tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, sản phẩm đặc sản; hoàn thiện hạ tầng phục vụ phát triển các ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ, đặc biệt là hạ tầng khu vực cửa khẩu Tà Lùng. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo bước chuyển mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm, chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị./.

Minh Hà

Trong giai đoạn 2021-2023, Sở KH&CN Cao Bằng đã triển khai thực hiện 33 nhiệm vụ cấp tỉnh, trong đó gồm 15 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 8 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và 10 nhiệm vụ thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Để tận dụng tối đa ưu thế của địa phương, Sở đã thúc đẩy hoạt động Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo theo hướng chú trọng đối với nhóm lĩnh vực trọng tâm là: Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch bền vững theo nội dung đột phá của tỉnh Cao Bằng đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2020-2025. Nhờ đó, nhiều sáng kiến, giải pháp công nghệ tiên tiến được ứng dụng trong các lĩnh vực góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và chất lượng các dịch vụ phục vụ người dân.



Ký kết Chương trình phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ Cao Bằng với Cục Phát triển thị trường và Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ

Một số nhiệm vụ đang triển khai, bước đầu mang lại hiệu quả đó là: Dự án "Xây dựng mô hình thâm canh cải tạo vùng chè Đoồng Pán gắn với chế biến một số sản phẩm chè xanh chất lượng cao tạo ra sản phẩm OCOP tại xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng" đã tuyển chọn được 150 cây chè ưu tú để khai thác hom giống phục vụ nhân giống; xây dựng mô hình vườn ươm nhân giống chè quy mô 100.000 bầu chè được nhân giống từ nguồn hom của cây chè ưu tú được tuyển chọn tại xã Độc Lập, huyện Quảng Hòa, cây giống đủ tiêu chuẩn xuất đạt tỷ lệ gần 90%. Đã thâm canh cải tạo thành công 10 ha chè theo hướng hữu cơ; đặc biệt, đã xây dựng được mô hình chế biến một số sản phẩm chè chất lượng cao, bước đầu đã tiếp cận thị trường và được người tiêu dùng đón nhận.

Để tài "Nghiên cứu công nghệ chế biến một số sản phẩm từ cây Hồi tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng" đã xây dựng được mô hình chế biến các sản phẩm từ cây hồi của huyện Thạch An, gồm: Tinh dầu hồi, túi hoa quả hồi sấy khô, bột gia vị thịt nướng, xà phòng làm từ hoa hồi... các sản phẩm đã được kiểm nghiệm



CAO BẰNG: ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

Bế Đăng Khoa

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng

Xác định Khoa học và công nghệ (KH&CN) có tác động rất quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Những năm gần đây, Sở KH&CN tỉnh Cao Bằng luôn nỗ lực đổi mới, ứng dụng KH&CN vào các lĩnh vực như: Nông - lâm nghiệp, Y - dược, Khoa học kỹ thuật, Công nghệ, Khoa học xã hội và nhân văn... và đã phát huy hiệu quả tích cực.

chất lượng và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở. Dự án "Cải tạo và phát triển đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo tại một số địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng" đã đưa một số giải pháp công nghệ vào mô hình chăn nuôi bò thịt, như: Mô hình chăn nuôi áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bằng công nghệ chủ động gây động dục, chế biến thức ăn từ phụ phẩm nông nghiệp... Kết quả đã có 71 bê con được sinh ra bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, bê con là kết quả lai tạo giữa bò cái địa phương với 02 giống bò đực Brahman và Senepol, về thể trạng bê con vượt trội so với bò địa phương, qua đó khẳng định sự thành công bước đầu của dự án.

Trong giai đoạn 2021-2023, một số nhiệm vụ của Sở thực hiện cũng đã được nghiệm thu và chuyển giao áp dụng vào thực tiễn. Điển hình như Đề tài "Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống và phát triển sản xuất cây Tam thất tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng" đã nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng và chuyển giao cho người dân. Dự án "Ứng dụng Khoa học kỹ thuật

xây dựng mô hình liên kết sản xuất gạo Nếp hương tại huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng" đã xây dựng mô hình sản xuất giống lúa xác nhận và mô hình sản xuất lúa Nếp Hương thương phẩm, làm chủ kỹ thuật và có thể tự chủ động sản xuất giống để phục vụ sản xuất.

Dự án "Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến dược liệu hà thủ ô đỏ tại huyện Bảo Lạc" từ việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học đã xây dựng mô hình vườn ươm cây giống với số lượng cây giống xuất vườn 540.000 cây/năm, góp phần chủ động về nguồn giống tại địa phương, triển khai mô hình trồng cây hà thủ ô theo hướng GACP-WHO. Hiện sản phẩm cao hà thủ ô đỏ Bảo Lạc đã được công bố tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký mã số, mã vạch, thiết kế nhãn mác, bao bì và cung cấp sản phẩm ra thị trường.

Bên cạnh đó, Sở cũng rất chú trọng xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý và bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh, lợi thế cạnh tranh. Đến nay, Tỉnh có 02 văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý (sản phẩm: Hạt Dẻ Trùng Khánh và Trúc sào, chiếu trúc sào Cao Bằng); 02 nhãn hiệu chứng nhận, 14 nhãn hiệu tập thể. Ngoài ra, còn có 115 đối tượng bảo hộ sở hữu trí tuệ dưới dạng nhãn hiệu thông thường được bảo hộ của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Tỉnh. Để tăng cường thúc đẩy hoạt động

tạo ra sản phẩm tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, đặc sản chủ lực, sản phẩm OCOP, Sở đã triển khai Đề án "Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Cao Bằng đến năm 2030". Theo đó, đã triển khai đặt hàng đối với 05 dự án thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ với tổng kinh phí trên 3.407 triệu đồng.

Thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ Cao Bằng tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới, sáng tạo trên địa bàn Tỉnh giai đoạn 2021-2030. Đẩy mạnh hợp tác về KH&CN trong và ngoài nước nhằm thu hút đầu tư, mở rộng liên kết vùng, tận dụng tiềm năng, lợi thế của địa phương, từng bước đưa khoa học công nghệ và đổi mới, sáng tạo thực sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương./



Đoàn công tác của Sở Khoa học và Công nghệ Cao Bằng do đồng chí Bế Đăng Khoa, Giám đốc Sở làm Trưởng đoàn kiểm tra thực tế ở vườn ươm của Viện Ứng dụng công nghệ tại tỉnh Hưng Yên

NGÀNH Y TẾ TỈNH CAO BẰNG: VÌ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Nông Tuấn Phong

Giám đốc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng



Y, bác sĩ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng phẫu thuật tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống

Những năm qua, bằng tinh thần trách nhiệm và tấm lòng yêu thương người bệnh, các thế hệ thầy thuốc ngành Y tế tỉnh Cao Bằng đã không ngừng rèn luyện, học tập, thi đua lao động, nâng cao ý thức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trên địa bàn, xứng đáng với lời dạy của Bác “Lương y như từ mẫu”.

Thực hiện tốt công tác phân tuyến kỹ thuật tại các tuyến. Quản lý, sử dụng thuốc đúng quy chế, đảm bảo an toàn, hợp lý; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong khám chữa bệnh, chuyển giao kỹ thuật, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Triển khai tư vấn, khám chữa bệnh trực tuyến, từ xa, kết nối bệnh viện Trung ương với bệnh viện tuyến tỉnh, các đơn vị tuyến tỉnh với tuyến huyện, xã. Kết quả khám, chữa bệnh năm 2022: Tổng số lần khám bệnh 664.057 lượt, đạt 91,47% kế hoạch năm; Bệnh nhân điều trị nội trú 87.881 lượt, đạt 105,8%; Điều trị ngoại trú 26.790 lượt, đạt 206,08%; Ngày điều trị nội trú trung bình toàn tỉnh đạt 7 ngày. Công suất sử dụng giường bệnh toàn tỉnh đạt 89,9%. Năm 2023, khám, chữa bệnh cho trên 701.502 lượt người, đạt 103,2% kế hoạch, trong đó, điều trị nội trú cho 94.836 lượt bệnh nhân, đạt 118% kế hoạch, công suất sử dụng giường bệnh toàn Tỉnh đạt 86,8%.

Bên cạnh đó, các bệnh viện triển khai nhiều kỹ thuật mới,

Giai đoạn 2021-2023, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Sở Y tế tỉnh Cao Bằng đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 đảm bảo thực hiện mục tiêu kép, vừa phòng chống dịch Covid -19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trước những khó khăn tác động về nhiều mặt, ngành Y tế Cao Bằng đã tập trung chỉ đạo, lãnh đạo toàn ngành hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được giao.

Về công tác y tế dự phòng: Những năm qua, xác định y tế dự phòng là nhiệm vụ then chốt, do đó công tác này luôn được ngành Y tế tỉnh Cao Bằng chú trọng. Ngoài việc củng cố mạng lưới, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ y tế dự phòng các tuyến, Sở Y tế tích cực chỉ đạo các cơ sở y tế, đặc biệt trung tâm y tế các huyện, thành phố, trạm y tế xã, phường, thị trấn đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động Nhân dân nâng cao ý thức phòng

chống dịch bệnh. Các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và dịch bệnh mới nổi đều được giám sát chặt chẽ, khống chế kịp thời và có xu hướng giảm so với những năm trước, không có trường hợp tử vong do dịch. Song song với đó, công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường nhằm nắm vững tình hình dịch tễ trong cộng đồng, phát hiện và xử lý kịp thời ổ dịch, hạn chế tối đa dịch bệnh bùng phát lây lan trên diện rộng. Các Chương trình mục tiêu quốc gia: Tiêm chủng mở rộng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số kế hoạch hóa gia đình... được triển khai, thực hiện có hiệu quả.

Về công tác khám, chữa bệnh - Phục hồi chức năng: Chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng từng bước được nâng cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân. Hiện, tổng số giường bệnh kế hoạch là 1.875 giường, giường thực kê là 2.574 giường.



tích cực thực hiện công tác phân tuyến kỹ thuật tại tuyến y tế cơ sở, điển hình như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng triển khai thực hiện được 39 kỹ thuật mới, kỹ thuật cao như: Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng phương pháp phaco, phẫu thuật “Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống; Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement (sơ men) sinh học có bóng” để điều trị các bệnh lý xẹp cột sống; triển khai ứng dụng thực hiện các dịch vụ cận lâm sàng như: Xét nghiệm sàng lọc và phát hiện ung thư sớm, xét nghiệm giải phẫu bệnh để chẩn đoán xác định ung thư giúp cho việc phân tích tổn thương và chẩn đoán bệnh chính xác. Thành lập Khoa sức khỏe tâm thần và đơn vị đột quy, góp phần nâng cao chất lượng KCB tại tuyến tỉnh.



Đồng chí Nông Tuấn Phong, Giám đốc Sở Y tế thăm hỏi, tặng quà cho bệnh nhân đang điều trị tại Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc - Thận nhân tạo, TTYT huyện Hòa An

Đặc biệt, ngành Y tế Cao Bằng đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động quản lý, khám chữa bệnh từ tuyến Tỉnh đến tuyến y tế cơ sở, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Đẩy mạnh ứng dụng các phần mềm như: Quản lý bệnh viện; quản lý y tế xã, phường; quản lý tiêm chủng; quản lý cán bộ, công chức, viên chức; quản lý, điều hành. 100% Trạm Y tế xã triển khai phần mềm y tế cơ sở, hồ sơ sức khỏe điện tử để cung cấp thông tin quản lý bệnh tật, tiêm chủng, hồ sơ sức khỏe người dân. Tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt bằng phương thức mã QR code hoặc phương thức Mobile money liên kết với các ngân hàng thương mại trên địa bàn. Các đơn vị cũng đã tích cực chủ động trong việc cải cách thủ tục hành chính, triển khai ứng dụng “VssID-Bảo hiểm xã hội số” để khám chữa bệnh BHYT. Hiện nay có 181/181 cơ sở KCB trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã thực hiện tra cứu thông tin thẻ BHYT bằng căn cước công dân gắn chip. 100% các dịch vụ công trực tuyến do Sở Y tế thực hiện đều được công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Y tế; thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính của Sở Y tế qua Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4./.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH CAO BẰNG: TRIỂN KHAI NHIỀU DỊCH VỤ PHẪU THUẬT KỸ THUẬT CAO

Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) tỉnh Cao Bằng là bệnh viện hạng II tuyến tỉnh, hiện với quy mô 570 giường bệnh, gồm 39 khoa, phòng (10 phòng chức năng, 24 khoa lâm sàng, 5 khoa cận lâm sàng). Thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2023, tập thể lãnh đạo, viên chức, người lao động của Bệnh viện nêu cao tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; phối kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong thực hiện nhiệm vụ giữa các khoa, phòng, phát huy mọi khả năng và nguồn lực sẵn có... đưa Bệnh viện hoàn thành tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, bác sĩ Vi Thị Biền, Phó Giám đốc BVĐK tỉnh Cao Bằng cho biết: Những năm qua, Bệnh viện được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối hoàn thiện như: Hệ thống nhà điều hành, các phòng chức năng, các khoa lâm sàng, cận lâm sàng, hệ thống nhà kiểm soát nhiễm khuẩn, truyền nhiễm, khu khám bệnh, khu khám giám định sức khỏe... Quy mô Bệnh viện có thể thu dung điều trị 30 nghìn lượt bệnh nhân điều trị nội trú/năm. Cùng với các trang thiết bị đảm bảo phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh như: Máy chụp CT-Scanner, chụp X-quang kỹ thuật số, siêu âm màu Doppler, siêu âm tim mạch, máy nội soi chẩn đoán (Nội soi tai mũi họng, nội soi dạ dày-đại tràng...), hệ thống phẫu thuật nội soi, phẫu thuật phaco, hệ thống máy C-Arm, máy xét nghiệm miễn dịch tự động, máy xét nghiệm sinh hoá tự động, máy xét nghiệm huyết học



Bác sĩ BVĐK tỉnh Cao Bằng thăm khám cho bệnh nhân



tự động... hệ thống xét nghiệm vi sinh và hệ thống máy hỗ trợ cho công tác phục hồi chức năng,... đều được hiện đại hóa, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng cao của người dân.

Cùng với đó, các kỹ thuật cận lâm sàng mới được Bệnh viện chú trọng triển khai như: Các dịch vụ chụp cộng hưởng từ, chụp cắt lớp vi tính, các dịch vụ xét nghiệm đo tải lượng virus viêm gan B, viêm gan C, HIV,... Trong năm 2023, Bệnh viện thực hiện 6052/4000 mẫu bệnh phẩm đạt 151%, tăng 101,3%; thực hiện đo lưu huyết não 2165/1200 lượt, đạt 180%. Đặc biệt, xét nghiệm giải phẫu bệnh để chẩn đoán xác định ung thư nhằm tiên lượng và chẩn đoán giai đoạn ung thư đưa ra biện pháp can thiệp phù hợp và kịp thời. Trong năm 2023, Bệnh viện thực hiện xét nghiệm 607.820 mẫu xét nghiệm bao gồm ung thư vú (CA15-3), ung thư tụy (CA19-9), ung thư dạ dày (CA72-4), ung thư buồng trứng (CA125), ung thư đường tiêu hóa (CEA), ung thư phổi (Cyfra21-1), ung thư gan (AFP)... cho các bệnh nhân có bệnh lý khối u và tầm soát ung thư sớm...

Năm 2023, các chỉ tiêu về khám, chữa bệnh đều đạt và vượt kế hoạch so với cùng kỳ năm 2022: Thực hiện giường kế hoạch 726/570 giường, đạt 127,3%; công suất sử dụng giường bệnh đạt 117,5%, tăng 35,6%; tổng số bệnh nhân điều trị nội trú đạt 125%, tăng 15,7%; tổng số bệnh nhân điều trị ngoại trú đạt 130%; số lần phẫu thuật 5101/ 4830, đạt 106%; thực hiện truyền máu 1277,5/1100 lít, đạt 116,1%... Trong năm 2023 dù gặp một số khó khăn trong việc mua sắm thiết bị, vật tư, công tác đào tạo chuyển giao kỹ thuật... dẫn đến một số dịch vụ kỹ thuật chưa được triển khai kịp thời, số lần chụp X-quang vẫn đạt 47.706/ 55.000, chiếm 87%,

số lần chụp CT-Scanner 4603/6500 đạt 71%. Với mong muốn giúp cho người dân được khám, chữa bệnh chất lượng cao tại bệnh viện, đồng thời thanh toán viện phí từ quỹ BHYT, hạn chế việc phải chuyển tuyến trên điều trị, trong năm 2023, BVĐK tỉnh Cao Bằng đã triển khai phát triển dịch vụ chuyên môn kỹ thuật, trong đó có các dịch vụ phẫu thuật kỹ thuật cao như: Phẫu thuật bơm xi măng cột sống để điều trị các bệnh lý xẹp cột sống do các nguyên nhân như thoái hoá cột sống, thoát vị đĩa đệm, gai đôi cột sống... Triển khai phẫu thuật điều trị các bệnh lý trượt đốt sống bằng phương pháp phẫu thuật: Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF), phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống; điều trị cấp cứu đột quỵ bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết. Ngoài ra, Bệnh viện còn tiếp nhận chuyển giao phẫu thuật nội soi tai, mũi, họng như phẫu thuật nội soi chỉnh hình tai giữa, phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán... Đặc biệt, Bệnh viện đã triển khai thành công dịch vụ phẫu thuật tán nhãn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL để điều trị các bệnh lý do đục thể thủy tinh. Việc áp dụng các dịch vụ phẫu thuật kỹ thuật cao, thực hiện kỹ thuật xâm lấn tối thiểu, không chỉ hạn chế được tổn thương, giúp giảm đau mà còn giúp tái tạo nhanh sự ổn định của cơ quan tổn thương, thời gian điều trị ngắn.

Nhằm tối ưu hóa quy trình khám chữa bệnh, rút gọn các thủ tục hành chính, tiết kiệm được thời gian và nhân lực y tế, hướng tới tác phong làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, Bệnh viện đã triển khai ứng dụng Phần mềm quản lý bệnh viện VNPT-HIS, tổ chức tuyên truyền viên chức, người lao động, người bệnh sử dụng tài khoản

VNeID phục vụ công tác tiếp nhận, đăng ký khám chữa bệnh, số hoá hồ sơ tài liệu, nhập lưu trú người bệnh trực tuyến, thực hiện thu phí không dùng tiền mặt... Đồng thời, Bệnh viện đã tiến hành khảo sát lắp đặt hệ thống Camera an ninh với độ bao phủ trên 85% các khoa, phòng và khuôn viên nhằm tối ưu hóa việc quản lý, giám sát an ninh trong bệnh viện.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, BVĐK tỉnh Cao Bằng thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng trình độ, tập huấn nâng cao kiến thức đội ngũ cán bộ, y bác sĩ, điều dưỡng của đơn vị. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu khoa học cũng được Bệnh viện tăng cường thúc đẩy. Năm 2023, Bệnh viện được Hội đồng khoa học Sở Y tế nghiệm thu 14 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 05 sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Ngoài ra, đã tổ chức 10 buổi báo cáo chuyên đề khoa học với các đơn vị tuyến dưới. Tham gia dự thính 12 buổi báo cáo chuyên đề sinh hoạt với các bệnh viện tuyến Trung ương. Tham dự Hội thi Sáng tạo khoa học kỹ thuật toàn Tỉnh lần thứ 8 năm 2022-2023, có 05 giải pháp đạt giải khuyến khích.

Bác sĩ Vi Thị Biển chia sẻ: Hiện, BVĐK tỉnh Cao Bằng đang tích cực triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu, kế hoạch được giao như: Hoàn thành tốt và vượt mức các chỉ tiêu chuyên môn; Phát triển ít nhất 25-30 dịch vụ kỹ thuật mới, trong đó có ít nhất 02 dịch vụ kỹ thuật cao thuộc phân tuyến Trung ương; Tiếp tục đầu tư, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất, thực hiện mạnh mẽ chuyển đổi số, cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; Khuyến khích viên chức, người lao động trong toàn đơn vị nghiên cứu khoa học và ứng dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật./.

P.V



Công ty Điện lực Cao Bằng: HIỆN ĐẠI HOÁ LƯỚI ĐIỆN, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG

Đảm bảo cung cấp điện ổn định và thông suốt

Để đảm bảo cung cấp điện ổn định và thông suốt, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa tiếp cận với điện lưới, Công ty Điện lực Cao Bằng (PC Cao Bằng) đã triển khai đồng bộ nhiều kênh tiếp nhận dịch vụ điện nhằm nâng cao chỉ số tiếp cận điện năng cũng như tăng cường việc minh bạch trong quá trình cung cấp dịch vụ điện. Đồng thời, chủ động nắm bắt thông tin, hướng dẫn khách hàng thực hiện các thủ tục đăng ký cấp điện, khách hàng có yêu cầu dịch vụ điện và quá trình cấp điện đều được thực hiện bằng hình thức điện tử. Tại các xã nông thôn, PC Cao Bằng đã triển khai cung cấp các dịch vụ điện tử qua cổng Dịch vụ công Quốc gia, Website: cskh.npc.com để người dân có thể yêu cầu cung cấp các dịch vụ điện trực tuyến mà không phải đến trụ sở ngành Điện.

Bên cạnh đó, hằng năm, với các dự án đầu tư xây dựng chống quá tải lưới điện, PC Cao Bằng xem xét lồng ghép xây dựng mới cấp điện cho các hộ nông thôn chưa có điện. Phối hợp tốt với các Ban Quản lý dự án tỉnh và các Ban Quản lý dự án huyện kịp thời

Những năm qua, Công ty Điện lực Cao Bằng đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, ổn định, tiết kiệm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Cùng với đó, Công ty đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các công trình điện; xây dựng lưới điện thông minh; ứng dụng chuyển đổi số nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và độ tin cậy trong cung cấp điện.

hỗ trợ về kỹ thuật nghiệm thu đóng điện, đưa các công trình điện nông thôn vào sử dụng cấp điện kịp thời cho các hộ sử dụng điện mới trong phạm vi dự án. Mặt khác, với chức năng, nhiệm vụ được giao, PC Cao Bằng tham mưu cho Tỉnh, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong việc triển khai, thực hiện Tiêu chí số 4 về điện trong Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới về quy hoạch phát triển lưới điện, xây dựng cải tạo lưới điện, cấp điện

kịp thời phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân đối với khu vực có dự án cấp điện.

Mặt khác, công tác tiếp nhận và giải quyết các ý kiến, kiến nghị của khách hàng được thực hiện đúng theo quy định. Công ty bố trí các bộ phận trực 24/24h, đảm bảo việc tiếp nhận các yêu cầu dịch vụ điện cũng như sửa chữa điện qua hệ thống CRM (chương trình Quản lý quan hệ khách hàng) đạt 99,4%. Đồng thời, phân công cán bộ theo dõi kiểm soát, đôn đốc việc thực hiện tiếp nhận và xử lý các yêu cầu của đơn vị nhằm đảm bảo tỷ lệ công việc được giải quyết đúng quy định ở mức cao nhất. Bám sát sự chỉ đạo của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, PC Cao Bằng chỉ đạo cán bộ, nhân viên đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức cơ bản, nâng cao ý thức cho người dân thực hiện hiệu quả các biện pháp sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản khi có sự cố về điện. Hướng dẫn người dân, cơ quan, doanh nghiệp sử dụng điện tiết kiệm và an toàn, PC Cao Bằng vận động, khuyến khích khách hàng tham gia App chăm sóc khách hàng, tra cứu sản lượng điện năng tiêu thụ hàng ngày để điều chỉnh thói quen, hành vi sử dụng điện, tránh thất thoát, lãng phí điện.

Hiện đại hóa lưới điện, góp phần nâng cao hiệu quả cung cấp điện

Thực hiện chủ trương hiện đại hóa ngành Điện, PC Cao Bằng quan tâm đầu tư, phát triển hệ thống lưới điện đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành của đơn vị; mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng, giúp khách hàng dễ dàng,



Lễ đóng điện nghiệm thu đường dây và TBA 110kV Chu Trinh



thuận tiện hơn trong việc đăng ký sử dụng các dịch vụ điện, cũng như tạo sự minh bạch trong cung cấp dịch vụ. Theo đó, từ 01/3/2022 đến nay, Công ty đã sử dụng App ứng dụng hiện trường thực hiện treo tháo công tơ bằng điện tử. Trong năm 2024, Công ty Điện lực Cao Bằng quản lý công tơ điện tử đo xa 110.226/152.159, đạt tỷ lệ 72,44%. Tỷ lệ đo xa có dữ liệu về website CSKH đạt 97,93%. Nhìn chung, các hệ thống đo xa vận hành tương đối ổn định nâng cao hiệu quả lao động và đảm bảo tính chính xác trong công tác thu thập dữ liệu phục vụ vận hành, theo dõi tổn thất điện năng.

Trong công tác kinh doanh dịch vụ khách hàng, thực hiện số hóa tất cả các khâu dịch vụ điện, tăng cường và nâng cao chất lượng các dịch vụ điện trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tính đến 31/7/2024 có 119.039 khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán tiền điện qua ngân hàng và các tổ chức trung gian. Tỷ lệ khách hàng thanh toán tiền điện không dùng tiền mặt đạt 80,98%. Tỷ lệ tiền điện thanh toán không dùng tiền mặt đạt 95,15%.

Với những nỗ lực đẩy mạnh cải tiến trong công việc, ứng dụng các thiết bị công nghệ mới vào công tác quản lý, vận hành đường dây và trạm biến áp tại Trung tâm điều khiển (TTĐK) đã đạt được những thành tựu nhất định. Hiện nay, PC Cao Bằng đã có 4 TBA 110kV được xây dựng với tổng công suất 194 MVA đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định. Công ty luôn đảm bảo hệ thống kênh truyền (SCADA) vận hành ổn định từ 04 TBA về TTĐK và từ TTĐK về Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc. Hiện, đã có 167/167 thiết bị Recloser (Máy cắt tự động đóng lại), LBS (dao cắt tải có điều khiển), RMU (thiết bị thực hiện chức năng kết nối, đo lường, bảo vệ được ứng dụng rộng rãi trong các trạm đóng cắt ở điện áp trung thế) trên lưới trung áp được kết nối về TTĐK bằng kết nối 3G, cáp quang để thực hiện thao tác từ xa. Từ đó lấy dữ kiện để vận hành ứng dụng DMS (mạch vòng tự động hóa lưới điện trung áp).

Có thể khẳng định, việc hiện đại hóa lưới điện đã góp phần tích cực trong giảm nhân lực, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh và độ tin cậy trong cung cấp điện. Thời gian tới, PC Cao Bằng sẽ tiếp tục quan tâm đầu tư cải tạo hệ thống lưới điện từ lưới 110kV đến lưới trung, hạ áp. Bên cạnh đó, Công ty chủ động đề xuất, thay thế các thiết bị cũ, lạc hậu, đã vận hành lâu năm để đảm bảo kết nối điều khiển, khai thác thông qua các phần mềm và tiếp tục đầu tư, cải tạo thêm các mạch vòng đa chia, đa nối, hỗ trợ linh hoạt trong công tác quản lý vận hành để ngày càng nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp điện trên địa bàn./.

Trọng Nghĩa

Thành phố Hồ Chí Minh...

(Tiếp theo trang 34)

Theo UBND TP. Hồ Chí Minh, nguyên nhân khách quan của những tồn tại trên là dù Nghị quyết 98 phân cấp cho Thành phố quyết định nhiều nội dung, chủ trương nhưng quá trình triển khai vẫn phải tuân thủ quy trình, quy định theo phân cấp từ các Bộ, ngành, cũng như các quy định của luật, nghị định chung của pháp luật hiện hành. Do đó, khi triển khai từng vụ việc vẫn chưa thể rút ngắn quy trình thủ tục, chưa minh định rõ ràng về quyền hạn, trách nhiệm của các cấp hành chính Thành phố. Tồn tại này sẽ được cải thiện khi triển khai đồng bộ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền TP. Hồ Chí Minh gắn với Nghị quyết 98.

Một vấn đề khác là khả năng thu hút các nhà đầu tư nói chung cũng như các nhà đầu tư chiến lược chưa thực sự hiệu quả trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, diễn biến phức tạp, khó đoán định, các yếu tố vĩ mô còn nhiều khó khăn. Thị trường bất động sản và thị trường tài chính trong nước vẫn đang trong giai đoạn lạnh mạnh hóa, chưa khởi sắc...

Bên cạnh đó là những tồn tại xuất phát từ nguyên nhân chủ quan, như việc tổ chức bộ máy và cách thức tiến hành chưa thực sự đổi mới, chưa xây dựng được cơ chế vận hành phù hợp với chính sách và cơ chế đặc thù. Một số chính sách đã phân cấp nhưng trong nhiều trường hợp vẫn còn dè dặt trong triển khai. Đội ngũ công chức, viên chức chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo, còn tâm lý e ngại trách nhiệm trong tham mưu, xử lý các vấn đề mới chưa có tiền lệ.

Năm 2024 là năm “nước rút”, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025 của Đảng bộ Thành phố. Với truyền thống năng động, sáng tạo, các thế hệ lãnh đạo và người dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết tâm kiên trì thực hiện, khắc phục những tồn tại, tháo gỡ những khó khăn, tận dụng được những cơ hội tốt từ cơ chế đặc thù vượt trội, tạo nên những chuyển biến tích cực trong phát triển Thành phố thời gian tới, để xây dựng nên một đô thị hiện đại, với sứ mệnh và tầm vóc lớn lao trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước./.

HUYỆN QUẢNG HÒA: PHÁT HUY HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

Nâng cao chất lượng đào tạo vừa học văn hoá gắn với học nghề

Trung tâm GDNN - GDTX huyện Quảng Hòa trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Quảng Hòa có chức năng, nhiệm vụ: Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện về lĩnh vực đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng; bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động; tổ chức dạy học chương trình GDTX cấp THPT, liên kết đào tạo trung cấp nghề, liên kết kiểm tra cấp chứng chỉ tiếng dân tộc, tin học, ngoại ngữ... cho người học có nhu cầu. Trung tâm cũng tổ chức xây dựng và thực hiện các chương trình, giáo trình học liệu trình độ sơ cấp đối với nghề được đào tạo; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; tư vấn, hỗ trợ các Trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn Huyện. Trung tâm luôn duy trì ổn định số lượng học viên trung bình từ 300 đến 500 học viên (năm 2023 đào tạo 25 lớp/817 học viên). Từ đó, góp phần vào công tác xây dựng xã hội học tập, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Những năm gần đây, Trung tâm GDNN - GDTX huyện Quảng Hòa tập trung đào tạo các ngành, nghề: Chăn nuôi thú y, Khuyến nông, Khuyến lâm, Trồng trọt... nhằm tạo điều kiện cho học viên có cơ hội việc làm, hoặc học liên thông cao đẳng,... rút ngắn thời gian học lên cao đẳng, đại học sau khi tốt nghiệp THPT. Trung tâm xác định nâng cao chất lượng đào tạo học viên vừa học văn hoá gắn với học nghề là giải pháp quan trọng, góp phần phân luồng học sinh sau THCS, thực hiện công tác hướng nghiệp, dạy nghề phù hợp khả năng nhận thức và điều kiện gia đình của học viên. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng giảng dạy: Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giáo viên không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; chủ động, sáng tạo trong giảng dạy đáp ứng các yêu cầu theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của người học.

Nhờ nỗ lực triển khai đồng bộ các giải pháp trong đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, thầy và trò Trung tâm GDNN - GDTX huyện

Những năm qua, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX) huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng luôn phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn thực hiện các hoạt động dạy văn hóa THPT hệ GDTX, liên kết đào tạo trung cấp nghề; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy chế, đa dạng hóa một số loại hình đào tạo tại Trung tâm, đáp ứng nhu cầu học nghề của lao động địa phương.



Thực hành nghề trồng trọt trong Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Quảng Hòa đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Chất lượng giáo dục thường xuyên giữ vững ổn định, năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ học sinh học lực Khá, Giỏi, hạnh kiểm Tốt tăng theo từng năm. Chất lượng hai mặt giáo dục luôn đạt chỉ tiêu, kế hoạch, chất lượng học nghề phù hợp tình hình thực tế, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT được giữ vững, bình quân đạt 80%; Trung tâm liên kết với Trường Trung cấp nghề Cao Bằng mở và duy trì các lớp trung cấp nghề cho học viên vừa học văn hoá kết hợp với học nghề là 126 học viên.

Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn

Giai đoạn 2022-2024, Trung tâm GDNN - GDTX huyện Quảng Hòa đã tổ chức được 49 lớp đào tạo cho 1.644 học viên. Trong đó, 1.579 học viên trình độ sơ cấp (gồm các ngành nghề nông nghiệp: Sửa chữa máy nông nghiệp; Chăn nuôi gà, lợn hữu cơ; Nuôi và phòng trị bệnh cho lợn; Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò; Trồng và nhân giống nấm; Kỹ thuật trồng cây dong giềng; Trồng chè; Trồng rau an toàn;

Trồng ngô năng suất cao; Nghề phi nông nghiệp: Hàn điện; Sửa chữa điện dân dụng); và đào tạo nghề thường xuyên (Sản xuất phân hữu cơ vi sinh). Sau khi được đào tạo nghề do Trung tâm tổ chức, các học viên đã phát huy được những kiến thức khoa học - kỹ thuật, kỹ năng nghề góp phần áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, từng bước nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập, tạo việc làm và tự tạo việc làm, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo tại địa phương, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Trong thời gian tới, Trung tâm GDNN - GDTX huyện Quảng Hòa tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cha mẹ học viên và người lao động về tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp; phát triển nguồn nhân lực có tay nghề; vai trò và vị trí của công tác giáo dục nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.

Trọng Nghĩa

TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ CAO BẰNG: Chăm sóc tốt sức khỏe Nhân dân



Ê kíp y bác sĩ TTYT thành phố Cao Bằng phẫu thuật nội soi ruột thừa cho bệnh nhân

Những năm qua, Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch được giao, không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn thành phố Cao Bằng và khu vực lân cận.

Về công tác y tế dự phòng: Năm 2023, Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng đã triển khai, thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp. Chủ động xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh ngay từ đầu năm, dự trữ thuốc, hoá chất, vật tư, trang thiết bị để ứng phó kịp thời khi có dịch xảy ra. Song song với đó, Trung tâm luôn sát sao trong công tác chỉ đạo, điều hành các trạm Y tế xã, phường; giám sát, theo dõi, thu thập thông tin về tình hình dịch bệnh. Tổ chức tuyên truyền lồng ghép về cách phòng chống và phát hiện sớm các loại dịch bệnh tại cộng đồng như: Dịch bệnh Covid-19, tiêu chảy cấp, cúm A (H1N1, H5N1, H5N6, H7N9...), sốt xuất huyết, bệnh tay chân miệng, thủy đậu, đau mắt đỏ, quai bị...

Bên cạnh đó, Chương trình tiêm chủng mở rộng được Trung tâm duy trì thường xuyên, luôn đảm bảo an toàn, thực hiện đúng các quy định trong chương trình tiêm chủng. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt 91,6%, tỷ lệ tiêm phòng

vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai mũi 2 (+) đạt 95,5%, tỷ lệ tiêm vắc xin MR cho trẻ đủ 18 tháng tuổi đạt 96,3%, tỷ lệ trẻ tiêm vắc xin DPT cho trẻ đủ 18 tháng tuổi đạt 55,3%, tỷ lệ tiêm vắc xin viêm gan B sơ sinh đạt 96,4%, tiêm viêm não Nhật Bản B đạt 97,6%. Chương trình mục tiêu về Y tế - Dân số được thực hiện có hiệu quả. Hiện, 100% bệnh nhân lao, sốt rét, HIV/AIDS, tâm thần và các bệnh không lây nhiễm như: Ung thư, tim mạch, tăng huyết áp, đái tháo đường... tại địa bàn Thành phố đều được Trung tâm thường xuyên quản lý. Trong năm 2023, Trung tâm đã cấp phát hóa chất để tẩm màn cho 3.757 hộ gia đình có nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm do muỗi và côn trùng, đạt 268%; Lấy máu xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét, đạt 100%; Khám sàng lọc bệnh tăng huyết áp và đái tháo đường cho 22.985 người, đạt 76,27%/ 80% chỉ tiêu giao...

Chương trình truyền thông về chăm sóc sức khỏe Nhân dân được Trung tâm rất chú trọng. Với việc đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục sức khỏe trong cộng đồng và tổ chức tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên y tế, trong năm 2023, 100% trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, thừa cân, béo phì, rối loạn tâm thần học đường; Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám thai 4 lần trong thai kỳ đạt 98,6%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân dưới 5 tuổi đạt 10% (kế hoạch 10,3%); Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 5 tuổi đạt 13% (kế hoạch 13%); Tỷ lệ

trẻ 6-60 tháng tuổi được uống vitamin A đạt 99,87% (kế hoạch 98,2%)...

Về công tác khám, chữa bệnh: Năm 2023, Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng đã tập trung mọi nguồn lực, tăng cường công tác đào tạo, cử cán bộ tham gia các hoạt động đào tạo ngắn hạn, dài hạn tại các trường đại học y dược và bệnh viện tuyến Trung ương, tăng cường áp dụng các kỹ thuật mới vào khám bệnh, chữa bệnh, đặc biệt là phẫu thuật sản, phụ khoa, ngoại khoa... Nhờ đó, nhiều bệnh nhân đã đặt niềm tin chọn Trung tâm là nơi thăm khám và điều trị bệnh. Cụ thể, năm 2023, Trung tâm đã khám cho 34.674 lượt người, đạt 84%; Điều trị nội trú cho 2.305 lượt người, đạt 72%; Phẫu thuật 220 ca, đạt 163%; xét nghiệm 40.193 ca, đạt 95,4%; siêu âm: 2.299 ca đạt 91,4%;...

Trong thời gian tới, để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, Trung tâm Y tế thành phố Cao Bằng tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp: Tăng cường các biện pháp nâng cao y đức, đổi mới tác phong lề lối làm việc, văn hóa ứng xử của cán bộ y tế trong toàn đơn vị; cải cách thủ tục hành chính hướng tới sự hài lòng của người bệnh; tăng cường công tác chỉ đạo chuyên môn để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại Trung tâm và các trạm y tế xã, phường; thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động ngành Y tế, tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua: "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" trong toàn đơn vị./.

Minh Hà



Nhân viên y tế cho trẻ uống Vitamin A tại Trạm Y tế phường Tân Giang, thành phố Cao Bằng